

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Lê Thiệp nhà văn (III)**

Tiểu sử  
Mất ngày 5.7.2013 tại Okton, Virginia.

Tác phẩm  
Chân ướt chân ráo.



Lê Thiệp - tranh Đinh Cường

### **Mục Lục**

Ăn phở Hà Nội – 2  
Kim thiên thoát xác – 5  
Bác Ba Bí Tất – 9  
Chiến hữu - Tường Năng Tiến - 11

**Phụ đính I :**  
Trăng Đại Nội  
Lý Hợp Thiết Cương ký sự  
Trọng Toe

**Phụ đính II :**  
Nhớ sư ông Trí Hiền  
Lương y bất đao gia  
Hoa đào  
Mưa ở Mộc Hóa

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Ăn phở Hà Nội

Tặng những ông bạn Hà Nội chính gốc

Một trong những cái háo hức nhất khi đặt chân xuống phi trường Nội Bài là sẽ được ăn phở Hà Nội, phở chính gốc, phở của những ông Thạch Lam, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân. Đọc các vị văn sĩ của đất Hà Thành từ thuở còn thơ, món phở Hà Nội trở nên một ám ảnh lớn, một ước ao tưởng như không bao giờ có được khi còn ở miền Nam. Cứ nghe ông Nguyễn Tuân bảo “Ồi, một giọt nước mà long lánh cả quê hương” thì lòng lại rộn lên, thấy mũi như đang cố hít lấy cái hương vị của một bát phở Hà Nội, bát phở trong ước mơ. Tú Mỡ Hồ Trọng Hiếu còn viết:

*Phở là quà đáng quý ở trên đời.  
Một vài xu nào đắt đỏ mấy mươi.  
Mà đủ vị ngọt bùi thơm béo bổ*

Ngọt, bùi, thơm, béo, bổ.. Thế thì còn gì hơn nữa.

Buổi sáng đầu tiên ở Hà Nội mở cửa nhìn xuống đường. Đường phố hẹp, ồn ào với không khí oi nồng của mùa hè dù mới rạng sáng như đã phủ vào mặt. Đưa em long trọng mượn một cái ô tô con để hai anh em cùng về làng. Đi được độ mười lăm phút tôi bảo:

- Đói rồi, kiếm tô phở ăn cho chắc bụng

đã chứ hả ? Năm chục năm chưa ăn lại phở Hà Nội.

- Sao anh không nói ngay. Chỗ anh ở

đường Bát Sứ có phở Bát Đàn nhất Hà Nội. Gần ngay đó. Nhưng bây giờ quay trở lại sợ tắc đường.

“Tắc” có nghĩa là kẹt đường. Tôi bắt đầu làm quen với đất Bắc thân yêu bằng những từ ngữ không quen thuộc như “Đại Trà” là giàu có, là nhiều vô số kể. Tôi cười:

- Tắc thì thôi, nhưng ở Hà Nội chỗ nào chả có phở phải không?
- Để em coi.

Và sau vài câu bàn bạc với ông tài xế, chiếc ô tô con quẹo vào một con đường khá lớn. Đến một chỗ, xe tấp vào và đưa em thò đầu qua cửa hồi lớn:

- Còn phở không ?

Từ phía trong một căn hộ tối, một người dơ tay xua xua. Cảnh đó tái diễn độ hai lần cho đến lần thứ ba thì kết quả lạc quan với tiếng đáp lại:

- Còn

Cậu em giải thích:

- Ăn phở Hà Nội thế đấy anh ạ. Hàng nào cũng có phở nhưng chuyên phở mới ngon. Hỏi bé anh em mình chỉ toàn ăn phở gánh anh nhớ không ?

Tất nhiên là nhớ. Bởi vậy mới trở về. Nhưng những bát phở của tuổi thơ chỉ là những hình ảnh lúc hiện lúc mất và cái lưới nếm của thiên hạ đã nhiều nay muốn tìm lại hương vị ngày xưa.

Quán vắng tanh, không một người khách. Hai anh em tôi và cậu tài xế chiếm cái bàn gần cửa để ít nhất có một tí gió trời. Tôi hỏi:

- Có phở gì em ?
- Anh muốn ăn phở gì ?
- Có sụn, có gân, có gầu không ?

Nghe tụi tôi hỏi han nhau, ông hàng phở góp tiếng:

- Ồi dào, lấy đâu ra của quý thế. Đây

chỉ có nạm thôi.

- Ông cho tôi một bát chín nạm vậy.
- Em ăn tái trần.

Cũng lại lâu quá mới nghe lại chữ tái trần. Mỗi lúc tôi cảm thấy như gần lại tuổi thơ. Ô dào.Tái trần. Đó không phải là ngôn ngữ ở miền Nam. Ở miền Nam, chúng tôi quen với những tiếng Sứ C Mấy hay Tái Sống.

Tôi ngồi đó trầm ngâm nhìn ra bên ngoài. Xe cộ ở Hà Nội vẫn chưa đến nỗi đông quá như ở các thủ đô trên thế giới. Tất nhiên là xe gắn máy gấp mười xe hơi, có thể nhiều hơn nữa là khác. Tôi vẫn nghe các ông bạn dọa rằng Sài Gòn bây giờ xe gắn máy như ruồi nên không lấy làm ngạc nhiên lắm.

Ba bát phở được bưng ra. Bát đúng là loại bát Bát Tràng, khá dày và trắng với hoa văn màu xanh nhòe nhạt. Tôi ngửi thấy mùi gậy bò bốc lên và chợt nhớ đến lời phát biểu của ông bạn già Trương Cam Vĩnh “ Cậu phải hiểu phở bây giờ nó mất đi cái hương vị ngày xưa vì thiếu mùi gậy bò. Thịt bò bên Mỹ nó sạch quá, mát hay. Tớ vẫn cứ nhớ cái mùi đặc biệt đó. Cả Sài Gòn chỉ có phở Tàu Bay là còn giữ được cái mùi truyền thống này thôi”.

Tôi lẳng lặng kéo bát phở có mùi truyền thống lệch sang một tí. Đưa em đẩy cho tôi một cái đĩa nhôm vênh vao, ở trên lổn nhổn dăm ba trái quất nhỏ bằng đầu ngón tay cái đã cắt đôi. Thấy vẻ mặt tôi,Hòa, đưa em tôi cười:

- Chanh đất lắm và không có nước nên

dân Hà Nội thay chanh bằng quất. Cũng được anh ạ.

Tôi cười cầm nửa quả quất hơi xanh xanh vàng vàng lên vắt. Ba cái hột từ trong vọt ra, to cỡ hột đậu xanh. Hòa cười ngất bảo:

- Anh bóp từ từ chứ nhanh thế chỉ có hột ra mà không có nước.

-

Đầu óc tôi lóe lên một chi tiết mới. Đạo đang lớn lên ở sài gòn, ông chú tôi đi ăn phở vẫn cần nhằn về vụ chanh. Ông bảo dân Sài Gòn không biết ăn. Ăn phở phải dùng dấm, mà dấm ta mới đúng, mới dậy mùi phở. Hỡi ôi, miền Nam trù phú, chanh quả nào quả ấy to như quả ổi mong những nước và với thể hệ tôi thì không đứa nào nghĩ đến chuyện chan một thìa dấm vào tô phở cho nó đúng truyền thống. Phải chăng cái truyền thống đó hiện hữu chỉ vì quê tôi nghèo quá, quả chanh cũng sắt lại, cũng quất đi nên phải lấy dấm thay chăng ?

Những ý nghĩ lẩn quẩn và cái đầu óc còn lằng đằng vì chưa quen giờ giấc khiến tôi ăn gần hết bát phở. Lúc đó có một chiếc ô tô con nữa ghé sát lề và cũng có tiếng gào: “Còn phở không” và tiếng đáp cũng rất to” Hết phở rồi”. Tôi nhìn vào chỗ quày phở. Quày được đóng bằng tôn và có lẽ vì trường kỳ kháng chiến nên đôi chỗ đã lõm xuống và màu nhôm nay đã ngả sang nâu vàng. Tôi cố tưởng tượng đến một bó hành lá xanh ngắt, đọt thì trắng tươi treo lủng lẳng ở trên quày như tôi vẫn thấy hồi bé. Bó hành hoa của các xe phở hồi xưa nay mất hút nơi đâu. Hai người thanh niên đang loay hoay với cái thùng chứa nước sôi nhúng bánh phở. Hơi nóng vẫn nghi ngút tỏa lên. Họ bê cái thùng nhôm tròn dài đó lên và khiêng ra hè, sau đó nghiêng thùng để đổ cái nước đục trắng ngay vào miệng cống lề đường. Sau đó, họ lôi cái thùng nước lèo ra và cảnh cũ lại tái diễn, điều khác duy nhất là một người cầm cái vọt hứng, chắc là để chặn nước lèo như vụn xương hoặc xác hành gừng không lọt xuống hệ thống cống rãnh thành phố. Ấu cũng là một thái độ đáng quý, giữ vệ sinh chung cho mọi người.

Mãi quan sát, tôi quên phéng mắt bát phở và khi cầm đũa thì thấy bát phở đã nguội, váng mỡ bắt đầu hơi đông lại nên đành bỏ qua cái ước muốn thưởng thức cho hết mùi vị phở chính truyền Hà Nội. Hòa tinh ý phát biểu:

- Chắc tại cuối nồi họ tắt bếp nên phở nguội quá. Ngày mai em dẫn anh đi ăn phở Bát Đàn ngon nhất Hà Nội.

Sáng hôm sau tôi dậy sớm, phần vì lạ giường lạ chiếu, phần vì đủ thứ tiếng động, tiếng ồn từ đường phố vọng lên. Hòa hẹn tôi cỡ chín giờ nên tôi đành ngồi chèo queo bật Ti Vi xem. Rất nhiều kênh ( chữ mới toanh tôi vừa học được hôm qua) và đủ thứ ngôn ngữ: Ta, Tàu, Nhật, Thái, Mỹ, Pháp, loạn cào cào. Ấy có cả Đại Hàn nữa. Phim không được chuyển âm mà có một

cô đọc theo như lối kể chuyện. Giọng cô xướng ngôn viên đôi khi cố để mô tả cảnh huống trong phim lúc lên cao, khi xuống thấp nhưng trước sau chỉ có một giọng. Loay hoay một hồi khá lâu, tôi đâm chán và thấy đói. Tôi bò xuống lobby cái mini hotel hỏi thăm:

- Anh ơi, phở Bát Đàn có xa đây không ?
- Ồi, ngay đây ấy mà

Anh ta vung tay lên gạch ngang trên không giảng giải:

- Đây nhé, hotel chúng cháu ở phố Bát Sứ. Chú đi ra độ năm chục bước là phố Bát Đàn. Chú rẽ phải đi một quãng là thấy phở Gia Truyền Bát Đàn. Khiếp, ai mách nước mà nhanh thế. Cả Hà Nội chỉ có phở Bát Đàn là nhất đấy chú nhá. Ăn sớm mới còn, độ chín giờ là hết phở chú ơi.

Tôi cảm thấy vững bụng. Ít ra thì cũng có hai người dân Hà Nội đồng ý và như vậy phở Bát Đàn phải ngon. Lững thững tôi đi theo lời chỉ và thăm cho mình thông minh. Nếu chờ Hòa có khi lại hết phở cũng nên. Tôi có hỏi về vụ hết phở này. Tại sao không mở suốt ngày ? Chẳng ai giải thích cho tôi cho đến trước khi rời Hà Nội mới được gặp một vị lão tiền bối ba bảy đời ở Hà Nội. Ông cụ có vẻ từng trải, đã vào Sài Gòn nhiều lần, bảo tôi:

- Ông xa quê hương lâu ngày nên quên mất đấy chứ. Ngày xưa Hà Nội chỉ ăn phở buổi sang cho đến nửa buổi trưa. Ông nhắc đến các ông văn sĩ tiền chiến, thế có ông nào tả cảnh ăn phở trưa, ăn phở ban đêm như ở Sài Gòn không?

Tôi cứng miệng không biết nói sao vì suốt từ khi mới lớn cho đến lúc trưởng thành, tôi ăn phở sang trưa chiều tối, cả nửa đêm nữa. Sài Gòn đâu có lúc nào thiếu phở. Thấy mặt tôi tên tò, ông bạn vong niên tùm tùm cười:

- Ông xa quê lâu quá thế có biết yến phở là gì không?

Tất nhiên tôi không biết, ông cụ cười bảo:

- Thế là quên tiếng Việt rồi nhá. Yến là đơn vị đo lường ngày xưa. Một yến nặng tương đương - với tám cân. Người ta cân bánh phở bằng yến ông ạ. Thế mới lạ chứ! Nhưng tôi vẫn thấy gọi một yến phở nó thơ mộng hơn. Đấy, nó thế đấy ! Dân Hà Nội chính gốc chúng tôi vẫn cố giữ nếp nhà, mỗi hàng phở chỉ bán sớm đến gần nửa buổi, giới lắm là chục yến phở. Làm gì có cảnh ăn phở ồ ạt như Sài Gòn. Nhưng sáng sớm hôm đó tôi chưa được giáo dục để hiểu tại sao phở Hà Nội hết sớm thế.

Khi tôi tới thì thấy đã có bảy tám người sắp hàng chờ và tôi lại càng yên tâm hơn. Tôi tự kiểm điểm chính mình. Nhất định trông tôi giống y như dân Hà Nội với một cái áo sơ mi dài tay buông thõng để ra ngoài quần và chiếc quần cũng đã tàn tàn. Chân tôi đi đôi dép nhựa của mini hotel. Tôi yên tâm vì không ai thèm nhìn tôi cả. Khi gần đến lượt, tôi chú ý quan sát để khỏi có vẻ ngớ ngẩn. Phở có hai giá 8000 và 10000 đồng. Thêm dầu cháo quẩy 1500 đồng. Phở truyền thống Hà Nội ngày xưa làm gì có dầu cháo quẩy ? Hồi đó dù mới chín mươi tuổi tôi vẫn còn nhớ không hề có vụ dầu cháo quẩy. Hay là vì những năm hữu nghị thăm thiết môi hở răng lạnh nên cái ông Tàn Cối này mới có dịp nằm chễm chệ trên tô phở Việt Nam. Đằng sau cái bàn bọc nhôm có ba người. Một phụ nữ đứng giữa, chuyên nhận “óoc đơ” và thu tiền. Phía bên trái là một người đàn ông chuyên thái thịt. Phía bên phải là một ông khác lo nhúng bánh và chan nước lèo.

Tôi quan sát thấy tô phở không được lớn lắm mà tôi thì đói meo nên mở miệng:

- Một bát chín nạm, thêm một bát chín nạm không bánh.

- Không bán thế
- Một bát chín nạm

Người phụ nữ trông còn khá trẻ nhìn tôi

và nói:

- Tám nghìn.  
Tôi nạp đủ tám nghìn xong thì bà ta bảo:
- Chờ đấy

Tôi đứng lách sang một bên để nhìn vào trong quày phở. Người đàn ông phía bên trái liền tay lật đi lật lại miếng thịt chín rồi đặt xuống, nhanh tay thái. Khi đã thấy đủ, ông ta bốc bỏ vào chiếc bát lớn. Nhìn ông ta thái thịt, lòng cũng thấy vui vui. Tay ông ta nhanh thoăn thoắt hẳn từng nhát với chiếc dao phở to bản. Thình thoảng ông ta lật chiếc dao lại, nhúm một tí thịt tái trải ra và dùng sống dao dần nhẹ lên trên có lẽ để cho thịt tái mềm ra. Đi ăn phở ở Mỹ ở Tây ngay cả ở Đại Hàn không ai thấy được cảnh thái thịt. Ít nhất thì cũng yên trí là mình được ăn thịt tươi. Sau khi ông bốc thịt vào bát, bát được chuyển vào giữa và người thiếu phụ bỏ hành ngò xong đẩy bát sang để ông bên phải múc nước lèo.

Tôi nhìn người đàn bà, Hà Nội mùa hè sáng bảnh mắt đã nóng hừng hực có lẽ vì những cơn gió Lào, bà ta lại đứng sát lò lửa nên trán lấm tấm mồ hôi, thỉnh thoảng phải đưa tay lên quạt. Trước mặt bà ta là một đồng tiền. Tiền Việt nam hiện tại có nhiều đơn vị, tờ lớn nhất là nửa triệu và tờ nhỏ nhất là 500 đồng. Những tờ 500, 1000, 2000 có lẽ được in ở những nhà in rẻ tiền và phát hành từ lâu nên trông bèo nhèo nhơm nhếch. Bà ta lúc đếm tiền, lúc thổi tiền xong lại bốc hành. Còn đang mãi quan sát thì nghe tiếng gọi:

- Chín nạm của ông kia.

Ông kia là tôi. Tôi long trọng đưa tay nhận bát phở và nhìn quanh để kiểm chỗ ngồi. Phía trong hơi tối có ba bàn đều kín chỗ. Quay sang phía ngoài, tôi thấy có một chỗ trống ở một chiếc bàn. Bàn là loại bàn vẫn thấy ở những bộ sofa, thấp và bọc phooc mi ca. Tất cả có bốn chiếc bàn bên ngoài kê trên lề đường sát với một dãy xe gắn máy. Tự nhiên như người Hà Nội, tôi luồn lách, bê tô phở đến chỗ trống. Chiếc ghế bằng nhựa ni lông màu đỏ có hoa xanh nhưng đã phai màu nhỏ tí như ghế con nít. Tôi ngồi xuống thì chợt nhớ ra ăn phở phải có thìa, có đũa. Ngó quanh thấy trên tường có treo một giỏ tre đựng, tôi nhồm lên lấy xuống tiện tay giặt luôn hai tờ giấy hình vuông cỡ lớn hơn long bàn tay. Napkin Hà Nội màu ngà ngà, dày như tờ giấy đánh máy.

Vừa trở lại thì có một ông khác đặt bát phở ngay trước mặt tôi. Ông bạn này trông khá trẻ, quần áo đàng hoàng nhưng vẻ mặt thì lạnh tanh. Tôi toan chào làm quen nhưng ngưng lại kịp. Ông ta dáo dác nhìn quanh và nhòai người sang bàn bên cạnh, chỗ bốn người đang xì xụp, lồi về phía bàn tôi một đĩa nhôm đựng quất. Tôi thản nhiên bốc nửa trái quất và với kinh nghiệm xương máu hôm qua, rất từ từ vớt nửa trái quất vào chiếc thìa. Hà, chiếc thìa yêu dấu của năm chục năm về trước tưởng đã tiêu diêu nơi đâu, nay vẫn sờ sờ hiện hữu trước mặt tôi. Nó được ép bằng nhôm mỏng tanh và cạnh đủ sắc để làm bạn ta sứt môi nếu không cẩn thận. Tôi bóp nhẹ, bóp nhẹ và hai hột quất lòi ra từ từ cùng với nước quất nhiều xuống thìa nhôm. Tôi chơi một lúc ba miếng quất mới đủ cho bát phở. Có cái gì nhòn nhọn trong tôi. Thiên hạ dọa tôi đủ thứ trong đó có vụ đi té re. Nhưng đã đến Hà Nội mà không ăn như người Hà Nội e mất tiếng. Vả lại dân Hà Nội nổi tiếng là sành ăn đến nỗi đã có biết bao nhiêu bút mực để ca tụng món ngon Hà Nội. Tôi tặc lưỡi múc một thìa nước dùng lên húp. A, có mùi truyền thống như hôm qua. Ông bạn ngồi trước mặt tôi bỗng lại ngó dáo dác. Quay qua quay lại, ông ngó xuống gầm bàn lồi lên một lọ tương ớt. Hà, tôi cũng đang cần nó và không bao giờ nghĩ ra nó lại nằm ở đó, trên cái nền đất nhơm nhếch của vỉa hè. Tôi neho mày nhìn xuống, trên đó, vỏ quất, giấy và không biết còn những thứ gì khác vung vãi khắp nơi. Chờ ông bạn dùng xong, tôi lấy lọ tương ớt và xịt có hơi nhiều với cái suy nghĩ rất nhà quê rằng ớt có nhiều a xit phooc mic đủ để giết vi trùng.

Tôi xin nói thật rằng tôi đã ăn hết bát phở chín gầu đó và sau đó không hề đau bụng.

Trên con đường trở về chỗ trọ, tôi thấy lỗi tại tôi trăm bề. Tôi đã đổi, đã thay chữ Hà Nội của tôi vẫn thế, vẫn là Hà Nội của nửa thế kỷ trước. Nơi đây, thời gian ngưng lại. Tôi nhìn lại gốc cây sấu được quét vôi trắng. Nó vẫn y như cây sấu của tôi ngày xưa. Tự nhiên tôi phá ra cười. Ngày xưa, ông Sartre nhìn thấy một gốc cây xù xì mà phát hiện ra chủ nghĩa hiện sinh. Tôi vừa nhìn thấy gốc cây sấu, đã phát hiện ra là ở Hà Nội yêu dấu của tôi, thời gian ngưng lại mà đôi khi lại còn đi giật lùi. Tôi có thua gì ông triết gia nổi tiếng này đâu.

## Kim thiên thoát xác

Tôi không thể không xuống với ông. Vài chục dặm để cũng chỉ sút soát một tiếng đồng hồ. Không thể không đi không hẳn vì cái phần nhớ nhung vốn đã có ở đó nhưng còn tiếng ve inh ỏi buổi đầu hè như đánh thức con tì con vị và nó cứ như dục giã tôi. Không đi thì quả là có lỗi, không chỉ với ông mà cả với tôi, với những con ve sầu nữa.

Ông không ngạc nhiên khi thấy tôi đẩy chiếc cửa lúc nào cũng để ngỏ :

- Ông xuống sớm thế này phải lúc. Ta ra ngoài là vừa.

Nơi ông ở là một cái trại lớn. Gọi là trại nhưng thật ra không trông trọt gì, toàn giải mấy mươi mẫu toàn là cây phong cây sồi. Căn nhà ông ở chỉ có hai phòng ngủ nhỏ do chính ông vẽ kiểu và mướn thợ xây, nằm gọn giữa một mảnh đất bằng phẳng. Tí rau thơm, vài khóm cải, rau mùng tơi, bụi lá mơ, một góc có ít bạc hà, ít ớt. Ông bảo một mình ăn uống là bao, con cái lại cứ tiếp tế nên cũng chả buồn trông tĩa gì nhiều. Định nuôi vài con gà lấy trứng nhưng chồn cáo nhiều quá, lại còn điều hâu chim ửng nữa.

Trời mới vào hè khá mát, nhất là lúc sớm, mặt trời mới chỉ nhú lên. Ông cầm cái rô nhỏ bảo tôi:

-Thế ta đi chứ

-Vâng ta đi

Ông và tôi chậm rãi tiến về khu rừng phong

-Đợt năm nay có vẻ nhiều hơn đợt trước.

Đợt trước mà ông nói thế mà đã mười bảy năm. Đời sống của con ve sầu nay không còn bị hiểu lầm như trong bài thơ ngụ ngôn của La Fontain mà cụ Nguyễn Văn Vĩnh phiên âm theo tiếng Hán Việt thành Lữ Phụng Tiên. Nó không hề van xin con kiến để có miếng ăn vào mùa đông. Các nhà côn trùng học đã phanh phui sự thực. Chính những con kiến đã bu theo sau con ve sầu để ăn mót tí mật vương vãi khi ce sầu chích vào vỏ cây. Và lại con ve đâu có sống tới mùa gió bắc thổi để đói khổ đến có cái cảnh nguồn cơn thật bối rối.

Ve sầu đẻ rất nhiều trứng, mỗi con ước lượng cả ngàn trứng dính ở vỏ thân cây. Trứng nở thành ấu trùng li ti và ngoi ra lăn xuống đất. Cuộc chiến đấu để sinh tồn bắt đầu ngay lập tức. Ấu trùng ve là món ăn khoái khẩu của chim chóc, nhện, kiến... Ấu trùng nào thoát nhanh vượt của địch thì cũng chưa chắc đã tồn tại nếu mặt đất không đủ ẩm, quá khô, quá cứng hoặc toàn đá, nó sẽ không thể nào chui xuống sâu trong lòng đất được. Tỷ lệ sống còn e cỡ một phần trăm. Cái mầm sống tí teo đó, không lớn hơn cỡ đầu cây tăm cổ đào xới để chui xuống tìm giấc đông miên. Các nhà côn trùng học đã tìm ra có loại ve chỉ vài ba năm là chồi lên ca hát, có con lại ngủ lâu hơn và lâu nhất là mười bảy năm. Họ dùng chữ X để phân biệt. Bood X là loại trên mười năm.

Cái đợt trước ông nói với tôi là từ 1987, lúc ông chưa về hưu qui ẩn ở đây. Tôi đi thông thả cạnh ông, hít đầy phổi cái hơi mát rượi của rừng, của phong, của sồi và cái thơm dịu của hoa cỏ chung quanh. Tôi nhớ có lần đề nghị ông nuôi một con chó cho vui cửa, vui nhà. Ông bảo.

-Áy, ở quê mình thì nuôi chó để giữ nhà. Nơi đây tứ phía là rừng, chẳng có rào dậu gì, chẳng biết đâu là đất mình, đâu là đất hàng xóm, con chó quèn thì ăn thua gì. Và lại tôi sợ thúc buộc, ngần này tuổi đầu lại giẫy mơ rê má đến những hệ lụy quả là không nên, chó dẫu là hệ lụy với một con vật như con chó. Ông để ý xem, chung quanh đây đủ thứ, từ nai cho đến chồn, có khi

có cả ngỗng trời -loại thiên nga này hiếm lắm. Có gia đình con chồn màu đỏ, đuôi cong to gần cái chổi lông đẹp ra phết. Tôi vẫn cứ nghĩ chúng nó là bạn tôi cả nên cũng đỡ cô đơn. Chỉ đi một vòng là đã lượm được một mớ ve kha khá. Ông bảo chỉ nên bắt những con ở độ cao cỡ một thước tây và ở những thân cây lớn.

-Nó có lý do cả ông ạ. Những con ở ngay gốc là những con non quá, hoặc yếu quá. Lựa những gốc cây lớn vì chung quanh thường không có loại cỏ dại, cỏ độc -poison ivy ấy mà ông. Ve sâu sau nhiều năm ở sâu dưới lòng đất, vào lúc đầu hè trời ấm nó bắt đầu ngoi lên và trưởng thành. Từ một ấu trùng tí hon, vừa ngoi vừa hút chất bổ dưỡng từ rễ cây nó lớn rất nhanh và bắt đầu lột xác. Ông tùm tùm cười bảo:

-Ông cũng biết Đông Tây bao giờ cũng nhìn sự việc khác nhau. Cái ông La Fontaine thì mắng con ve không lo làm, ăn tích cốc phòng cơ. Còn các ông Tàu thì lại nhìn cái chuyện con ve chui ra khỏi cái vỏ dưới một thế võ -Thế Kim Thiên Thoát Xác. Phải giàu óc tưởng tượng lắm -ít nhất như Lý Ngọc Hưng hay Kim Dung - mới có cái ví von lý thú này. Tôi đã đứng nhìn con ve nó lột. Thoát ra được cái vỏ cũng vất vả ra phết, nhiều con đuối, hoặc tiết không đủ chất nhờn, khi chết một nửa còn kẹt trong cái vỏ.

Cũng chẳng vội vàng gì. Ông và tôi lững thững đi trong rừng phong thưa vừa đi vừa nhặt. Những con ve sâu vừa chui khỏi vỏ trắng như sữa bám vào vỏ cây xù xì. Cái vỏ màu trắng đục, nếu không rơi xuống đất hoặc bị gió thổi đi, đôi khi cũng còn tòng teng ngay phía dưới. Ve sâu vừa lột nằm gần như bất động, cái sống chỉ hiện ra ở mấy cái chân tí xíu hơi động đậy. Nó nằm đó để chuyển hoá. Thiên nhiên bao giờ cũng vậy, đầy bí mật và huyền diệu, bởi không lâu sau con ve trắng trong mong manh đó trở nên cứng cáp, màu sắc rực rỡ, hai cánh mỏng như lụa có những đường gân nổi đã có thể xoè ra, dương lên. Cái đầu cũng đổi hẳn, hai con mắt nhô lên long lanh. Tùy thể loại, ve có con có mắt màu xanh, có con lại màu đen, màu nâu đục. Màu sắc cũng khác, nhưng cứ như kinh nghiệm thì những loại ve có chu kỳ ngắn cỡ ba bốn năm có vẻ nhỉnh hơn, màu sắc cũng rực rỡ hơn loại có chu kỳ trên mười năm. Nhưng được chú ý hơn cả vẫn là loại mười bảy năm có thể vì nó nhiều quá, đông quá đến độ mỗi sáng ra ve chết đầy sân và lái xe trên xa lộ lâu lâu lại có một con lao vào kính nát bét, chỉ để lại một vết nước nhờn nhờn. Loại này cũng ồn ào nhất, có lẽ nhờ số đông và mặt khác cái ồn ào cũng lây sang cả con người. Mở báo, mở radio là nghe, là đọc thấy chuyện con ve sâu -Cicada. Mọi người như muốn quên đi chuyện chiến tranh ở Iraq, chuyện chém giết ở Trung Đông, chuyện giá xăng lên như điều hay chuyện tranh cử giữa ông Bush và ông Kerry. Xem ra nói cái chuyện hiện tiền, cái chuyện ngay tại chỗ như chuyện con ve có vẻ vui hơn. Vài đài radio gọi đây là tuần lễ ve sâu. Báo thì cố đào xới để xem có ai chết thảng cảng vì ăn ve chiên dòn chẳng? Hoặc sở vệ sinh thành phố đã phải ra thông cáo rằng con ve sâu vô hại, không cần phải đi mua lưới về che nhà che cửa hoặc bọc quanh những bụi hoa hồng.

Ông cười nói với tôi.

-Ấy cái xứ Mỹ này hay đáo đẽ, không có chuyện cũng thành chuyện huống hồ vụ ve sâu 17 năm. Khối chuyện để bàn ông nhỉ.

-Có người ăn ve sâu chiên dòn phải đi nhà thương tưởng chết.

-Ấy, cái miệng nó hại cái thân là thế, ông ạ. Thú thật, tôi không biết người Mỹ họ ăn ve sâu kiểu nào. Có thể cứ ra chộp được chú nào là vật cánh, vật đầu lăn bột chiên như món thịt gà chiên chắc. Đông phương mình khác. Trước khi nói đến cái ngon, ta nghĩ đến cái lành, cái bổ dưỡng. Ai cũng biết thịt bò lành, vị hàn nên mát. Bởi thế, nấu nướng gì với bò ta cũng gia thêm vị nóng như gừng, tiêu, ớt hoặc cà ri. Ông cứ nghiệm mà xem. Ông quăng cái gì con gà con vịt cũng mổ tuốt luốt. Giống heo, lợn lại còn ăn tạp hơn nữa. Ông có thấy ai ăn thịt gà tái, thịt lợn nửa sống, nửa chín không? Nhưng con bò chỉ ăn cỏ nên thịt nó lành, ăn tái càng ngọt phải không ông?

-Thế còn con ve?

-Năm nào tôi với ông cũng có một lần nhâm nhi, hai đứa vẫn sống nhăn đầy thôi? Trời cũng bắt đầu hửng nắng, ông và tôi trở lại căn nhà nhỏ. Cái rổ nhỏ cũng đã lượm lượm những con ve mới lột nằm sắp lớp chửa quậy.

Ông nhẹ nhàng nghiêng rổ, trút cả vào cái thau đựng đầy nước mắt.

-Nước mắt của mình lạ lắm ông ạ, nó còn có tính cách sát trùng nữa. Tôi có đọc ở đâu đó một bài khảo cứu so sánh nước mắt với rượu vang, nhớ nhất là cái nhận xét rằng đây là những thức ăn, thức uống sinh động -hiểu theo cái nghĩa chưa chết cứng, vẫn còn đang chuyển hoá nhờ những thứ men, các chất hóa học tác động vào nhau -có nghĩa là để càng lâu càng ngấu, càng ngon. Ngày xưa quê tôi họ dùng nước mắt lâu đời để chữa bệnh đạu bụng kiến hiệu đáo để.

Cái thau thủy tinh trông vui mắt hẳn lên với những con ve non trắng nõn trong cái nước màu nâu hổ phách. Ông lắc nhẹ cho những con ve đều trong chiếc thau, bảo

-Ngâm ve vào đây để nước mắt đánh tan cái chất nhờn ve tiết ra khi lột xác. Cái bào sinh ve chứa rất nhiều bí mật. Làm sao mà từ một con ve non mong manh trắng như sữa mà chỉ vài tiếng sau cánh đã cứng, màu đã đổi. Hẳn là phải có tác dụng của quang năng và cái sinh hoá của những chất đặc biệt để nó biến thái nhanh như vậy. Nước mắt tôi nghĩ là giúp để bảo trì cái năng lượng quý giá của trời đất nơi con ve. Thôi ta làm một tuần trà trước đã.

Cái gì nơi ông cũng từ tốn cả. Ông cầm chiếc xúc trà bằng tre nhẹ nhàng hơi lắc để những búp trà lắng hẳn vào trong rồi nhấc ra nghiêng vào chiếc bình nhỏ. Ông chậm rãi đổ bỏ nước đầu vào chiếc thố đất bên cạnh.

=Trà xanh ông ạ. Trà xanh mộc không ướp của mấy ông bạn già biếu. Nó thanh hơn trà Tàu của tiệm Thiên Nhân Trà Gia nhiều. Tôi thấy dạo này nhiều người bỏ ra cả trăm bạc mua một pound trà hình như 405 hay 905 gì đó, thật phí của. Có thứ ngọt lịm vì bỏ thêm sâm vào có lạ không?

Cái chung nhỏ phía ngoài thì màu đất nung đen sẫm, nhưng phía lòng chung lại men trắng tinh khiến màu trà xanh như xanh hơn.

-Tôi vẫn cho rằng khoa học có tiến cách gì thì cũng không vượt nổi tạo hóa. Cứ nhìn nội cuộc đời con ve sâu cũng đủ rõ. Con ấu trùng bé tí khi rơi từ thân cây xuống, e nó có thể đã u đầu sứt trán. Nếu làm bài toán nhằm theo tỉ lệ thì độ cao một thước thôi e nếu là con người thì nó phải là cả trăm thước. Rồi sức lực đâu để nó đào xới chui hẳn xuống lòng đất đôi khi cả ba bốn mét? Thế khi đã an phận nó có ăn không, có thở không? Làm sao mười bảy năm nằm ngủ im để sức tình để sống lại? Tại sao không phải là mười sáu năm rưỡi? Làm sao nó biết đã đến mùa hè? Và lại sức khoẻ đâu để nó đào ngược, chồi lên với ánh mặt trời? Ông cứ nghĩ thử xem là dẫu khoa học tân tiến đến đâu chẳng nữa thì cũng không thể hãm thời gian, cho hài nhi ngủ một lèo mười bảy năm không ăn, không uống, không thở, rồi lay nó dậy cho nó khóc oe oe chào đời lại.

-Vâng. Nhưng đang có những dự kiến là khoa học sẽ có thể đoạt quyền tạo hoá. Vụ Clone chẳng hạn.

-Ông nói đến khoa học giả tưởng rồi. Óc tưởng tượng bao giờ chả phong phú. Nhưng thôi, ta trở lại với con ve sâu. Đối với tôi thì cuộc sống của nó thật huyền diệu. Ngoi lên mặt đất, lột xác chỉ rất nhanh sau nó đã đủ cứng cáp để bay lượn, ca hát. Đúng là đột giai đoạn. Ông nghĩ là khoa học có thể khiến một hài nhi bỗng trở thành một thanh niên cường tráng trong vài giờ chẳng?

Tôi nâng chung trà xanh lên. Nó thoảng cái hương thơm mộc mạc của cây cỏ. Vị chát mà không đắng. Độ nóng cũng vừa đủ để không phải hít hà. Ông cũng nâng chung uống từng ngụm nhỏ. Căn phòng khách nhỏ ấm cúng với cái giá sách không nhiều nhưng gọn gàng, vẻ như chủ nhân và sách vở thân thuộc nhau quá. Tôi nhằm đọc -Mấy cuốn sử ký, dăm ba cuốn thơ của Đinh Hùng, Vũ Hoàng Chương. Vài cuốn của Tự Lực Văn Đoàn. Ông cười:

-Ày, tôi giờ lười lắm. Có mấy cuốn sách cũ cứ đọc đi, đọc lại. Thơ ông Hùng hay đáo để và cái thích nhất là cái không khí thơ của mấy tập như Mê Hồn Ca. Ông cũng thích thơ ông Hùng? Nhưng thôi, chắc mẻ ve cũng đủ ngấm, ta sửa soạn chứ.

Ông đứng dậy bê thau đựng ve đổ lại vào cái rổ con, và sau đó xả nước lạnh.

-Để lâu quá e nước mắt nó ngấm mận.



Ve trắng tinh được để cho ráo rồi sau đó ông cẩn thận trải mớ ve trên mấy tờ giấy bounty để thấm cho thật khô.

-Thế người Mỹ họ nấu ve sầu kiểu nào vậy, ông có biết không? Tôi nghe thì họ deep fry giống như gà chiên Fried Chicken của ông Colonel gì đó phải không?

Ông lấy một lát bơ lạt bỏ vào chảo bắc lên bếp và vặn lửa nhỏ. Ông bảo chiên khác, rang khác. Chiên là phải ngập dầu, ngập bơ và lửa lớn. Còn rang là lửa phải nhỏ và bơ chỉ loáng thoáng lấy vị. Khi bơ đã tan và hơi có bọt li ti, ông trút cả mớ ve vào, nhanh tay đảo.

Màu ve đổi dần từ trắng sang hơi vàng, và khi thấy đã đến độ, ông với tay tắt bếp, đổ mớ ve ra chiếc đĩa sứ lớn.

-Tiếc ra không có rượu nếp quê mình. Hồi mới sang đến đây cho đến giờ, tôi vẫn khâm phục tư bản nó quảng cáo giỏi. Head Home For Red. Về nhà làm một ly đồ, Johnny Walker đồ rẻ tiền mà lại có cái hơi hương rượu ta hơn cả. Không biết ông nghĩ sao chứ tôi thấy Cognac nhất là Cognac XO đắt tiền nó thơm quá, giống như nước hoa, như phấn đầm.

Tôi bật cười trước cái so sánh ngộ nghĩnh này và đón lấy ly rượu nơi ông.

Đừng dụng tâm đi tìm cái gì ly kỳ nơi món ve rang. Làm gì có thịt, có mỡ. Nó không ngậy quá như đuông. Nó không phàm quá như món đế cơm nhồi hột điều. Nó không ngào ngọt quá như cà cuống luộc. Nó không bốp chát như món nhộng. Nhưng nó vượt lên tất cả. Bỏ một con ve óng vàng vào miệng mà như cuộn gọn thời gian lại. Cái ròn tan thanh tao lẫn với cái hương hoa của rễ cây, của trời đất như thấm vào tận đáy lòng. Đừng vội quá, nhưng cũng đừng chậm quá. Ông ung dung gắp con ve vàng ửng và chiêu từng ngụm nhỏ. Ly rượu thấp thành dày khiến mấy viên đá chạm vào nhau kêu tí tách. Ông bảo nhẩn nhẩn nên uống pha với nước lạnh nó phải hơn.

Ngoài kia trời cũng đã đứng bóng. Mấy cây phong vào thu sẽ đổi màu nhưng nay thì lá vẫn xanh rì lao xao trong gió nhẹ, như cùng nhịp với tiếng ve náo nộ. Ông và tôi ngồi đó nhìn ra ngoài. Cả trời đất như thu gọn lại trong cái tịch liêu của trưa mùa hạ. Đĩa ve rang cũng đã vơi đi một nửa. Ông bùi ngùi :

-Ngần này tuổi đầu rồi, mọng lớn, mọng nhỏ cũng đã qua cả. Bận bè cũng vơi gần hết nên tôi lui về đây di dưỡng. Ấy, ngày xưa còn, năm nào ông Nguyễn Bé cũng làm một mẻ ve rang với tôi. Ông nhớ Đại Tá Bé, sĩ quan cao cấp nhất của phía bên kia hồi chính chứ nhỉ? Vậy mà ông ấy qua đời cũng gần hai chục năm rồi. Lại sắp sửa đến giỗ anh Ngọc Dũng nữa.

Bỗng tôi thấy ông như một người khác. Khuôn mặt ông đăm chiêu hẳn đi, như muốn níu kéo những gì không giữ lại được. Ông đẩy đĩa ve sang gần tôi hơn:

-Ông không xuống thì tôi cũng không làm tội làm tình mấy con ve non. Cả chục năm tôi không săn bắn nữa. Ngay cả đến đi câu cũng thôi. Chiều chiều bắc ghế ra sân chờ mấy con nai ngơ ngác đi qua cũng đủ vui chán.

Tôi ngậy người nhìn ông. Giống như con ve sầu nhưng chỉ khác là con ve chui ra khỏi vỏ còn ông thì đang cố chui trở lại cái vỏ của thời gian vốn đã mất đi.

Có cái gì ngậm ngùi khi chia tay. Ông Đỗ Đình Duyệt ân cần nắm tay tôi:

-Tôi vừa gầy được một bè sau rút nhỏ. Sang tháng ông xuống ta làm một bữa rau rút chấm muối vừng có khi lại hay.

## Bác Ba Bí Tất

Lên lớp Đệ Tam có nghĩa là bước lên một chặng đường khác của đời học trò. Nhưng ơ kìa, Nguyễn Trãi lên Chu Văn An xem ra mọi sự vẫn như vậy. Vẫn là những ông thầy Bác Kỳ già, nổi danh một thời như cụ Đỗ Trí Lễ, cụ Hoàng Cơ Nghị, cụ Nguyễn Văn Mùi, cụ Đào Văn Dương, cụ Vũ Khắc Khoan... Toàn là những bậc thầy cỡ chiến nhưng nếu bỏ qua phong thái đạo đức đáng kính, bỏ qua cách cư xử của những nhà mô phạm cổ điển, phải nói các cụ hình như không bắt kịp cái đà tiến của xã hội. Các cụ vẫn còn mang hình ảnh của trường Bảo Hộ,

trường Bưởi, của những thế hệ chưa thoát khỏi nho phong. Cho nên khi lên Chu Văn An, học trò Nguyễn Trãi như tụi tôi không thấy gì ghê gớm, không thấy niên học đầu tiên ở ngôi trường uy tín này là một bước ngoặt của đời học trò. Xem ra Chu Văn An chỉ như cánh tay nối dài của Nguyễn Trãi. Tất cả hình như vẫn như thế, chỉ trừ có một khuôn mặt mới là bác Ba Bít Tất.

Xin được nói cho rõ. Nguyễn Trãi nằm ở đường Phan Đình Phùng và Chu Văn An ở đường Trần Bình Trọng là hai trường Bắc Kỳ di cư, cho đến đời tụi tôi 56-63 vẫn còn có những năm phải đi học nhờ, không có trường sở riêng. Nguyễn Trãi học nhờ trường Lê Văn Duyệt vào buổi chiều. Vì Lê Văn Duyệt là trường tiểu học nên không có vụ căng tin và hàng quà giỏi lắm là cóc ngâm, củ đậu sứt lát hoặc là dứa bôi muối ớt dầm dờ. Đúng là quà của con nít. Chu Văn An lúc đó cũng học nhờ Petrus Ký nhưng đối với tôi, coi bộ hách hơn chỉ vì có bác Ba Bít Tất.

Cho đến giờ này sau gần nửa thế kỷ rời khỏi Chu Văn An quên quên nhớ nhớ cũng lậm nhưng có một điều duy nhất bất cứ tên nào đã mài dũa quần ở Chu Văn An là không thể quên cái tên bác Ba Bít Tất. Ai đã đặt cho ông cái biệt danh như vậy? Tại sao không phải là ông, là chú, là gì khác mà lại là bác? Bác này khác với “bác” Hồ. Ông Hồ tự phong cho mình là bác trong khi “bác” Ba Bít Tất được tất cả những thế hệ học sinh Chu Văn An “tôn xưng”, và một điều khác nữa là bác Ba Bít Tất không bị ai ghét hay nguyền rủa như bác Hồ.

Trước khi nói đến nhân vật đặc thù này của Chu Văn An, có lẽ phải cho tôi mào đầu bằng ông già bán cháo sườn. Từ đường Trần Bình Trọng đi vào tòa nhà chính của trường là con đường đất nhỏ chạy dọc theo sân đá bóng, chỗ có dãy nhà được mệnh danh là chuồng ngựa. Có lẽ vì trước đây là chỗ nuôi ngựa chằng? Trên con đường đất đó có một ông già bán cháo sườn. Gia sản của ông là một chiếc xe gỗ nhỏ và món duy nhất là món cháo sườn kiểu Tàu, đặc như bột quấy với lóang thóang một ít sườn. Kể ra sáng sớm trước khi vào lớp sau một cuộc xe đạp vã mồ hôi, có một chén cháo sườn, dù là cháo sườn Tàu cũng là một niềm hạnh phúc lớn. Sở dĩ tôi đồng dài ông cháo sườn Tàu này vì có một chuyện điếu không chịu được. Ông này là người Việt gốc Hoa nhưng cái gốc Hoa của ông lâu ngày đã long lở nên ông nói tiếng Việt tiếng Bắc hẳn hoi y chang như dân gốc Việt.

Lần đó tôi trốn học đi chơi liền ba bốn buổi gì đó và cụ giám thị Viêm đã viết thư về gia đình yêu cầu bố mẹ tôi lên gặp ông Giám Học để cho biết lý do. Láu cá như bất cứ một dân Chu Văn An nào khác, tôi rình khi ông phát thư đến là tôi chộp ngay cái lá thư nguy hiểm cho tiền đồ của tôi. Nhưng đó mới chỉ là một giải pháp ngăn chặn tạm thời, chưa phải là phương cách giải quyết tận gốc. Còn đang mịt mịt như cái lọ thì ông Phạm Quang Liêu biết chuyện cười khà khà mách nước. Tôi chạy đôn chạy đáo được tí tiền xong đến tìm ông già cháo sườn. Sau khi trình bày mọi việc và dúi cho ông 10 đồng, ông Tàu bảo chuyện này dễ, ông biết cách vì mấy tháng trước ông ta đã làm dùm một anh học trò khác. Tôi cẩn thận dạy ông cho đến lúc ông thuộc lòng tên tuổi tôi, học lớp nào, gia cảnh ra sao. Ông Tàu cháo sườn sau khi bán hết nồi cháo, vào khoảng 10 giờ sáng, ông đến gặp thầy Giám Học. Theo đúng lời tôi dặn, ông mếu máo khai là nhà neo, lại phải lao động suốt ngày, tôi là đứa con ngoan chịu khó giúp đỡ bố mẹ nhưng mấy hôm trước bị sốt nên không đi học được. Sở dĩ tôi nghỉ mà không xin phép vì nhà xa quá. Mọi chuyện diễn ra ngon ơ và tôi phục ông Phạm Quang Liêu quá xá, hỏi ông làm sao mà nghĩ ra cái võ hay thế. Ông Liêu bảo đã có đứa khác đánh võ này rồi, có gì ghê gớm đâu.

Không hai tuần lễ sau, đến lượt ông thầy dùi gặp nạn, ông Phạm Quang Liêu cũng nhận được giấy mời phụ huynh lên để cho biết lý do tại sao trò Liêu vắng mặt liền mấy ngày. Bạn ta tình bơ đánh lại võ cũ, lại nhờ ông Tàu lên đóng vai ông bố khóc lóc kể khổ. Thiên bất dung gian, thầy Giám Học nhớ mặt ông diễn viên Tàu mới đến kể khổ hai tuần trước và câu chuyện võ lờ. Phạm Quang Liêu là một thằng bạn đầu tiên của tụi tôi ngã gục trên chiến trường nhưng nhớ đến Liêu, tôi không thể nào quên được câu chuyện cháo sườn này.

Tuy nhiên, so với bác Ba Bít Tất thì ông Tàu cháo sườn chỉ là vòng ngoài, là kẻ cạnh tranh bất chính. Năm tôi lên Chu Văn An, lớp Đệ Tam B3 của tôi nằm ở cuối dãy nhà ngang sát bên hàng rào, từ cửa sổ có thể ngó sang trường Petrus Ký. Lúc đó, căn cứ của bác Ba Bít Tất là

một căn phòng nhỏ tối mù ở sát bên lớp tôi. Cái gọi là căng tin đó xem ra cũng bèo nhèo nhếch nhác y như ông chủ của nó. Vào sáng sớm trước khi vào học hoặc giữa giờ ra chơi, bọn tụi tôi nhào vào đó ăn uống. Tất nhiên là không có bàn ghế. Hai món được chiếu cố nhất là xôi lạp xường và xôi giò. Lạp xường và giò đều được cắt mỏng tanh bày trên đĩa xôi nhỏ. Nhưng sao nó hấp dẫn thế, nhất là đối với những đứa con nhà nghèo như tôi. Tôi còn nhớ ngoài hai món tử này, quán còn có chè đậu đen và đậu xanh. Chè được đựng trong cái ly thủy tinh dày cui, trông thì có vẻ đồ sộ nhưng đậu thì chắc chỉ độ hai thìa, ngóay một cái là hết veo. Nếu thả sức thì tôi có thể chơi vài đĩa xôi và dăm ba ly chè như chơi. Nhưng hơi ôi con nhà nghèo như tôi thì sức mấy được ăn thả dãn. Nhưng có lẽ tôi hay ở hiền nên gặp lành, nhờ cơ duyên, năm đó tôi được ngồi cạnh một ông cự phú. Nguyên là hôm đầu vào lớp, lũ học trò chí chóc tranh nhau đưa ngồi chỗ này đưa ngồi chỗ kia, thằng này muốn ngồi gần thằng nọ, ông giám thị Viêm già bèn đuổi ra hết rồi gọi từng đứa vào ngồi theo thứ tự ABC. Tôi là Thiệp được ngồi cạnh ông Phạm Gia Thiết. Chúng tôi là hai thái cực, ông Thiết hồi đó lúc nào cũng quần là áo lượt trắng tinh, săng đan hay giày tây bản chộp, đầu tóc thẳng thơm, và không bao giờ trốn học. Mãi sau này, bào đệ của ông Thiết, hình như học B5 mới tiết lộ là ông Thiết phải đóng vai huynh trưởng nên luôn luôn phải “làm gương”.

Tôi phải nói đến ông Thiết người ngồi cạnh tôi vì ông là người cho tôi ăn dài dài. Sao mà ông ấy nhiều tiền thế và hào sảng đến thế! Có ai nhớ một đĩa xôi, một ly đậu đỏ mấy tí không? Bao nhiêu thì bao nhiêu, bát cơm Phiến Mẫu làm sao quên được. Vì thế tiện đây xin có lời cảm tạ riêng ông bạn con nhà giàu. Ông Thiết học hành chăm chỉ hơn tôi nhiều và sau đó đi du học. Sau mấy chục năm dẫu biển., không biết ông Thiết có còn nhớ bác Ba Bít Tất và những ngày ông chi địa để bao tôi không.

Ấy, phải trở lại bác Ba Bít Tất, ông ấy người ngợm ra sao? Không có chữ nào mô tả đúng hơn là chữ Lý Đình Dù. Người thì thấp, thân thể của ông chỉ là một nhúm, mắt kèm nhèm, dáng đi lết bết, lúc nào cũng cầm một chùm chìa khóa không biết để làm gì. Cái trường Chu Văn An ở Ngã Sáu Chợ Lớn tuy được xây mới nhưng có chỗ nào bí mật để phải khóa lại chẳng? Thật ra thì trường cũng có cổng sắt lớn hẳn hoi, trước giờ học thì mở để học trò ra vào và khi chuông reo thì bác Ba lễ mễ kéo nó lại, khóa cẩn thận. Bên cạnh cửa chính còn có một cái cửa phụ để mở cho khách khứa hoặc thầy giáo. Học trò Chu Văn An là tổ sư trốn học, lúc nào ở nhà thờ Ngã Sáu, quanh ông bán bò khô hoặc xe nước dừa cũng đều thấy có dăm ba ông tùm năm tùm ba. Kể từ khi đổi sang trường mới, thành phần giáo sư có phần được trẻ trung hóa. Những ông thầy học giỏi mà cả nước biết tiếng, đỗ đầu ở các trường Đại Học như Khoa Học, Sư Phạm đều chọn nhiệm sở Sài Gòn và tất nhiên trường Chu Văn An đứng đầu sỏ. Dạy ở Chu Văn An là có nhiều cơ hội dạy thêm trường tư hay mở cours riêng tha hồ hốt bạc. Những ông thầy non chọt này chỉ hơn tụi tôi bốn năm tuổi. Trong số đó có thầy Đinh Đức Mậu, học có ba năm xong Cử Nhân Toán và tốt nghiệp Đại Học Sư Phạm. Ông thầy mới ra trường chưa hết vẽ thư sinh, khi vào trường khó mà phân biệt ai là thầy ai là trò. Một hôm ông thầy Đinh Đức Mậu đi trễ bấm chuông gọi. Bác Ba Bít Tất mắt kèm nhèm nhìn qua lỗ nhỏ thấy một tên học trò đi trễ hỗn láo đòi mở cửa thì nhất định không chịu. Đám học trò thứ thật trốn học đứng bên ngoài còn la ó cổ võ cho bác Ba Bít Tất cho đến khi ông Giám Học phải ra xác nhận thì bác Ba mới mở cổng.

Mấy chục năm trôi qua, ngồi cách xa nửa trái địa cầu viết về ngôi trường cũ mà chỉ viết nhiều về bác gác đàn thì e có hơi quá đáng. Nhưng chẳng thà nhớ và gọi ông ta bằng Bác với chữ Bác viết hoa vẫn ấm lòng hơn, bởi vì trong kỷ trở lại quê hương cách nay mấy tháng, khi tôi nghe dân Hà Nội vẫn còn có người rủ nhau đi thăm lăng Bác, tôi chợt nhớ đến Bác Ba Bít Tất, một người lao động thứ thật đã được tất cả những thế hệ học sinh Chu Văn An quý mến, và thấy rằng cái ông Bác nằm trong lăng kia chỉ đáng xách giếp cho Bác Ba Bít Tất mà thôi.

## Chiến hữu Tường Năng Tiên

Tôi nhân danh sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà xin hứa sẽ trở lại với đồng bào.  
Trung úy Đỗ Lệnh Dũng



Tr. úy Đỗ Lệnh Dũng thời còn trẻ.  
Nguồn: Photobucket

Tường gì chứ sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà, cấp bậc làng nhàng, như ông Dũng, tôi quen cả đồng. Bạn cùng khoá cũng độ vài trăm, cùng đơn vị khoảng vài chục, và cùng trại (tù) thì chắc ... vài ngàn!

Tôi đã nghe vô số thằng kể lại những giờ phút cuối cùng của đơn vị mình nhưng chưa thấy ai bị lâm vào hoàn cảnh bi đát, và giữa lúc thập tử nhất sinh, đã tuyên bố một câu (ngon lành) dữ vậy.

Cỡ Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu (vào giờ phút chót) cũng chỉ âm thầm ... đào ngũ thôi, chứ chả hề có mở miệng nói năng gì ráo trọi – với bất cứ ai. Còn Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ thì ồn ào hơn chút đỉnh, rồi cũng chuồn êm – không lâu – sau đó.

Trường hợp của Đỗ Lệnh Dũng thì hơi khác. Cách hành xử của ông cũng khác. Bảnh hơn thấy rõ.

Đúng nửa đêm 24/11/1974, trái đạn 82 ly đầu tiên rót vào trong vòng đai Đồng Xoài. Với đại pháo và T-54 yểm trợ, hai trung đoàn của Sư Đoàn 7 của Bắc Quân – sử dụng chiến thuật tiền pháo hậu xung – đã chiếm được chi khu này, vào rạng sáng 7/12/1974.

Buổi chiều cùng ngày, trong khi đang cùng những quân nhân còn sống sót tìm cách thoát khỏi vòng vây, trung úy Đỗ Lệnh Dũng (bỗng) thấy một đoàn người – toàn là đàn bà và trẻ con nhếch nhác, với tay nải hòm xiềng, lồi thoi, lếch thếch – nằng nặc đòi đi theo toán quân của ông, để trốn ra khỏi vùng đất (sắp) được ... hoàn toàn giải phóng.

Trước nguy cơ dân chúng có thể bị thiệt mạng oan uổng trong lúc giao tranh, và để thuyết phục mọi người nên ở lại nhà cho được an toàn, trung úy Dũng đã đồng dục tuyên bố với đám đông:

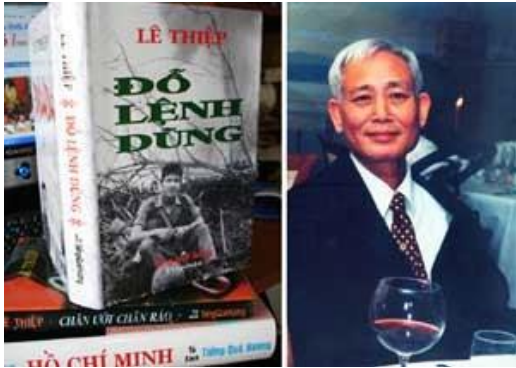
“Tôi nhân danh sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hoà xin hứa sẽ trở lại với đồng bào.”

Và Đỗ Lệnh Dũng đã trở lại thực, chỉ vài ngày sau, như là một ... tù binh! Rồi ông bị đấu tố trước Toà Án Nhân Dân Huyện Đôn Luân, một tên gọi khác (mỹ miều hơn) của Đồng Xoài, và đưa từ Nam ra Bắc – theo đường mòn Hồ Chí Minh – để đi cải tạo. Gần mười năm sau, năm 1982, trung úy Đỗ Lệnh Dũng được chuyển trại từ Bắc vào Nam – và tiếp tục ... ở tù!

Cuộc đời (rõ ràng và hoàn toàn ) không may của trung úy Đỗ Lệnh Dũng đã được nhà văn Lê Thiệp viết lại, bằng một cuốn sách – dày đến bốn trăm trang – lấy tên của chính ông làm tựa. Nhà xuất bản Quê Hương đã cho phát hành phẩm này (1) vào cuối năm 2006, với lời giới thiệu – như sau:

“Đỗ Lệnh Dũng không chỉ là câu chuyện về chiến tranh, dù nhân vật chính là một chiến binh mất tích giữa chiến khu D sau một trận đánh dữ dội.” Đây là câu chuyện về những oan khiên khác nghiệt mà người dân Việt Nam phải trải gần trọn thế kỷ qua cho đến ngày nay.

Nhân vật chính già từ cha mẹ khi tròn 18 tuổi và lúc được gặp lại cha mẹ thì đã gần tới tuổi ngũ tuần. Thời gian xa cách là lửa đạn, là những ngày lê gót trên con đường mòn vượt rừng núi Trường Sơn từ Nam ra Bắc, là những năm tháng đọa đầy tại những trại tù ... Dù chỉ là một góc cạnh giữa muôn ngàn góc cạnh của một thời bão táp, câu chuyện vẫn là bằng cứ vô giá về thảm trạng con người bị tước đoạt trọn vẹn tuổi trẻ, tình yêu gia đình và mọi điều kiện an bình của cuộc sống.”



[Đồ Lệnh Dừng – Lê Thiệp,](#)  
[nhà xuất bản Quê Hương](#)

Cuốn Đồ Lệnh Dừng được ra mắt vào ngày 21 tháng 1 năm 2007, ở thành phố San Jose, California. Hôm đó, tôi đã hân hạnh được nhìn thấy Trung Úy Dũng và Thiếu Tá Đặng Vũ Khoái – chỉ huy trưởng Chi Khu Đôn Luân – người mà không mấy ai tin là còn có thể sống sót, sau khi đơn vị này thất thủ.

Thiếu tá Khoái cho biết nhờ tác phẩm này mà trong mấy tuần qua, một số những người lính năm xưa – đang tản mát khắp năm Châu – đã tìm lại được nhau. Và ông nghẹn ngào khi giới thiệu với mọi người, vài quân nhân khác của đơn vị – hiện cũng đang có mặt tại hội trường. Tôi ngồi ở xa, không nhìn rõ nét mặt của những nhân vật này nhưng có thể đoán được rằng mắt họ đều đang ngấn lệ. Tôi cũng là một cựu chiến binh, cũng có cái may mắn lớn lao là còn sống sót sau cuộc chiến vừa qua, và thoát thân đến được một quốc gia an bình phú túc nên cảm thông (thấm thía) sự xúc động của họ.

Trong giây phút đó (có lẽ) mọi người đều cảm thấy an ủi và ấm lòng, trước cảnh trùng phùng bất ngờ (và khó ngờ) đến thế. Cái cảm giác sung sướng vì sự may mắn (hiếm hoi) của mình đã theo tôi suốt cả buổi chiều hôm ấy, và đã cùng với tôi đi vào giấc ngủ.

Nửa khuya, tôi thức dậy. Đêm nào tôi cũng thức dậy vào giấc đó. Và đó cũng là lúc mà tôi thường lò mò trở về ... chốn cũ. Như một công dân “part – time” của nước Hoa Kỳ, tôi chưa bao giờ sống hết mình và hết tình nơi quê hương mới. Gần ba mươi năm lưu lạc, tôi vẫn cứ sống (một cách mộng mị) đều đều – theo kiểu “ngày ở / đêm về” – như thế.

Tôi thường trở về Đà Lạt. Đây là nơi mà tôi đã lớn lên, và đã ướp đẫm tuổi thơ (cũng như tuổi trẻ của mình) bằng rất nhiều đặc sản của núi rừng: nước hồ Xuân Hương, sương mù, phấn thông vàng, mùi cỏ dại của Đồi Cù, và cả trăm loại hương hoa man dại.

Có dạo tôi hay trở về những đồi trà, đồi bắp, đồi khoai – bao quanh trại cải tạo Tân Rai – ở Blao. Tôi cùng lũ bạn tù cứ đi trong nắng sớm, trên những con đường mịn màng (thơm nồng mùi đất) sau một đêm mưa.

Cũng có khi tôi về lại Sài Gòn, ghé thăm một người bạn đồng đội mới, chỉ vừa biết sơ, qua một bài báo ngắn – của ký giả Bùi Bảo Trúc:

Sáng nay mở e-mail ra đọc, tôi nhận được từ một người không hề quen biết, không kèm theo một giòng chữ nào, bức hình một người đàn ông mà tôi cũng chưa gặp bao giờ. Hình chụp người đàn ông đang ngồi trên giường có trải chiếu, đằng sau là bức tường loang lổ, hoen ố

những vết đen mốc. Ông có một bộ ria, tóc dày và đen, một mắt to, một mắt nhỏ mà tôi nghĩ là bị hư, chỉ còn một con. Ông không còn chân tay. Hai chân bị cụt trên đầu gối. Và hai tay cụt ở trên khuỷu tay, gần nách.

Trong hình có ghi tên ông. Ông tên là Thìn, Nguyễn Văn Thìn. Năm sinh được ghi là 1952. Hàng chữ phía dưới cho biết ông là thương phế binh Việt Nam Cộng Hòa. Đơn vị cuối của ông là Trung Đoàn 49, Sư Đoàn 25 Bộ Binh. Cấp bậc của ông là Trung Sĩ Nhất. Ông sinh năm 1952, tuổi Thìn nên tên cũng là Thìn. Ông không còn chân tay. Từ 30 năm nay, ông không có chân, cũng không có tay.

Ông làm sao sống nổi qua bằng ấy năm không có hai chân mà cũng không có cả hai tay. Tôi tưởng tượng, không khó khăn lắm, cũng vẫn thấy ra được những khó khăn của ông. Trong một chế độ thân thiện với ông, ông cũng đã vô cùng bất hạnh vì thiếu con mắt, thiếu hai tay, lại thiếu luôn cả hai chân. Huống chi trong một khung cảnh không thân thiện nếu không muốn nói là thù nghịch, thì ông còn khổ biết là bao nhiêu nữa. Tôi không dám tưởng tượng thêm ra những chuyện khác trong đời sống hàng ngày của ông, nếu đó có thể gọi được là một đời sống.

Ông Thìn luôn luôn nhìn tôi với đôi mắt u buồn và lắc đầu ra dấu, như có ý nói là đừng đến thăm nhau nữa: “muộn mắt rồi.” Mãi sau này tôi mới biết là ... muộn thật! Trong những trang sổ tay cũ, khi viết về trung sĩ Nguyễn Văn Thìn, cách đây vài năm, tôi đã có dịp phổ biến địa chỉ của ông: nhà số 9/8 đường Bông Sao, phường 5, quận 8, Sài Gòn.

Chỉ một tháng sau, vài người báo cho tôi biết là họ đã gửi quà về biếu ông Thìn nhưng không còn ... kịp nữa. Ông bạn đồng đội của tôi đã qua đời, vài tuần, trước đó!

Đêm nay thì tôi về miền Trung, phần quê hương khốn khó mà tôi chưa bao giờ có dịp ghé qua, để thăm một đồng đội khác:

Sự hy sinh của anh quá lớn, hai mắt, hai tay và hai chân cho tổ quốc còn cá nhân chị đã hy sinh cả cuộc đời cho những người mà cả tổ quốc phải tri ân. đã rưng rưng khóc lần nữa và cảm ơn nhiều lắm đến bà con ở Úc và Hội.

Tôi phải vượt đường xa tít tắp từ Huế tìm đến nơi 1 anh Thương Binh mù hai mắt, cụt 2 tay lẫn 2 chân gần Lăng Cô ... Tôi nhìn thấy anh Dương Quang Thương nằm xấp ngay ngạch cửa. Tôi lên tiếng chào, anh bật ngồi dậy hỏi tôi là ai?”

Qua những phút giây trao đổi, tôi thấy anh khóc, những dòng nước mắt lăn ra từ hai hố mắt sâu thẳm ấy làm tôi phải khóc theo. Nghe tiếng người lạ, vợ anh từ sau hè chạy lên trên tay còn cầm nắm rau dền hoang vừa mới ngắt về để lo bữa ăn chiều, chị chào hỏi tôi rồi rót nước mời tôi uống ...

Thoạt đầu tôi chỉ nói tôi là người mang tiền và thuốc tây đến cho anh do bà con từ bên Úc đóng góp gửi về. Tôi gửi anh 100 đô Úc và 5 hộp thuốc tây. Anh đã rưng rưng khóc lần nữa và cảm ơn nhiều lắm đến bà con ở Úc và Hội.”

Sau một hồi tâm sự anh nhấn gửi lời cảm ơn đến người điều hành Hội mà gia đình anh thường thư từ qua lại nhiều năm nay. Tôi xúc động quá và cho biết là: Thưa anh chị chính tôi đây...

Nghe đến đó anh quờ quạng hai cái cùi tay còn lại lét thật nhanh về hướng tôi và ôm lấy tôi mà khóc.

Vợ anh cũng khóc, tôi cũng khóc, người chạy xe ôm cũng khóc theo... Sự hy sinh của anh quá lớn, hai mắt, hai tay và hai chân cho tổ quốc còn cá nhân chị đã hy sinh cả cuộc đời cho những người mà cả tổ quốc phải tri ân.

Chị đã khóc nhiều lắm vì những khó khăn đè nặng thân phận của người phụ nữ ốm o gầy còm có vạm vai suốt hơn ¼ thế kỷ gánh gồng, ẵm bồng tắm rửa, đút ăn và những cơn lũ lụt khủng khiếp phải cống chông chạy tìm sinh lộ... Ra tới đầu ngõ, tôi và anh xe ôm vẫn còn khóc...

(Nguyễn Cảnh Tân (2), “*Nỗi Sầu Riêng Hay Cái Đau Chung*,” Việt Luận, 27 Oct. 2006).

Ở VN, bây giờ, mà khóc nhiều như vậy e hơi (bi) lố. Làm người Việt thì dù ở vào hoàn cảnh tệ bạc đến đâu chẳng nữa vẫn (có thể) được khối kẻ khát khao. Tôi liên tưởng đến số phận te tua,

bầm dập của Đổ Lệnh Dũng và không khỏi trạnh lòng nghĩ thêm rằng: đó là cảnh đời mà phé binh Dương Quang Thương có nằm mơ cũng không thấy được.

Và hiện tại ở quê tôi còn bao nhiêu chục ngàn cựu chiến binh khác nữa (cũng tàn phé đến độ không thể đi xin ăn được) đang nằm chờ chết ở một xó xỉnh nào đó, ước mơ đến ngày có người đồng đội cũ (chợt) nhớ đến mình và ghé thăm chơi – như chiến hữu Nguyễn Cảnh Tân đã ghé thăm bạn Dương Quang Thương, vào một buổi chiều cuối năm 2006.

## Phụ đính I :

### Trăng Đại nội

*Bỗng dưng nhớ Huế tệt. Nhớ quay nhớ quắt. Lý do là buổi sáng ra khu Eden thì bỗng gặp ông bạn Đan. Ông Đan đi với vợ và bạn đủ thứ chuyện nên bèn lên xin lỗi đã đến DC mà không liên lạc với bạn bè. Thì đã sao ? Bằng hữu chơi với nhau không nên nghiêm trang và khách sáo quá, miễn là giữ cái tình cái nghĩa, nhất là tình nghĩa của thời còn cắp sách đi học, còn mọi sự thì có gì đáng để bận tâm. Nhưng khi chia tay nhau thì những kỷ niệm ào ạt trở về, nhớ Huế vô vàn và không hiểu bạn mình có nhớ đêm Trung Thu năm đó chăng ?*

\*\*\*

Tôi không nhớ lần đầu tiên đến Huế năm nào, chỉ nhớ cùng đi có ông bạn Bảo Hoàng – con vua cháu chúa thứ thiệt – Nhưng ông này mắt gốc, sinh và lớn lên ở Miền Nam, nói đặc giọng Nam Kỳ, trong cách ăn ở chả có tí Huế nào cả. Nên khi tôi hỏi núi Ngự Bình ở đâu thì ông ờ người ra. Trên đường từ Phú Bài vào may quá có đi qua Ngự Bình và câu nói Non Bất Cao Thủy Bất Thâm hiện ra trong đầu tôi. Gọi Ngự Bình là núi e hơi quá vì đó chỉ là một ngọn đồi hơi cao mà thôi. Tối hôm đó tất nhiên tôi ngủ đờ cho biết mùi đời. Trong cảnh sông Hương phẳng lặng chỉ hơi gợn tí sóng nhất là có tí hơi men, a lê hấp tôi vươn vai bờ lông dông xuống. Mẹ ơi tí nữa thì đi đong. Mắt tôi tối sầm, mòm sặc bùn và rong rêu, may quá cổ vung vẩy nổi lên được. Sông Hương quăng đó trông mênh mông nhưng nước nông sò và đáy toàn rong rêu mọc trên bùn. Tình Ca – Tôi yêu tiếng nước tôi – có câu : “*Biết ái tình ở giong sông Hương*”. Phạm Duy khi viết câu nhạc này không hiểu có phải là vụng vụng đờ không và nếu quả như vậy thì hiện thực khi được thi vị hóa e sẽ khiến những kẻ như tôi khi đắm sầm vào thực tế thất vọng biết chừng nào.

Xin kể một câu chuyện khác cũng hơi na ná cho thấy chuyện gì cũng có mặt phải mặt trái.

Nhớ Người Cày Có Ruộng ? Ông Thiệu có lẽ sẽ “*Đề Tiếng*” trong lịch sử nhưng chính đạo luật Người Cày Có Ruộng này đã khiến Cộng Sản chót lớt khi chiếm được Miền Nam, đã bó tay trong mưu toan dùng chính sách chia ruộng để mị dân và không thi hành nổi cái quái chiêu hợp tác xã nông nghiệp đã làm Miền Bắc tan hoang. Điều lạ là khi ký đạo luật này thay vì ký ở đồng bằng sông Cửu Long thì ông Thiệu lại chọn đất Thần Kinh. Đám nhà báo tụi tôi có mặt ở Huế trước đó một hai ngày. Tôi còn nhớ cùng Lê Phú Nhuận của đài Sài Gòn đi ngủ đờ cho phải phép trong khi chờ đợi. Trên sông Hương, sau khi làm đầy đủ nghĩa vụ quân dịch hai đũa ngồi trà dư tửu hậu với hai cô bé sông Hương. Tôi hỏi :

- Em có biết hò Huế không ?
- Hò chi mà không biết. Rứa anh muốn hò chi ?
- Hò chi cũng được, miễn là hò Huế.

Cô bé cất tiếng :

*Cầu Trường Tiền sáu vài mươi hai nhịp.  
Thương nhau rồi hãy kíp về mau.*

*Nửa mai đây bóng xế qua cầu.  
Bậu còn thương bậu biết gửi sầu về nơi mô.*

Không ngờ cô bé hò hết xẩy, giọng lanh lảnh vang xa như cùng những đợt sóng lan rộng trên mặt sông.



Cũng không ngờ là Lê Phú Nhuận đã mở máy ghi âm thu toàn bộ câu hò. Hôm sau trong cuộc trực tiếp truyền thanh lễ Tổng Thống VNCH ký đạo luật NCCR mở đầu là câu hò Lê Phú Nhuận thu trên sông Hương và sau đó là câu dẫn đầu : “Kính thưa quý thính giả ...Quý vị vừa nghe một giọng hò Huế, không phải của một ca sĩ nhà nghề mà là của một thôn nữ, một o gái quê Huế ...”

A ha hình như tôi đang lững thững trong quá khứ, trong kỷ niệm riêng tư nên đã lạc đề rồi vì đây là đặc san là chuyện của NTCVA5663 cơ mà. Vâng hôm ấy vào một buổi xế chiều mùa hè đỏ lửa tôi từ La Vang về Huế, đang lững thững đi trên cầu Tràng Tiền mắt láo liên nhìn những nữ sinh Đồng Khánh áo trắng quần trắng tóc thè đạp xe đạp thì một chiếc xe Jeep nhà binh ép vào và có tiếng gọi:

- Ê, Thiệp mày đi đâu vậy ?

Nguyễn Quang Đan nhào người ra khỏi xe gần như muốn ôm lấy tôi. Nhìn ông Đại Úy TQLC trang bị đến tận răng dù đang ở hậu cứ Huế, tôi nhớ ngay ông bạn mình đang là người đi sát với tướng Bùi Thế Lân, xếp chúa TQLC nên máu nhà báo nổi dậy quên phêng hỏi han bạn bè :

- Ê tao đang ở đây lo tin tức. Mày hỏi xem tao phỏng vấn ông Lân được không ?

- Tao đang kẹt tứ tung, mày ở đâu tối tao lại đón.

- Tao ở Hương Giang.

- Ngon. Tao đến cỡ bây giờ rồi kiếm cái gì lai rai.

\*\*\*

Tôi có cái suy nghĩ lảm cẩm nếu Gia Long chọn Hà Nội hay Sài Gòn làm kinh đô thì liệu lịch sử Việt nam có khác chẳng ? Đã đành Nguyễn Hoàng nhờ Phú Xuân mà khởi nghiệp theo lời khuyên của Trịnh Trách. Nhưng đến Nguyễn Phúc Ánh sau khi thống nhất thì khác hẳn. Thành Cát Tư Hãn từ một tộc trưởng Mông Cổ đã vung ngọn mâu, thúc chiến mã tung hoành thiên hạ từ Âu sang Á nhưng rồi nhà Nguyên vẫn lấy Bắc Kinh làm kinh đô. Cái nhìn địa lý chiến lược - phải chăng là phong thủy - của ông đã giúp nhà Nguyên đứng vững lâu dài. Nếu Thành Cát Tư Hãn cũng lại bo bo với quan niệm đất tổ, lấy một thảo nguyên nào đó ở sa mạc làm kinh đô thì liệu nhà Nguyên tồn tại được bao lâu ?

Huế phong cảnh hữu tình nhưng nhỏ hẹp, không hùng vĩ, giao thông thủy bộ đều không tiện lợi. Huế là cái eo của bản đồ chữ S ở chỗ thắt lại từ bờ biển vào đến biên giới chưa quá 40 cây số không phải là vị trí chiến lược để dựng binh cả công lẫn thủ. Phải chăng Gia Long với quan điểm hẹp hòi vẫn cố bám lấy “đất tổ” đất khởi nghiệp của ông cha, thiếu cái nhìn xa trông rộng của bậc đế vương. Hà Nội có quá trình lịch sử lâu dài, có kho nhân sự đã được hun đúc từ lâu. Sài Gòn đất mới, sức sống ngùn ngụt, ruộng đất phì nhiêu, giao thông tiện lợi, có thể nhìn ra biển Đông và ngó xuống Đông nam Á. Nếu Gia Long chọn Hà Nội - nhân hòa – hoặc Sài Gòn – địa lợi – thì liệu lịch sử có khác gì chẳng ?

Tôi từng đến Huế trước Mậu Thân và cái hảo cảm với đất thần kinh không bao giờ phai nhạt. Học trò xứ Quảng thấy cô gái Huế chân đi không đành thì một tên Bắc Kỳ nhà quê như tôi chỉ muốn chôn chân tại chỗ. Sau Mậu Thân Huế như một thành phố thiếu hơi thở. Vì chiến tranh.



Vì bom đạn. Vì Việt Công tràn vào giết chóc không nương tay khiến Huế như một sương phụ lúc nào cũng vấn trên đầu mảnh khăn tang.

Mùa hè 1972 Huế bỗng như là hậu cứ của toàn bộ guồng máy chiến tranh. Dù, TQLC, Biệt Động Quân và Sư Đoàn 1 và còn những đơn vị khác nữa đang dàn hàng để tái chiếm Quảng Trị. Khắp thành phố giữa những tà áo học sinh màu trắng ngây thơ, giữa những bà già cầm nín quẩy gánh bún bò bán rong, giữa những khuôn mặt ngơ ngác đặt dờ của người dân là lính tráng và xe nhà binh. Không khí chiến tranh còn thể hiện dưới những dạng khác mà Hương Giang là điển hình. Khách sạn nằm trên bờ sông Hương rất sang trọng, đa số khách lúc đó là dân nhà báo đủ quốc tịch Tây Mỹ Nhật .... Đám người này đến đây không liên hệ gì đến Huế và họ cũng chẳng quan tâm gì đến Huế. Họ đến đây để chia nhau rĩa rói những phó sản của chiến tranh. Nơi đây là một thế giới khác. Khi đô la lên tiếng thì cái gì cũng có. Bên ngoài có những gia đình không đủ cơm ăn ngày hai bữa nhưng tại Hương Giang vẫn có bia Michelob, Bud, có Whisky có cocktail ...và đủ mọi thứ để phục vụ những ông nhà báo đang góp tay vào hạ gục Miền Nam.

\*\*\*

Đại Úy Nguyễn Quang Đan y hện đến đón tôi, và ông vẫn như lúc chiều giày saut áo trận, súng ống cả lô. Chiếc xe jeep mui trần chạt cứng vì nhét đến sáu bảy mạng. Đan đãi tôi món mắm tôm diêm, loại mắm tôm nguyên con đồ lừ ăn với thịt luộc và rau sống . Quán ở Vỹ Dạ .. lâu quá không về thăm thôn Vỹ ... để nhìn ... nét mác che ngang mặt chữ điền. Cơm ngon và Đan bảo :

- Hôm nay Trung Thu, vợ tao gửi cho hộp bánh và ít trà. Mà về chỗ tao uống trà thưởng trăng. Thú thật đầu óc tôi lúc nào cũng căng thẳng không nhớ là đã Trung Thu.
- Trung Thu rồi hả. Tao có nhớ mẹ gì đâu. Có bánh có trà thì hết xảy.



Bộ tư lệnh của Tướng Lân hình như đóng ở Mang Cá nhưng ông Đan ngon hơn nhiều, ông trấn ngay Đại Nội. Có lẽ đã được dặn trước khi đi qua một lô những nhà từng có tên như Tả Cung Hữu Cung...hai đứa vòng qua điện Thái Hòa vào hẻm trong thì thấy một chiếc bàn con thấp và hai chiếc ghế đầu bày sẵn giữa sân chầu. Không hiểu mấy ông lính lồi ở đâu ra nhưng cạnh đó có

một bếp lò than hồng và một siêu nước đang sôi. Hộp trà Chính Thái vẫn còn nguyên lớp giấy bóng đỏ lấp lánh, còn bánh trung thu Đông Hưng Viên thì bày trên chiếc đĩa sứ khá lớn. Chiếc ấm và hai cái ly nhỏ trông cổ kính. Đầu đó trong đầu tôi lóe lên ý nghĩ dám mấy ông lính lên vào điện Thái Hòa chôm đờ cái ấm chãng ? Sở dĩ như vậy vì có lần mấy tên nhà báo tụi tôi được ông thủ từ mở khóa cho vào tận trong. Tôi đã nhìn thấy long sàng, thấy ngai vua và đủ thứ linh kính khác. Một tên xin phép ngồi lên ngai để chụp hình thì bị ông thủ từ mắng cho một trận vì tội hỗn láo, tội khi quân ngày xưa có thể bị chu di tam tộc. Nhưng cung điện nhà Nguyễn bị phá tan hoang từ 1945 khi Cộng Sản nổi lên cướp chính quyền và sau đó là bao nhiêu lớp sóng phé hưng. Ngay cả bức tường thành bao quanh cũng xập nhiều đoạn, những chỗ khác thì lở lở loang lổ. Các tòa nhà thì hoặc bị thiêu rụi hoặc mất mái trơ tường, dăm ba ngôi còn lại thì thâm nảo vì không ai chăm sóc. Một tên bạn ghé tai tôi nói nhỏ : “Đồ rơm không mà y oi. Đồ thật phiêu du hạc nội mây ngàn lâu rồi. Mà thử nhìn mấy chiếc lọng coi. Y chang đồ phùng tuồng. Vua chúa ngày xưa đâu có chơi thứ rẻ tiền mạt rệp thế.”. Tôi cũng thăm đồng ý và nhìn chiếc ấm có cổ nhưng rõ là của giả chọt nhớ chuyển vào điện Thái Hòa ngày nọ.

Ông Đan của tôi thì vẫn như hồi còn ở đường Lê Văn Duyệt, lúc nào cũng từ tốn và dù trận mạc đầy người ông vẫn có nụ cười đôn hậu nở trên môi. Tôi nghĩ dù có trôi sông lạc biển, dù xa cách bao lâu chẳng nữa nhưng chỉ nhìn thấy nụ cười là nhận ra bạn ta ngay. Đan chậm rãi khui hộp trà, nhúm một nhúm trà bỏ vào bình, xem như chung quanh chẳng có gì đáng quan tâm. Hôm qua có thể ông đang hành quân và ngày mai có thể ông sẽ đụng địch đâu đó ở Hải Lăng. Nhưng bây giờ thì ông đang ung dung pha trà đãi bạn. Tôi im lặng quan sát. Một chút gì nhẹ nhẹ dâng trong lòng tôi. Hãy còn sớm trăng chưa lên cao nhưng trời trong mây tỏ. Tôi như lạc vào cơn mơ. Chung quanh tôi là cả một lịch sử từ thời Trịnh Nguyễn phân tranh kéo dài cho tới nay để có Đại Nội. Những pho tượng cao bằng người thật im lìm trong ánh trăng nhạt. Những tượng voi đá bất động. Những chiếc lư đồng trên khắc ghi công trạng của các vua chúa triều Nguyễn, của những vị khai quốc công thần vẫn còn y đó quanh đây.

Đan lên tiếng :

- Mẹ kiếp mấy tháng rồi chưa thấy mặt vợ con. Trung thu đáng lẽ phải cùng mấy đứa nhỏ phá cỗ ...

Ông bỏ lửng câu nói, và có gì chưa xót khiến tôi phải pha trò cho bớt cái thê lương :

- Thôi đâu có phải lúc nào tôi với ông cũng có dịp ngồi trong cung cấm ăn bánh uống trà thưởng trung thu. Hay ông đóng vai Đường Minh Hoàng tôi làm Lý Bạch cho đúng cảnh.

Đan cười. Chúng tôi quên bém những gì đang xảy ra và huyền thuyên nói chuyện ngày xưa. Ngày xưa là ngày còn bé tí ở đất Bắc, cỗ trung thu có bưởi có hồng có những con giống bé tí đủ màu sắc. Ngày xưa là ngày mới di cư vào Nam. Ngày xưa là chuyện những ông thầy như thầy Bùi Thái Trừu. Ngày xưa là chuyện Ngọc teo, Hùng sữa, Tiến mù..., là chuyện đi thi trung học có bài vẽ phân độ cái ghé và nhắc đến ông Thịnh Del. Ôi đủ thứ chuyện. Chuyện cine Đa Kao, chuyện trốn học. Chuyện đĩa xôi lạ xường của bác Ba Bít Tắt. Hết tuần trà này đến tuần trà khác. Bỗng Đan thờ dài :

- Nếu không có chiến tranh chắc tao sẽ là một anh nông dân vì tao yêu đồng ruộng và chắc gì mà đã đi săn tin chiến sự ở cái xứ Huế này. Nay ngẫu nhĩ hai đứa lại ngồi giữa chốn đế vương này trong một đêm trung thu. Đáng lẽ tao mở cửa Ngọ Môn đón mày và có khi lại sai lính bồng súng chào cho nó đúng nghi lễ hoàng gia. Nhưng tính tao không diều dờ được nên thôi, chỉ nhờ mấy chú bày bàn ở đây. Thế này cũng là hỗn rồi.

Chung quanh chúng tôi lạnh ngắt như tờ. Trăng đã lên cao sáng vàng vạc, để có quá nửa đêm. Có cái gì rờn rợn trong không khí. Bỗng đâu những tên tuổi thoáng hiện trong đầu tôi. Tụ Đức, Hàm Nghi, Duy Tân, Tôn Thất Thuyết, Nguyễn Văn Thành và cả Ngô Đình Khả cùng Ngô Đình Diệm. Tôi rùng mình da gà nổi lên. Đan không hiểu có chung cái cảm giác này không nhưng nâng chén trà lên. Tôi cũng nâng chén. Trà đã nguội ngắt.

- Ngày mai tao phải đi sớm. Mới họp xong. Lệnh lạc lúc này như con thò lò nhưng mình là đầu sai, chỉ đầu đánh đó. Nếu có dịp tao sẽ hỏi ông Lân cho mày. Tao đưa mày ra cửa Ngọ Môn nhưng là cửa xép. Cửa chính ngày xưa chỉ mở khi có đại lễ. Tao nghĩ hai đứa mình tài cán gì mà dám nghênh ngang qua Ngọ Môn. Thôi thì đi cửa hông cũng vinh dự chán.

Tôi đồng ý ngay :

- Ừ. Tao thấy dù thế nào đi nữa thì cũng không thể khinh thường lịch sử được. Đi cửa hông là đúng.

## Lý Hợp Thiết Cương ký sự

### **Đại Học Xá Minh Mạng 1964:**

Lý Hợp nhảy xuống khỏi chiếc xích lô máy và tông cửa vào căn phòng 3/1 của Đại Học Xá. Ba thằng bạn bên trong ngẩng đầu lên nhìn. Bạch Văn Minh cười, Trịnh Ngọc Bằng nhướng mắt thăm hỏi và Nguyễn Bá Quyền lên tiếng:

- Mẹ, làm gì dữ vậy. Mà đi đâu mất tám giờ này mới thấy?
- Mẹ, ngày mốt tao đi trình diện khóa sĩ quan kỹ thuật Không Quân. Tối nay tao mời tụi mày ra ngã sáu ăn hén
- Mày đi lính Không Quân à ?
- Đi học sửa máy bay.
- Lý Hợp khệ nệ khiêng đồ đạc vào phòng. Cả ba đưa bạn xúm lại tiếp tay.
- Mẹ kiếp cái va li gì kỳ vậy ? Bộ mày tính đem nó theo à ?
- A. Tao gọi nó là Thiết Hoa Ly. Cái va li bằng nhôm này là của ông già tao để lại. Bà mẹ tao bảo cái va li này là của gia bảo phải giữ gìn cẩn thận. Tao cũng đéch biết tại sao.
- Cả ba ông sinh viên trở mắt nhìn chiếc va li xinh xắn bằng nhôm màu trắng bạc và Quyền giễu:
- Gia tài của Bố để lại cho con. Một nước Việt buồn. Mày đi học kỹ thuật Không Quân bao lâu ?
- Ngày mốt trình diện. Sau đó ra Nha Trang rồi đi Mỹ hai năm.
- Hết xẩy .

### **Hà Nội – Sài Gòn 1944:**

Lý Thị Hân đẩy cửa bước vào căn phòng vẫn được dùng làm phòng họp của các bác sĩ thuộc nhà thương Bạch Mai. Đã có ba người ngồi đó. Hân nhận ra chị Cả Tề, chị Đức Thụ và một người đàn ông da ngăm ngăm đen, dáng hơi lùn nhưng vạm vỡ.

- Đồng chí đã đọc kỹ kế hoạch chưa, nhất là những gì liên quan đến Takeo ?
- Thưa đã đọc kỹ nhiều lần
- Đây là một công tác rất quan trọng. Có thể vận mệnh của Đảng và Tổ Quốc sẽ tùy thuộc vào sự thành bại của công tác. Vì tính cách quan trọng nên đảng trưởng có mặt hôm nay để duyệt lại lần cuối.

Hân chăm chú nhìn người đàn ông mà trước kia cô chỉ được nghe tên. Đảng trưởng Trương Tử Anh chậm rãi:

- Đồng chí đã được đảng bộ tin nhiệm đề cử lên trung ương đảng để thi hành công tác hệ trọng này. Qua các báo cáo cũng như lý lịch do chính tôi tìm hiểu, tôi tin đồng chí có đủ khả năng để hoàn thành công tác. Tôi đã dàn xếp để đồng chí gặp hai người sưu tầm đồ cổ và dù thời gian gấp rút tôi hy vọng đồng chí sẽ có một khái niệm đủ để nói chuyện về đồ cổ. Takeo là một tay sành chơi đồ cổ nên phải cẩn thận.

Bà Cả Tề chỉ một cái bình màu đỏ ở góc phòng:

- Đây là bình Huyết Bò – Sang du Boeuf – đời Thanh rất hiếm, giá lúc này cũng cả nghìn lạng vàng. Tôi giao cho đồng chí. Bộ sưu tập tiền Việt Nam từ thời Đinh Tiên Hoàng hiện đã chuyển từ Huế vào Sài Gòn cùng với bộ đồ trả Nội Phủ đời Trịnh Nguyễn. Khi tới Sài Gòn sẽ có người giao cho đồng chí. Chính ông Vương Hồng Sển đã coi và giao nghiệm những cổ vật này, đồng chí yên tâm. Mọi chi tiết khác đều đã ghi trong kế hoạch cứ uyển chuyển mà thi hành. Điều cần nhất là phải tìm ra nhiệm vụ của Takeo đang thực hiện. Những gì Takeo mưu toan có thể làm đảo lộn tình hình Việt Nam trong những ngày sắp tới. Được cái Takeo nói tiếng Pháp khá sõi nên cái liên hệ sắp xếp trước đỡ đi phần trở ngại ngôn ngữ.

Đảng trưởng Trương Tử Anh tiếp lời:

- Tình thế càng ngày càng gấp rút. Phe Trục chắc chắn sẽ thua nhưng có lẽ cũng phải trong vòng một hai năm nữa. Pháp hiện rất yếu ở Đông Dương nhưng công tác phát triển hạ tầng của đảng đang gặp nhiều khó khăn vì bị phía Cộng sản phá. Đảng hy vọng đồng chí sẽ thành công và từ đó chúng ta có thể đi tới những quyết định quan trọng đối với người Nhật, người Pháp và những vấn đề sau khi thế chiến ngã ngũ.

### **Ba tháng sau tại Sài Gòn:**

Đại tá Takeo Nagano đã thực sự bị chinh phục trước một Lý Thị Hân vì vẻ đẹp tươi nhuận, vì học thức và nhất là vì cùng một thú đam mê đồ cổ. Takeo vô cùng xúc động khi lần đầu tiên được nhìn thấy và sờ mó vào chiếc bình Huyết Bò. Đây là một bảo vật hiếm có. Tương truyền là lò đúc Cảnh Đức Trấn trong một lần pha men đã vô tình để lộ màu đỏ và sau đó nung quá lửa cho nên những chiếc bình mang một màu sắc không cách gì có thể lập lại được. Lý Thị Hân không quên nhiệm vụ của đảng nhưng ở tận đáy lòng nàng cũng đầy cảm tình với người đàn ông đáng lẽ chỉ là con mồi của nàng.

### **Tokyo, 1978**

Hirisho Tagami đặt tập hồ sơ lên bàn và bảo Hiromi:

- Đây là toàn bộ hồ sơ bố cháu đã chuyển về trung ương từ 1944. Tình hình Việt Nam từ đó đến nay không phù hợp để mở lại cuộc điều tra nhưng bây giờ đã đến lúc. Cục trưởng Cục Quốc Ngoại đã thân chinh đến gặp bác và sau nhiều cuộc thảo luận mọi người đều đồng ý đã đến lúc phải đi đến tận nơi để tìm ra cho được mảnh bản đồ bị xé ra đem ráp lại thì mới có được toàn bộ bức bản đồ kho tàng.

- Thưa bác...

Hirisho dơ tay lên chặn ngang:

- Cháu đã được kín đáo nâng đỡ, huấn luyện ngay từ mười năm trước cốt để đảm đương trách nhiệm này. Một phần vì bố cháu, một phần vì nước Nhật chúng ta đang nỗ lực tạo nên một địa bàn vững chắc ở Đông Dương. Ảnh hưởng của Cộng Sản, nhất là Trung Cộng, đang lấn lướt quá ở Việt Nam. Ngoài ra, tiếng Việt cháu cũng đã rất thông thạo sau khi cục Quốc Ngoại bố trí cháu được thân cận với nhóm sinh viên Việt Nam du học để thực tập. Đến Việt Nam cháu không được liên lạc với cơ sở của ta, bí mật cũng như công khai, mà chỉ đóng vai một người con gái đi tìm lại tung tích của thân phụ bị coi như mất tích trong chiến tranh. Đừng để một sơ hở nào và nhớ đừng coi thường phản gián Việt Nam và cả của bọn Trung Cộng nữa. Mọi chi tiết giấy tờ cần đều có trong hồ sơ này. Sửa soạn đi và cuối tuần này cháu lên đường.

### **Sài Gòn, nhà hàng Bông Lai, 1969**

Tiệc cưới của cặp Hợp-Hà không đông nhưng vui. Phía chú rể chỉ có bà mẹ là người thân duy nhất, còn lại đa số là bạn bè. Bàn số sáu ồn ào nhất.

Nguyễn Bá Quyền cười ngát:

- Đám cưới nó mà nó chẳng phải lo mẹ gì. Nó từ Pleiku về sai hết đũa này đi lo xe hoa, đũa kia đặt bánh, bảo thằng này phù rể...

Nguyễn Tất Tố dơ tay lên chặn:

- Tao coi tử vi nó kỹ lắm. Bình Hình Tướng Ân, Giáp Long Giáp Phượng. Nếu đúng thì "hai mươi mốt tuổi đã hiển đạt, có ấn có triện trong tay, thiếu niên sớm dự các đài nghênh ngang".

Trịnh Ngọc Bằng phá ra cười:

- Thì nó trung úy sửa máy bay có cả ngàn binh sĩ dưới quyền là đúng số rồi...

Một tên nào đó lên tiếng:

- Ế, chú rể dạo này để râu mép cắt tóc cua trông y như Nhật Bản.

### **Sài Gòn – Hà Nội – Yên Thế, 1945**

Đảng trưởng Trương Tử Anh trầm ngâm:

- Trung ương gọi đồng chí về Hà Nội vì đây là thời điểm mà mọi quyết định sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến sự tồn vong của đảng và Tổ Quốc. Chắc chắn phe Trục sẽ thua, đồng minh sẽ thắng. Chúng ta cần phải biết rõ cách ứng xử của Nhật tại Việt Nam một khi thế chiến chấm dứt. Theo những báo cáo, đồng chí vẫn chưa tìm ra nhiệm vụ bí mật của Takeo ?

Lý Thị Hân trả lời:

- Đồng chí đảng trưởng cũng như trung ương đã nhận những báo cáo cập nhật của tôi gửi về.

Trương Tử Anh dơ tay chặn lại:

- Đồng chí nên hiểu thì giờ cấp bách lắm và tôi hy vọng đồng chí đẩy mạnh công tác hơn. Tôi nghĩ đồng chí đã sống với Takeo hơn nửa năm hẳn phải có nhiều cơ hội để tìm hiểu.

Bước ra khỏi phòng họp, Hàn đầu óc quay cuồng. Hình ảnh Takeo hiện ra và nàng chợt nhận ra một điều mà bản tâm nàng cố né tránh. Nàng yêu người đàn ông Nhật điềm đạm, đầy nam tính, cương nghị nhưng tế nhị và nhất là nàng hiểu rõ Takeo cũng yêu nàng. Nhưng Takeo Nagano là đại tá quân đội Thiên Hoàng và một cách nào đó là kẻ thù của dân Việt. Nàng bước đi đầu óc lùnh bùng

. . . . .

Takeo dịu dàng:

- Như em đã biết, Thiên Hoàng đã phải tuyên bố Nhật Bản thua trận và đây là mối nhục lớn. Là con dân Thiên Hoàng và nhất là một sĩ quan chỉ huy, tôi không thể có quyết định nào khác ngoài truyền thống Võ sĩ đạo. Tôi yêu em vô cùng và vì vậy tôi phải cho em biết trước ngày mai, trong căn phòng này sẽ có lễ tuấn táng. Tôi sẽ tự mổ bụng để tỏ lòng trung thành với Thiên Hoàng. Tôi yêu em và qua em tôi biết thêm rất nhiều về dân tộc Việt Nam. Tôi không có gì cho em ngoài tình yêu chân thành. Tất cả những cổ vật chúng ta sưu tầm được chắc chắn có một giá trị lớn không những về văn hóa mà cả tiền tài nữa. Tôi đã sai đóng gói cẩn thận và ngay tối nay em chuyển ra khỏi đây. Đời sống sau này chắc chắn còn nhiều khó khăn mong em bảo trọng.

Lý Thị Hân mắt đẫm lệ:

- Em phải thú thật với anh vào giây phút này về chuyện của em, tại sao mình quen nhau và những bí ẩn của cuộc tình. Điều duy nhất xin anh hiểu là dù chúng ta bắt đầu như thế nào, bây giờ em đã thực sự yêu anh. Xin anh bình tĩnh. Đối với em bộ sưu tập đồ cổ chỉ là rác rưởi so với nhiệm vụ của em. Em chỉ xin anh sau khi nghe xong câu chuyện anh sẽ có quyết định khác, sẽ phải tiếp tục sống cùng em để đấu tranh cho một Việt nam và qua em, anh đã hiểu rõ và có thể đó là tổ quốc thứ hai của anh.

Trong căn phòng bày biện rất đơn giản theo kiểu Nhật và trước bàn thờ Thiên Hoàng với chữ Trung rất lớn và sắc nét, Lý Thị Hân đã kể lại qua nước mắt nguyên nhân chuyện tình của nàng và Takeo.

Khi dứt lời, Lý Thị Hân dăm dăm nhìn người đàn ông Nhật qua làn nước mắt:

- Bây giờ tùy anh quyết định. Chết không giải quyết được gì. Hơn nữa anh phải sống vì đứa con em đang cưu mang trong người. Em đã có thai...

### ***Yên Thế, 1945***

Không hơn hai trăm khóa sinh thuộc các đội A, B, C sắp hàng trong sân cò. Ngọn cò sao trắng bay phàn phật trong gió vùng Yên Thế. Lời ca của bản Việt Nam Minh Châu Trời Đông vang vang:

*“Việt Nam nước thiêng Tiên Rồng  
Non sông như gấm hoa  
Lung linh một phương  
Máu ai còn vương cỏ hoa  
Quyết đem tâm thân trải với sơn hà...”*

Hiệu trưởng Lý Thiết Cương của trường Lục Quân Trần Quốc Tuấn nheo mắt nhìn. Những khuôn mặt trẻ như sáng bừng lên trong khí thế của một dân tộc đang trỗi dậy. Mới hơn ba tháng từ ngày ông về đến đây, xem ra mọi sự đã bắt đầu thành hình. Đa số khóa sinh là con em của đảng viên Đại Việt và phần lớn là sinh viên học sinh. Họ lục tục về đây nay đã lập được ba đội.

Quay trở vào phòng, ông ngồi xuống tiếp tục công tác biên soạn các phương pháp tập dượt, huấn luyện cũng như các kiến thức cơ bản về chiến thuật, chiến lược cũng như những kỹ thuật tác chiến cá nhân, tiểu đội, trung đội, đại đội... Phụ giúp ông ngoài một số trí thức do đảng cử đến còn có một bà vợ mang thai bụng đã khá lớn. Ông mơ màng nhớ lại những ngày còn là sinh viên sĩ quan trường Yokohama và thầm mong mỗi có đầy đủ phương tiện như ngày trước.

### ***Trong một cơ sở bí mật ở Thái Nguyên, 1945:***

Cuộc họp của tỉnh bộ Thái Nguyên chỉ vồn vện có khoảng một chục người và đã đến lúc kết thúc. Võ Nguyên Giáp đứng lên tổng kết:

- Chúng ta đã nhất trí như vậy. Tôi xin lập lại ngoại thù không nguy hiểm bằng nội thù và chính kẻ nội thù mới là mục tiêu chủ yếu cần phải tiêu diệt. Tuy những đảng phái phản động cũng chủ trương giành độc lập, nhưng chúng sẽ là trở ngại chính trên con đường tiến lên Cộng sản chủ nghĩa của chúng ta. Bác Hồ và trung ương đảng đã đề cử tôi xuống đây để nhấn mạnh điều này với các đồng chí. Phải tiêu diệt bằng được trường lục quân Trần Quốc Tuấn và nhất là phá vỡ kế hoạch của bọn Đại Việt trong mưu đồ xây dựng một quân đội quốc gia chống Pháp. Bọn chúng như tôi đã nói, đã liên kết với phát xít Nhật trong âm mưu này. Hiệu trưởng của trường tên Lý Thiết Cương tên thật là Takeo Nagano là một viên đại tá của quân Nhật, cũng là một đảng viên Hắc Long. Cạnh đó còn có Lý Thị Hân là một gián điệp của Đại Việt được gài vào dụ dỗ tên Cương. Các đồng chí phải vô cùng cẩn thận. Tin tình báo cho biết bọn lục quân Trần Quốc Tuấn hiện chưa được trang bị đầy đủ nhưng vũ khí từ các nơi đang được chuyển về cho chúng. Phải đánh nhanh, đánh mạnh, khai triển yếu tố bất ngờ, xử dụng tối đa nhân lực của tỉnh bộ và xứ bộ để nắm chắc phần thắng. Tôi tin tưởng vào các đồng chí.

### ***Sài Gòn, cuối tháng tư, 1975***

- Mà tính sao ?
- Tối nay về tao thu hết đồ lính gửi trả lại cho ông đại tướng Viên.
- Nhưng ông Viên ông ấy chạy mẹ nó rồi, mà tính sao, có di tản không ?

Lý Hợp nhìn mấy tên bạn cùng lớp. Cả bọn không đứa nào có một chủ đích gì. Đỗ Duy Tùng lên tiếng:

- Mẹ, đi thì nhục quá nhưng ở lại thì không xong. Thôi thì thằng nào có cơ hội thì cứ dọt.

Lý Hợp cau mày:

- Tụi mày có đồng ý dù thế nào tụi nó cũng Mít, mình cũng Mít. Tao muốn chờ xem nó với mình ai yêu nước hơn ai. Mẹ kiếp, tụi mày nhớ Mông cổ, Mãn châu chiếm được Tàu rồi cũng bị Hán hóa hết. Tao tin miền Nam mình cũng thắng trận cuối cùng, không phải ở chiến trường, không phải bằng súng đạn mà bằng văn hóa, bằng nếp sống, bằng tình người.

Mấy chai la de đã cạn, đĩa khô mực cũng đã hết và cả bọn nằm sáu đứa ngồi dưới gốc cây mít bản khoăn trước một tình trạng nan giải. Ít ngày sau, cả Tùng lẫn Hợp đều phải khăn gói vào tù.

### ***Hà Nội, 1979***

Khách sạn Metropolitan sơn màu trắng toát và cả phòng ăn chỉ có hai người ngoại quốc. Hiromi ngồi thoải mái nhâm nhi ly cà phê. Hà Nội vào sáng sớm mừng một tết, đường xá không một bóng người. Nàng không ngờ mọi sự dễ dàng như thế, khác hẳn với những lời dặn dò của cấp trên. Chuyến đi từ Hà Nội lên Thái Nguyên và sau đó Móng Cái thông suốt, đến đâu nàng cũng được giúp đỡ và hướng dẫn tận tình. Người hướng dẫn tỏ ra rất tháo vát. Nàng đã bắt đầu thấy manh mối trên đường đi tìm lại dấu vết người cha. Ba ngày nữa nàng sẽ vào Sài Gòn và sau đó đi Di Linh.

Cách đó không xa, tại văn phòng Cục Phản Giám, dù là vào sáng mừng một tết, thiếu tướng Hoàng Tất Thắng đã có mặt khá sớm. Tuy làm việc trong Tổng Cục Tình Báo của Bộ Công An, nhưng Hoàng Tất Thắng lại là tai mắt của ủy viên Bộ Chính Trị Lê Đức Thọ. Ông ta đã được Lê Đức Thọ cho biết tường tận về đại tá Takeo Nagano và kho tàng của ông ta để để ý theo dõi. Khi có tin có một phụ nữ họ Nagano xin vào Việt Nam, Hoàng Tất Thắng biết thời cơ đã tới và đã báo cáo riêng với Lê Đức Thọ. Nghe xong, Lê Đức Thọ lộ vẻ mừng rỡ nhưng rồi nghiêm giọng bảo:

- Đây là một vụ tối mật. Tôi và đồng chí Trần Quốc Hoàn đã giữ kín trong hơn ba mươi năm qua. Chỉ có tôi, Hoàn và Mai Chí Thọ biết. Lần này đồng chí làm thành công, tôi sẽ chia cho đồng chí một phần. Có thể cả mấy tấn vàng chứ không phải chơi. Đừng để cho ai biết, nhất là bọn Đặng Xuân Khu, Võ Nguyên Giáp biết. Nếu lộ ra, đồng chí sẽ biết tay tôi.

Hoàng Tất Thắng ngồi lật đi lật lại tập hồ sơ dày cộm và quay sang hỏi:

- Đồng chí đã ở bên cạnh con nhỏ đó cả nửa tháng nay, đồng chí nghĩ sao ?

- Báo cáo anh Tư, tôi thấy cô ta nhiều nghị lực, nói tiếng Việt giỏi, hiểu biết tường tận về Việt Nam, nhất là giai đoạn 1945.

- Đồng chí đã liên lạc với các đồng chí bên quân đội ở Suối Máu yêu cầu thả thàng đó ra chưa ?

- Thừa rồi. Suối Máu cho hay họ đã thi hành ngay lập tức chỉ thị của ta.

- Tốt.

Hoàng Tất Thắng cảm tấm hình chụp tên tù cải tạo lấm bầm:

- Đẹp trai gớm. Con lai hai giòng máu khác hẳn thiên hạ.

### **Móng Cái, 1944:**

Bộ Chỉ Huy trường Lục quân Trần Quốc Tuấn quyết định rút lui. Kế hoạch là rút lui theo đường xe lửa tới Móng Cái để từ đó sang Vân Nam. Cuộc chống trả đã sang tới ngày thứ ba và cuộc chiến cho thấy không còn có giải pháp nào khác. Quân số của Việt Minh đông gấp bội và vũ khí cũng trội hẳn so với phe Đại Việt. Đã có những trận đánh xáp lá cà bằng dao găm, mã tấu. Số thương vong đã khá cao. Cuộc rút lui dự trù vào khoảng chập choạng tối khi tầm quan sát của địch bị giới hạn. Lý Thiết Cương nhìn vợ:

- Em đang có thai có thể đi được không ?

- Đi có thể thoát nhưng ở lại chắc chắn là chết. Bọn Cộng sản chủ trương giết nhằm còn hơn tha nhằm. Em cũng không thể xa anh và nhất là không chịu nhục.

Lý Thiết Cương nhìn vợ gật đầu thương xót.

Cuộc rút chạy của khóa sinh trường Lục Quân kéo dài gần hai tuần lễ, dọc đường bị phục kích liên miên. Khi tới Móng Cái, toàn bộ quân số còn lại chỉ còn khoảng 80 người, trong đó có hai mươi thương bệnh binh. Trong cuộc lui binh, Lý Thiết Cương đã chứng tỏ là một cấp chỉ huy can trường. Người vợ đang mang thai bên cạnh cũng không nửa lời thở than. Móng Cái vào thời điểm này giống như một chợ trời cả về chính trị lẫn quân sự. Dù các lực lượng, phe phái và có lẽ vì tình hình chưa ngã ngũ nên ai giữ phần nấy, cố tránh đụng độ. Việt Quốc, Đại Việt, Duy Dân một phía, Việt Minh một phía. Ngoài ra còn có binh lính của Lư Hán chưa rút hết về Tàu và những đám thổ phỉ giết người không gớm tay.

Chi bộ Lục Quân Trần Quốc Tuấn chia nhau ở rải rác trong những căn nhà của đảng bộ ở đây. Vào một buổi chiều có tin của liên lạc viên từ trung ương chỉ thị cho Bộ Chỉ Huy của trường chuẩn bị để toàn thể chi bộ vượt biên giới sang Vân Nam. Họ không bao giờ biết những gì đang chờ đợi họ. Họ không biết rằng trong thời gian đó, Việt Minh đã rì tai tung tin đồn với bọn thổ phỉ rằng bộ chỉ huy trường Trần Quốc Tuấn đem theo một người Nhật và nhất là cả một tấn vàng.

Sáng sớm ngày bộ chỉ huy trường Lục Quân khởi hành, gần hai chục thổ phỉ đã phục sẵn dưới chân cầu. Khi Lý Thiết Cương cùng tám đồng chí Đại Việt vừa xuất hiện, súng nổ ran. Bốn người bị tử thương ngay lập tức, Lý Thiết Cương lăn xuống mé sông chống cự lại nhưng

phía Đại Việt chỉ vỡ trang bằng vài ba khẩu súng lục nên không quá năm phút sau, Lý Thiết Cương đã gục ngã. Chỉ có một khóa sinh của trường thoát được là Phạm Văn Liễu.

### ***Di Linh, Sài Gòn, tháng 3, 1979***

Trong căn phòng không đủ ánh sáng và trời khá lạnh trong những ngày đầu xuân, bà cụ nhìn người con gái đăm đăm:

- Cô nói như vậy thì đúng rồi. Năm ấy cô Hân từ Móng Cái về đến Hà Nội, xanh như tàu lá và mang thai sắp đến cỡ. Cả nhà tôi đã tản cư hết chỉ có mình tôi ở lại giữ nhà. Khi cô Hân trở dạ, tôi lúc ấy dù hơn cô năm tuổi nhưng cũng vẫn là con gái nên cuống lên. Lúc đó Hà Nội chưa đâu vào đâu, nhà thương thì ít mà khó lắm mới vào được. Cô Hân sinh xong thì bị băng huyết không cầm được và có lẽ vì yếu quá nên mất ngay hai ngày sau. Trước khi qua đời cô phó thác thằng nhỏ cho tôi và dặn đi dặn lại cố nuôi nó và sau khi nó trưởng thành thì nhắn lại câu tôi còn nhớ rành rành là “*nó phải giữ kỹ cái vali. Đó là gia tài của bố mẹ nó và cũng là kho tàng của dân tộc.*” Tôi không biết cái va li nhôm đó có cái gì quý nhưng đã cố giữ nó với một thanh kiếm Nhật. Năm 1954 tôi đem theo Hợp di cư. Tôi nhận Hợp như con đẻ nhưng chưa bao giờ nói cho Hợp rõ chuyện gì. Khi Hợp lớn lên, đỗ tú tài rồi đi Không Quân, tôi mới trao cho Hợp cái va li và nói lại lời trời trần không đầu không đuôi.

- Thế còn thanh kiếm ?
- Nặng lắm, tôi giữ treo trên giàn nhà để yểm tà. Nay nghe rõ chuyện, tôi xin đưa lại cho cô.
- Bà có muốn về Sài Gòn thăm Hợp không?
- Nó còn ở tù cải tạo ở Suối Máu. Mấy tháng trước tôi có lặn lội cùng vợ con nó đi thăm nuôi rồi .

### ***Sài Gòn, tháng tư 1979***

Về đến nhà, Lý Hợp vẫn còn bàng hoàng tự hỏi tại sao quản giáo lại đột ngột gọi riêng anh lên, tử tế ngọt nhạt đủ điều, bảo là Cách Mạng nhân nghĩa khoan hồng nên cho anh về, còn đưa anh một khoản tiền hai trăm đồng trong khi thường thì tù cải tạo chỉ được phát có mười đồng sau khi ra trại. Hà và hai đứa nhỏ thì mừng quính mừng quáng. Hà bảo:

- Chắc là anh có thánh nhân phù trợ. Hôm qua có một cô người Nhật đến báo trước là anh sắp về. Cô còn để lại một phong bì. Lúc cô ta về em mở ra đếm được một nghìn. Cô ấy cũng để lại địa chỉ cho anh.

Lý Hợp mân mê tấm danh thiếp in hai thứ tiếng Nhật Anh với cái tên Hiromi Nagano xa lạ và thấy mình như mê ngủ.

Hai ngày sau, tại phòng ăn của khách sạn Continental buổi trưa cũng khá đông. Hợp bước vào quan sát thì thấy ở một bàn trong góc có một phụ nữ đưa tay vẫy. Anh đến gần và người phụ nữ đứng lên đón. Hợp chợt thấy gương mặt có vẻ quen quen nhưng không nhận ra ai. Khi ngồi xuống, người phụ nữ rưng rưng nước mắt:

- Mình là chị em. Chị em mình chẳng cần thử máu mới nhận ra nhau. Nhìn thấy em như nhìn thấy cha mình vậy. Đây là hình của cha. Em nhìn đi.

Lý Hợp nghe xong đứng chết trân. Anh nhìn Hiromi và nhìn tấm ảnh đã cũ nhưng vẫn nhận ra ngay khuôn mặt và có cảm tưởng đó chính là hình mình.

Một tiếng đồng hồ sau đó và sau hai ly cà phê, Hiromi dịu dàng nói với Hợp:

- Trước khi cha mất, cha đã chuyển hồ sơ về Nhật. Cái bí mật là do em giữ. Cái va li nhôm mẹ em giao lại cho em đâu rồi ?

Lý Hợp ngẩn người. Cái Thiết Hoa Ly và câu nói giễu cợt của thằng Quyền “*Gia tài của bố để lại cho con: một nước Việt buồn*”. Anh nhớ tới buổi gặp mặt ở căn phòng 3/1 Đại Học Xá Minh Mạng bốn năm trước. Quyền đang ở Mỹ, Bằng vừa vượt biên sang Nhật, chỉ còn thằng Minh, thằng Bạch Văn Minh. Lạ trời nó còn giữ.



Khi Hiromi và Hợp vừa đứng dậy ra khỏi phòng ăn thì một thanh niên ăn mặc bảnh bao tiến tới cái bàn hai người vừa ngồi, thò tay dưới gầm bàn lấy ra một máy ghi âm nhỏ và lập tức bước ra, nhảy lên đằng sau chiếc Honda có người chờ sẵn bên lề đường Đồng Khởi, nói nhanh “Về cơ quan ngay”

Phải mất ba ngày đi hỏi từng đũa bạn còn sót lại trong đám NTCVA, cuối cùng đến Nghiêm Hữu Dũng mới tìm ra được nhà của Bạch Văn Minh.

- Cái gì? Cái va li nhôm hả. Mà gọi là Thiết Hoa Ly chứ gì? Tao tưởng nó ở xó nhà, may mà chưa “chà đồ nhôm” bán lấy tiền..

Lý Hợp mang chiếc va li đến khách sạn tìm Hiromi. Hai chị em chỉ loay hoay một lúc đã tìm ra bí mật của nó. Va li có hai đáy ép sát vào nhau, ở giữa là một tập giấy và một tấm hình. Tấm hình đã phai nhạt, loang lổ chỉ còn thấy dáng hai người đàn ông và đàn bà đứng sát nhau. Lý Hợp biết đó là cha mẹ mình nên chăm chú nhìn nhưng vẫn chỉ thấy những nét nhạt nhòa. Trong tập giấy có thư của bà Lý Thị Hân “... Khi con đủ khôn lớn, hãy tìm đến kho tàng, dùng nó vào mục đích khôi phục lại nước Nam... Con hãy cố gắng liên lạc với các đồng chí Đại Việt của mẹ để có một hậu thuẫn vững vàng...”. Bức thư không dài lắm và những dạn dò rõ ràng là do cái nhìn về thời cuộc nước Việt Nam của nửa thế kỷ trước.

Hiromi lựa trong tập giấy trong vali một mảnh giấy nhỏ có những đường vẽ ngoằn ngoèo và lấy trong người một tờ giấy lớn bảo:

- Chị đã học thuộc lòng tám bản đồ cũ nên vừa vẽ ra. Để cùng em ráp mảnh này lại xem nó ở đâu.

Chỉ nửa giờ sau khi nghiên cứu kỹ tám bản đồ, Lý Hợp bảo:

- Yên tâm, em nhận ra rõ ràng chỗ này vì đã từng đi cắm trại với bọn thằng Lê Khuê Hào nhiều lần ở đây. Gần núi Châu Thới với suối Lò Ô, cách Sài Gòn khoảng 20 cây số. Mai mình đi.

Tất cả những lời nói của chị em Hiromi đều vang lên rõ ràng trong một căn phòng gần đó, nơi thiếu tướng công an Hoàng Tất Thắng cùng ba cộng sự viên thân tín đang quây quần bên máy thu thanh nghe lén. Thắng xoay mình nói với bộ hạ:

- Các đồng chí lo bố trí người của ta cho thật kín đáo ở khắp nơi xung quanh khu này. Nhớ phải thật cẩn thận đừng để tụi nó nghi ngờ. Để ý cả thằng Sato nữa.

- Anh Tư yên tâm về vụ bố trí, còn ta vẫn bám sát thằng Sato đó. Nó là đảng viên Hắc Long, tinh ma lắm nhưng vẫn không thoát khỏi tai mắt của ta.

### **Tháng 5, 1979, phía tây Sài Gòn:**

Từ tinh mơ sáng cho đến xế chiều, Hiromi và Lý Hợp mới tìm được vị trí vẽ trên bản đồ, tại một gò đất nhỏ khuất sau một khu rừng rậm cách xa lộ hơn ba cây số, và hai chị em hí hục đào. Khi cửa hầm lộ ra hai tấm bưng sắt, hai người vừa cười vừa thở thì bỗng nhiên có tiếng quát:

- Ngừng ngay.

Một người từ sau một tầng đá nhô ra, tay lăm lăm khẩu súng nói bằng tiếng Anh:

- Đây là kho tàng của Nhật Bản, không được đụng đến.

Lý Hợp trở mắt nhìn khi Hiromi sáng giọng nói tiếng Nhật. Hai bên nói qua nói lại một tràng thì người đàn ông Nhật rút ra một tấm thẻ bằng ngà dơ cao và quát lên. Hiromi tự nhiên im bật và từ từ quì xuống. Thấy lệnh bài như thấy Thiên Hoàng. Sato chưa kịp mừng rỡ thì đằng sau bỗng vang lên tiếng cười:

- Ha ha. Sato nhanh chân nhưng vẫn hỏng việc. Kho tàng này do phát xít Nhật cướp đoạt của dân Nam. Kho tàng này là của nước Nam.

Cả ba quay lại, Hoàng Tất Thắng đứng sững sau lưng ba người với một tiểu đội công an võ trang hùng hậu. Thắng quay sang Hiromi:

- Cô phải cảm ơn tôi đã kín đáo giúp đỡ cô. Khi cô mới qua đây, chúng tôi đã biết ngay lý lịch của cô. Tại sao một đảng viên Hắc Long, một nhân viên của tình báo Nhật mà lại dùng tên

thật. Hừm, cả nước Nhật ai không biết đại tá quân đội Thiên Hoàng Takeo Nagano là Lý Thiết Cương. Nagano tiếng Nhật là đá cứng. Chính tôi đã tạo điều kiện thuận lợi cho cô đi Thái Nguyên, đi Móng Cái, đi tìm căn nhà ở Hà Nội. Tôi ra lệnh thả Lý Hợp để chị em gặp nhau. Tôi giúp cô tìm gặp các đảng viên Đại Việt. Sao cô không cảm ơn tôi à ?

Hiromi đứng lặng yên. Tất cả bầu trời như sụp đổ, nhưng cô lại lén quay sang Lý Hợp nháy nháy mắt rồi nói:

- Cảm ơn ông. Tôi không hề có ý định đem kho tàng do cha tôi cất giấu về Nhật. Tôi đồng ý với ông là kho tàng này phải trả về cho Việt Nam. Đây là chìa khóa mở cửa kho tàng tôi xin giao lại cho ông. Tôi chỉ xin ông một ơn huệ nhỏ của chị em tôi. Xin đừng bắt chúng tôi chứng kiến cảnh ông mở kho tàng. Nó gợi lại những chua xót của cả hai dân tộc Việt Nhật. Người Nhật đã có lỗi với Việt Nam. Không có cách gì chuộc được những lỗi lầm của quá khứ.

Hoàng Tất Thắng đắm chiêu nhìn chiếc chìa khóa khá lớn bằng đồng do Hiromi đưa ra và suy nghĩ: “ Đồng chí Mai Chí Thọ dặn phải giữ thật bí mật. Nổ súng giết bọn chúng nó ngay đây thì cái đám bộ đội sẽ chạy tới kiểm soát rồi báo cáo lên tới tai bọn Võ Văn Kiệt, Trần Văn Trà thì lộ chuyện, chết với anh em ông Sáu Thọ. Hãy cứ tạm nhốt chúng lại sau khi khuôn hết kho tàng xong mới thủ tiêu cũng chưa muộn”

- Được. Tôi chấp nhận lời yêu cầu này của cô. Hai đồng chí áp tải hai người này ra xe chờ, còn Sato ở lại.

Hợp đi song song với Hiromi len lỏi trên con đường mòn trong rừng. Hai viên công an lăm lăm súng AK một đi trước, một đi sau dẫn đường. Khoảng mười phút sau khi đi bộ gần ra tới đường thì từ phía sau một tiếng nổ long trời xé không gian làm mọi người khựng lại. Hai tên công an còn đang ngơ ngác thì Hiromi bỗng hét lên một tiếng “Kiai” chói tai và tung cước đá tên công an phía sau. Tên này lộn nhào văng súng ngất đi. Tên thứ hai chưa kịp định thần thì đã bị một cú Atemi chém ngay cổ gục xuống.

Hiromi lôi Lý Hợp chạy như lao về phía trước.

### **Đoạn Kết:**

Hai giờ sau, tại nhà Lý Hợp:

- Vụ này anh em Lê Đức Thọ định dấu đồng bọn lén làm ăn một mình để muốn nuốt trọn kho tàng, chắc bây giờ Hoàng Tất Thắng đã chết, cái đám Cộng sản miền Nam đến điều tra thấy một viên thiếu tướng tình báo ở Hà Nội chết trong rừng ở miền Nam thế nào cũng nghi ngờ có điều gì ám muội. Bọn đàn em Lê Đức Thọ chắc cũng không dám làm lộ chuyện đâu. Nhưng em cũng nên lánh mặt đi. Đây là một trăm ngàn đô la. Đem vợ con đi trốn rồi tìm cách vượt biên. Chị cũng phải vào tòa đại sứ và đi về Nhật lập tức. Đây là địa chỉ của chị ở Nhật, hãy thoát báo cho chị ngay.

- Tại sao chị biết trước kho tàng sẽ nổ ?

- Di chúc của cha để lại nói kho tàng có hai cửa. Cửa đầu tiên mở như thường nhưng cửa thứ hai phải xoay theo chiều ngược lại nếu không ngòi nổ sẽ kích hỏa. Nhưng kho tàng không có vàng bạc châu báu gì đâu. Chỉ có mớ đồ cổ cha và mẹ em sưu tập là đáng giá, còn lại là súng ống đạn dược thuốc nổ đủ loại. Tất cả được chôn giấu để dự trữ cuộc chiến còn kéo dài hay là Nhật sẽ phải ở lại Việt Nam. Chuyện đó xưa rồi phải không em? Chuyện bây giờ là em và vợ con phải thoát đi ngay.

### **Trọng Toe**

Thiếu Tá Trần Quang Trọng ngược nhìn lên. Ba chiếc A37 sơn màu nâu xanh rần rí nhào xuống. Ông điếng người. Rõ ràng là phi cơ của mình nhưng thế lao xuống là để tấn công, là để

đánh bom. Phản ứng dù của một phi công vẫn không nhanh hơn sự việc xảy ra. Cả một loạt bom nổ khiến trời đất rung rinh và ông thấy mình như một phần xạ lẫn mình nằm xoải dưới đất. Ông biết rõ lắm, A37 có sáu rack mang theo mỗi bên ba trái bom MK81 nặng 250 cân anh. Từ trước tới nay ông là người ở phía trên – từ trực thăng, khu trực cho tới nay là vận tải – và đã bao nhiêu lần ông nhào xuống nhưng chưa thật sự nhận thức được sức tàn phá của bom dù chỉ là bom 250 cân. Hàng loạt bom nổ khiến đầu óc ông lùnh bùng. Ông nằm sát mặt đất chờ loạt bom tiếp. Bình thường với một phi đội ba chiếc thì chiếc đầu đánh “One rolling in” xong vòng lại đằng sau nhường mục tiêu cho chiếc kế sau đó sẽ đảo ngược lại đánh bom tiếp. Nhưng kỳ này là “Salvo” cả ba trút một lần tất cả bom xuống mục tiêu và sau đó là im lặng hoàn toàn, ba chiếc A37 mất hút. Định thần lại ông leo lên một chỗ cao nhìn. Ông nghe thấy tiếng còi hú âm ỉ của những xe chữa lửa, xe cứu thương từ nhiều ngã chạy tới. Những cụm khói đen từ phía xa bốc lên cao. Ông biết nơi bị đánh là chỗ đậu của phi cơ F5 và những khu trực A37. Không hiểu thiệt hại cỡ nào và ông chỉ biết cầu trời. Lúc đó là khoảng 4 giờ chiều ngày 28 tháng 4.1075.

Ông lác đầu như cố xua đuổi những ám ảnh đen tối. Chắc chắn ba chiếc A37 là của ta và bị địch chiếm có lẽ là ở Đà Nẵng hay Nha Trang và ông nhớ ngay đến thằng Nguyễn Thành Trung, tên phi công nằm vùng đã ném bom dinh Độc lập. Thế còn hai chiếc kia thì ai lái. A37 có hai chỗ ngồi và như vậy thì phải có sáu người ngồi trên đó. Cộng Sản chắc chắn không có phi công nào biết bay loại phi cơ này vậy thì ...Lòng ông quặn đau. Nếu ông bị bắt ở Đà Nẵng và bị địch ép phải lái một trong ba phi cơ đó đánh bom Tân Sơn Nhất phản ứng của ông sẽ ra sao. Ông biết rõ mình lắm. Ông là lính tình nguyện chọn binh nghiệp như là lẽ sống không phải là người dân thường bị động viên khi quốc gia hữu sự. Nhưng chắc chắn ông không bao giờ là anh hùng và trong hoàn cảnh bị địch dùng gia đình, sinh mạng của chính mình để làm áp lực thì sao? Nhiều năm sau ông vẫn cứ suy nghĩ về vụ ném bom này. Nếu Cộng Sản muốn tê liệt hóa Tân Sơn Nhất thì mục tiêu hợp lý nhất là đài kiểm soát không lưu và hai phi đạo vì những mục tiêu đó quá dễ. Nhưng có thể bọn chúng cũng chưa ý thức được và cũng không có ý niệm gì về không quân hoặc chúng chỉ muốn một tác động lớn đối với dư luận mà không cần đến kết quả của phi vụ. Nếu quả như vậy thì chúng đã đạt mục tiêu. Ông không rõ phía ngoài Sài Gòn dân chúng và chính phủ hoặc những người có trách nhiệm trong quân đội ở cấp cao hơn nghĩ gì nhưng ngay trong Tân Sơn Nhất thì mọi người sao động thấy rõ.

Chợt đâu một ước muốn rất tầm thường trước đây nay nghe như huyền thoại. Bây giờ được ra phố ăn một tô phở gà Nam Xuyên sau đó ra Pagode uống một ly cà phê có trộn kem thì nhất. Ông tự cười trước cái ước mơ viễn vông này. Ông nhắm trong đầu. Phi vụ cuối cùng của ông từ Tân Sơn Nhất xuống Bình Thủy cách đây cả hơn mười ngày và từ đó đến nay là cấm trại ứng trực cho đến nay. Trước kia ông bay liên miên có khi không đủ giờ ngủ nhưng tình hình lúc này khác và lại Huế Đà Nẵng và nhiều phi trường nữa kể cả Phan Rang đã mất. Mọi sự rối tinh và tin tức thì chỉ thấy BBC loan tin hết chỗ này rút lui đến chỗ kia di tản. Ông quay vào trong điện thoại về nhà. Bà chị cho hay cả nhà vẫn bình yên, nhỏ em gái vốn là tiếp viên Air Việt Nam vẫn đi làm như thường lệ. Vẫn bình yên nhưng bình yên đến bao giờ? Thoáng trong đầu ông là ý nghĩ trốn trại về nhà. Nhưng để làm gì? Giải quyết được gì? Và lại ông đang là một sĩ quan của Không Lực Việt Nam, lương tâm và trách nhiệm không cho phép ông. Biết mình không bao giờ muốn làm anh hùng nhưng ông cũng không muốn làm thằng lính đào ngũ.

Ông lưỡng lự đi trở lại cư xá sĩ quan độc thân thì bỗng có tiếng gọi: “Ê, Toe”. Ông được biệt danh Trọng Toe từ khi học trung học ở Nguyễn Trãi có lẽ vì tính hay cười và hay nói và tên Toe này theo ông vào quân ngũ. Ông cũng vui vẻ nhận cái tên Toe vì nó gợi nhớ đến tuổi học trò thơ ngây. Quay sang thì thấy ông Hoàng Nam nón bay cấp kè kè bên hông và cạnh ông là một phi công khác trông lạ hoắc, nhất là ông này xem ra quần áo có hơi chật so với khổ người và đầu tóc thì dài phủ gáy trông có vẻ gương gạo thấy rõ. Nheo mắt nhìn kỹ thì ra ông luật sư

Hoàng Chí tự Chí Bờm, một ông bạn từng giải tỏa cho ông trong một vụ ái tình lằng nhằng. Ông vội chạy lại lôi Hoàng Nam ra một góc :” Ê, bộ mày điên sao. Dấu thằng Chí Bờm ngay đi. Quân cảnh đi nhan nhản sao mày liều vậy”. Quả là mấy hôm nay không hiểu sao quân cảnh nhan nhản và trông họ ai nấy gườm gườm.

Thật sự ông không hiểu Hoàng Nam âm mưu gì nhưng cả đám tội phi công dạo này khác hẳn. Chiến tranh khiến mạng sống trở thành trò đùa. Sống nay chết mai là chuyện cơm bữa. Có những lần ngồi ăn với nhau xong đi bay và người ngồi cùng bàn không bao giờ trở về nữa. Có lẽ vì vậy đa số phi công đều coi mọi sự như điều lúc nào cũng cười đùa và sống chỉ biết hôm nay. Nhưng sao nay mặt mày ai nấy đăm chiêu không nhậu nhẹt, xập xám hay phé còm như xưa. Khó mà có thể cười trong hoàn cảnh này. Ngồi nói chuyện với nhau toàn là những chuyện đi hay ở, đi thì đi đâu? Liệu Sài Gòn có thể cố thủ không? Thái độ của Mỹ sẽ ra sao? Có thể lại như Mậu Thân, Mỹ dụ cho Cộng Sản tung toàn lực và sau đó phản công một trận cuối? Liệu quân ta có thể rút về Vùng Bốn và tái phối trí chăng? Toàn là những chuyện mãi sau này mới biết là ngớ ngẩn. Phía ngoài Sài Gòn thì Tổng Thống Thiệu coi như đã mất chức và Quốc Hội thì loay hoay họp tới họp lui chẳng giải quyết được gì. Có tin đồn là Thượng Nghị Sĩ Nguyễn Văn Huyền sẽ đảm đương chức Tổng Thống và tin khác thì nói tướng Dương Văn Minh sẽ thay ông Thiệu. Lại còn tin Phó Tổng Thống Kỳ sẽ đảo chính nữa. Mấy hôm nay ông Kỳ đi hết chỗ này đến chỗ khác ăn to nói lớn và ngay tại nhà thờ Tân Sa Châu trước cả chục ngàn người ông Kỳ bảo ông chỉ quen ăn cà pháo mắm tôm e không chịu được bơ sữa.

Đêm rồi cũng xuống. Ông lần mò về cư xá và để cả giày lẫn áo bay lăn ra giường. Cơ thể ông rã rời đầu óc trống rỗng. Ông nằm đó mắt mở thao láo nhìn trần nhà . Tất cả là ngỡ bí xem ra không phải cho cá nhân ông mà cho cả một dân tộc. Để có lẽ đã quá nửa đêm. Ông chìm vào trong giấc ngủ tai vẫn thỉnh thoảng nghe vọng từ đâu đó tiếng pháo kích. Bỗng thấy nhói ở cổ và ông tỉnh hẳn. Ông đưa tay sờ vết sẹo nơi còn hai ba mảnh đạn nhỏ nằm trong đó. Vết thương nay đã đóng sẹo nhưng đôi khi nhói lên đau buốt. Ông ngồi hẳn dậy và từ đâu không biết cái quá không xa lắm hiện ra rõ mồn một. Phi vụ trực thăng hôm đó xem ra có vẻ bình thường như mọi ngày, ông được lệnh thả nhóm biệt kích tại một địa điểm nào đó trên đường mòn Hồ Chí Minh hay bên kia biên giới Lào. Ông đã bay những phi vụ như vậy cả ngàn lần có khi một ngày bay hai ba phi vụ. Hồi đó ông tình nguyện bay cho một phi đoàn đặc biệt ở Đà Nẵng chuyên thả và bốc biệt kích trong những công tác xâm nhập đường mòn và hậu cứ địch công việc khá vất vả nhưng bù lại lương bổng do Hoa Kỳ đài thọ nên khá hẳn so với những anh em phi công khác, chỉ có điều nguy hiểm hơn hẳn . Hôm đó vừa xà xuống thì phi cơ ông trúng đạn, ông không nhớ gì ngoài thấy đầu mình như lia khỏi cổ và sau đó được một người lính biệt kích lôi ra. Ông bị trúng đạn ở cổ máu ra xối xả nhưng không hiểu do đâu, có thể vì còn trẻ có thể vì lòng ham sống, ông đã cùng bảy người biệt kích băng trên ba cây số đường rừng để tới bãi đáp (LZ). Tình cảnh lúc đó thật hỗn loạn, vị sỹ quan Mỹ thuộc phòng ba (S3) bay trên chiếc máy bay trinh sát OV2 đang điều động hai phi tuần khu trục A1-H đánh chặn những chiến binh chính quy Bắc Việt (NVA) đang cố gắng bắt sống phi hành đoàn và đám biệt kích, đồng thời ông liên lạc với Toán Trưởng biệt kích để biết rõ vị trí trước khi ra lệnh cho khu trục thả bom để phá hủy chiếc trực thăng lâm nạn. Trên đường tới bãi đáp toán biệt kích đặt rất nhiều mìn bẫy ở phía sau, trong khi chiếc trực thăng cấp cứu trên đường hạ cánh xuống bãi đáp hai phi tuần khu trục A1-H của KQVN tiếp tục oanh tạc chung quanh bãi đáp. Cuối cùng ông thoát được mặc dù mất máu rất nhiều Khi lên được trực thăng ông mê man không biết gì. Nhưng đó là chuyện quá khứ với một vết sẹo 15 phân chạy dài trên cổ.

Ông ngó đồng hồ. Hơn năm giờ sáng. Tháng tư trời sáng sớm đâu đó đã như có tia nắng. Ông chợt thấy đói và nhớ không ăn bữa tối ngày hôm qua. Lần mò ông sang câu lạc bộ Mây Bốn Phương. Phòng ăn khá đông và đủ cả các cấp lao nhao úy tá. Khi đang nhâm nhi ly cà phê thì trung úy Nghĩa xà xuống bên cạnh. Ông là phi công phi đã gần đủ giờ bay để có thể bay một

mình. Trung úy Nghĩa nhìn ông đăm đăm và hỏi : “ Thiếu Tá tính sao ?”. Thật là ngạc nhiên vì giữa ông và Nghĩa trừ trường hợp trước công chúng không có chuyện gọi nhau bằng cấp bậc. Ông nhớ ngay ngày đầu Nghĩa trình diện để bay phụ cho ông, nhìn khuôn mặt trẻ măng đẹp trai của Nghĩa ông đã có cảm tình và bảo :”Thôi đừng có thiếu tá thiếu tiếc gì anh em là đủ và cho nó thân vì mình sẽ sống chết có nhau một thời gian”. Nhưng sáng sớm tinh mơ như sáng nay trong cảnh này bỗng Nghĩa gọi ông là Thiếu tá. Chợt ông nhớ ra thân phận của mình. Chẳng phải là ông cũng đang ngong ngóng chờ quyết định của thượng cấp sao ? Ông nhìn đăm đăm người đàn em và thờ dài :” Trung úy biết mình là lính là một quân nhân đâu có thể tùy tiện muốn làm gì thì làm. Tuy nhiên kể từ giờ phút này tôi đi đâu trung úy đi đó. Sống cùng sống chết cùng chết.” Trung úy Nghĩa không nói năng gì một lúc lâu và bỗng đưa tay ra nói :”Được, như vậy anh đâu em đó.” Ông xiết chặt bàn tay của người đàn em lòng bồi hồi. Lúc đó là khoảng hơn bảy giờ sáng ngày 29 tháng tư 1975.

Khi hai người đang lớ ngớ thì một ông trung tá vừa ở phòng hành quân ra nói khẽ cho hay Liên Đoàn Biệt Kích 81 đang giao tranh dữ dội ở Bà Điểm và họ được lệnh bảo vệ Tân Sơn Nhất bằng mọi giá. Ông nghe để mà nghe vì quả tình tin tức cứ lung tung đủ thứ. Nhưng phi trường vẫn bị pháo lai rai và thỉnh thoảng vẫn có phi cơ trực thăng vũ trang (gunship helicopter) bay lên. Tiếng súng từ miệt Hóc Môn vọng về nghe rõ mồn một. Bỗng có tiếng ai đó la lên :”Thằng Thành Đen nó điên rồi”. Thành Đen bay AC119K loại máy bay có hai đuôi được canh tân cho thích hợp với chiến trường Việt Nam trong thân tàu được trang bị hai đại bác 20 ly và ba súng minigun 7.62 ly tám nòng chuyên đánh đêm. Sở dĩ như vậy vì phải bay ở cao độ rất thấp, ban ngày rất dễ là mục tiêu của phòng không. Loại phi cơ này khi xả đại liên thì như một vòi lửa từ trên trời phun xuống nên được mệnh danh là Rồng Phun Lửa. Mọi người nhìn lên. Trên trời đâu đó ở phía Quang Trung Bà Điểm một phi cơ AC119K đang quần quăn đánh bằng đại bác và đại liên, Thành Đen nhất định không nghe lệnh tiếp tục đánh dù mặt trời đã lên cao. Không hiểu từ trên cao anh nhìn thấy gì và suy nghĩ như thế nào nhưng chỉ mười lăm phút sau phi cơ anh trúng một lúc ba hỏa tiễn Sam7 bốc cháy. Mọi người đều nhìn thấy và hình như không ai lên tiếng nói năng gì. Nói năng gì bây giờ ?

Hình như mọi sự thêm phần rối mù. Ông quay sang hỏi Nghĩa :”Ông cơ khí phi hành (flight engineer) đâu rồi?”. Nghĩa cho hay ông ta và ba áp tải viên vẫn túc trực ở cạnh phi cơ ngoài bãi đậu có quân cảnh gác nhưng phi cơ đã được chuẩn bị ở tư thế sẵn sàng cất cánh khi có lệnh và có phi công. Bỗng đâu cả loạt phi cơ F5E ào ào cất cánh. Mọi người chờ xem F5E có quay lại đánh để yểm trợ cho 81 Dù không nhưng tất cả mắt hút. Một tin loan ra rất nhanh. Trung Tướng Nguyễn Văn Minh Tư Lệnh Không quân đã sang DAO rồi. Mọi người ngơ ngác Trung úy Nghĩa huých vào người ông :”Đi ra phi cơ đi chứ còn chờ gì nữa.”. Ông như người mất hồn líu ríu chạy theo Nghĩa. Phi cơ C130 đậu ở khu gần Air Việt Nam khá xa và khi đến nơi thì ông thấy những khuôn mặt quen thuộc của những người áp tải viên và họ mừng ra mặt khi nhìn thấy ông. Những tiếng chào thiếu tá thiếu tá vang lên. Ông chụp nón bay xách chiếc cặp phi hành leo lên phòng lái. Ông không còn đường khác. Chung quanh phi cơ lố nhố một đám đông, có lẽ là thân nhân của mấy người quân cảnh hoặc áp tải viên hoặc dân thường nhưng không hiểu sao bằng cách nào họ lọt vào đây tự bao giờ . Mọi sự diễn ra nhanh quá ông không có thì giờ suy tính và rất nhanh ông taxi ra phi đạo. Phi trường bị pháo từ nhiều ngày qua nhưng phi đạo không hư hại nhiều chỉ phần cuối bị pháo hư nên thay vì dài 10.000 bộ anh nay chỉ có thể xử dụng được cỡ 8000 bộ nhưng thế cũng thừa đủ để C130 cất cánh. Đến đầu phi đạo ông tổng hết ga và nhả thắng phi cơ lao về phía trước hết tốc độ. Ông kéo cần lái lên và phi cơ từ từ bay lên. Tất cả là phản xạ của phi công, ông thật sự không nghĩ ngợi gì ngoài cố gắng bay lên và khi đã đủ độ cao thì câu hỏi lập tức hiện ra. Bay đi đâu ? Ông vòng trở lại hướng về phía Nhà Bè những muốn quan sát Sài Gòn phía dưới. Từ trên cao ông thấy dân chúng đông đảo ngoài đường vẫn có nhiều xe cộ tới lui. Ông vịn hết tần số này tới tần số khác nhất là tìm xem có thể nào đáp được ở Cần Thơ chẳng. Vài chiếc trực thăng có khu trục hộ

tổng đang hướng về phía Saigon có lẽ là phi cơ Hoa Kỳ. Đúng lúc đó ông bắt được tần số cho hay tất cả phi cơ Việt Nam liên lạc với tần số XYZ để được hướng dẫn. Ông mở và đó là tần số của Đệ Thất Hạm Đội. Operator cho hay điểm hẹn là Utapao. Khi cho hay không có bản đồ phi hành thì ông được hướng dẫn bằng radar. Không còn giải pháp nào khác ông quay mũi hướng về phía tây. Được một lúc ông liên lạc với những người áp tải viên và được cho hay trên phi cơ có khoảng hơn hai trăm người. Ông nhằm tính C130 có thể chở 82 binh sĩ với đầy đủ quân trang quân dụng thì với số hành khách này chắc không sợ quá tải.

Khi phi cơ vào đến không phận Utapao Đệ Thất Hạm Đội chuyển ông qua tần số kiểm soát không lưu của phi trường Utapao và ông được hướng dẫn để đáp. Người hướng dẫn viên giọng rõ ràng và rất lịch sự khi ông đáp xuống phi đạo an toàn, trước khi chuyển giao ông cho đài kiểm soát không lưu dưới đất (ground control) đã chúc ông "Have a nice day, Sir". Đài kiểm soát không lưu dưới đất hướng dẫn ông taxi và ra lệnh theo chiếc xe pick-up với hàng chữ Follow Me vào bãi đậu. Tất máy ông thở phào nhẹ nhõm khi nghĩ ít nhất thì ông cũng giữ được một chiếc C130 không lọt vào tay địch. Thế thôi. Sau này ngẫm lại ông cũng không hiểu tại sao lúc đó ông không nghĩ đến những chuyện như số phận của ông của phi hành đoàn và những hành khách trên phi cơ. Dẫu thế nào đi nữa ông cũng là người có trách nhiệm đối với họ chứ. Quả tình ông rất ngây ngô khi nghĩ ít lâu nữa ông sẽ lái chiếc C130 về lại Việt Nam. Khi ôm chiếc nón bay và chiếc cặp da đựng đồ phi hành bước ra chiếc thang xuống thì ông thấy hai người quân cảnh và một sĩ quan Mỹ đứng chờ sẵn. Viên sĩ quan mặc đồ kaki vàng nhạt đeo lon trung úy. Viên trung úy tiến đến gần ông mặt lạnh như tiền lên tiếng hỏi ai là người nói được tiếng Anh. Ông chưa kịp trả lời vì ngạc nhiên trước thái độ có thể là xấu xược này vì dẫu sao Ông là thiếu tá và ít nhất viên trung úy này cũng phải hiểu ông là sĩ quan của đồng minh với cấp bậc cao hơn lon trung úy. Gì thì gì cũng phải lễ độ với nhau và ông chợt nhớ đến câu chào rất lịch sự "have a nice day, sir" cách đây mấy phút. Viên trung úy lặp lại câu hỏi. Ông tiến lên bảo ông nói được tiếng Anh. Viên trung úy vẫn đứng giữa hai người quân cảnh to lớn nói chậm rất rõ từng tiếng :

- Các ông phải hoàn trả lại Hoa Kỳ những gì là tài sản của Hoa Kỳ (You must return all the "US Properties" to the US)

Thiếu Tá Trần Quang Trọng ngạc nhiên trước ngôn ngữ đầy xách mé và trở mắt nhìn lặp lại

- Tài sản của Hoa Kỳ ?

Viên trung úy mặt vẫn lạnh như tiền nói

- Đúng. Những gì các ông mang theo trên người có đề rõ Chế Tạo Tại Hoa Kỳ hay Tài Sản Của Chính Phủ Hoa Kỳ như súng đạn, mũ bay yêu cầu các ông lấy ra đặt xuống đất

Một người lính áp tải có vẻ sốt ruột vì không khí có vẻ căng thẳng hỏi :

- Nó nói gì vậy Thiếu Tá ?

- Nó bảo mình bỏ súng xuống đất.

Ông thật sự không muốn giải thích rõ cho những người lính Việt Nam cái cảnh trớ trêu bi hài này và như để làm gương ông lẳng lặng đặt chiếc nón bay cạnh chiếc cặp da phi hành và tháo dây búp nịt cùng lẳng khẩu súng Colt45 cùng băng đạn xuống đất. Mọi người làm theo ông không ai nói gì thêm. Ông nhìn người sĩ quan Hoa Kỳ và nói :

- Bộ đồ bay và đôi giày trận hình như cũng là tài sản Hoa Kỳ, để tôi cời ra trả.

Viên trung úy Mỹ vẫn nói với một giọng hết sức là công việc :

- Các ông có hành lý gì không ? Các ông có đem theo đồ dân sự không ?

Ông thấy nhói trong tim. Ông sờ túi quần. Gia sản của ông là mớ giấy tờ tùy thân trong đó quan trọng nhất là thẻ căn cước quân nhân và khoảng dăm hơn một ngàn tiền Việt Nam. Ông đã lên thiếu tá được mấy tháng nhưng phòng tài chánh vẫn chưa điều chỉnh lương bổng kịp nên vẫn lãnh lương đại úy. Khi ông trả lời không có hành lý gì thì viên trung úy Mỹ ngẫm nghĩ một chút rồi nói :

- Ông được phép giữ những thứ đó (You may keep it)

Đà từng ở Koa Kỳ nhiều năm ông hiểu rõ động từ “may” là cho phép là một hình thức nào đầy trịch thượng trong đó. Ông toan lên tiếng từ chối ơn huệ này nhưng khi nhìn thấy những người lính và phi hành đoàn ông cố nén cơn giận.

- Các ông đi theo hai người quân cảnh, họ sẽ hướng dẫn các ông đến chỗ nghỉ.

Ông lẳng lẳng không nói gì ra hiệu cho mọi người đi theo. Đúng lúc đó Hạ Sĩ Út níu vai ông hỏi :

- Đây là đâu vậy Thiếu Tá ?

- Đây là Utapao, Thái Lan.

- Chết cha rồi. Vậy còn vợ con em thì sao ? Em đâu có muốn đi Thái Lan làm chi.

- Tôi cũng đâu muốn nhưng cái thế nó thế, Út đừng lo, để từ từ coi sao.

Đúng lúc đó ông ngoái lại nhìn chiếc C130. Một chiếc xe cần cẩu có thang lớn đang áp sát vào thân phi cơ. Huy hiệu của Không Lực Việt Nam đã bị sơn đè lên và một người lính Mỹ đang sơn huy hiệu Không Quân Hoa Kỳ đè lên trên. Ông quay mặt đi thấy nước mắt mình ứa ra. Lúc đó vào khoảng hai giờ chiều ngày 29 tháng tư 1975. Thiếu Tá Trần Quang Trọng tự Trọng Toe Trưởng phi cơ lái C130 của Không Lực VNCH bước thấp bước cao lê sau hai người quân cảnh Mỹ để đi về đâu ông không rõ chỉ thấy dù trên người vẫn còn bộ đồ bay nhưng có cảm tưởng mình trần truồng. Ông nghĩ hay mình đổi tên cho hợp cảnh. Trần Như Nhộng.

\*\*\*

**Phụ đính II :**

## Nhớ sư ông Trí Hiền

Tôi được tin Sư rời cõi trần mà lòng băng khuâng khôn tả.

Bỗng đâu những ngày ty nạn ở Nhật bùng lên và hình ảnh Sư hiện lên rõ mồn một như mọi sự như mới xảy ra ngày hôm qua. Trại ty nạn Fuisawa nằm ngoại ô Đông Kinh là một nhà thờ Thiên Chúa Giáo. Một hôm, có một ông sư đến thăm. Sư dáng người nhỏ thó nhưng cung cách ăn nói và dáng điệu chính chạc khiến anh em đều kính trọng. Sư mặc tăng bào Nhật và cho biết ông dù ăn mặc như một nhà sư Nhật, ông vẫn thuộc Giáo Hội Tăng Già Việt Nam . Tôi tò mò không hiểu tại sao khi một ông sư trong hoàn cảnh đó vẫn khăng khăng ngay từ lần gặp đầu tiên đã minh xác lập trường có vẻ hơi quá khích như vậy cho đến khi hiểu ông hơn thì mới vỡ lẽ.

Sư Trí Hiền du học Nhật và là một trong họa hiếm tăng lữ Việt Nam kham nổi đời sống tu hành tại đất Nhật, trong đó phải nhắc đến thầy Tâm Giác và thầy Thanh Kiểm là những người đã không hổ thẹn là những nhà sư Việt Nam. Nói như vậy vì nhiều lý do. Những nhà tu Việt Nam, do lòng sùng bái của quần chúng Phật tử, thường sống một cuộc sống thoải mái về phương diện vật chất như ăn uống có người hầu kẻ hạ, tu hành thì không có những qui luật khắt khe. Từ đó có nhiều người đội lốt tu và coi chùa là nơi hưởng thụ.

Nhật Bản, tuy cùng là Đại Thừa và ảnh hưởng rất nhiều Phật Giáo Trung Hoa, lại có bản sắc riêng khiến Phật Giáo, nhất là Thiên Tông và Hoa. Nghiêm Tông của Nhật thoát ra và đứng riêng thành một nhánh Phật Giáo đầy màu sắc và cá tính Nhật, không trộn lẫn với Phật Giáo Trung Ho, . Trong khi đó, Việt Nam vẫn chỉ là một cái bóng mờ ảo của Tàu và ngay cả khi chúng ta nói đến Thiên Việt Nam thì cũng không có chứng tích và văn bản cũng như thực tế nào cho thấy có một thiên Việt khác với những gì của Tàu.

Phái thiên được nhắc đến nhiều nhất là Trúc Lâm đời Trần và cuốn Thiên Uyển Tập Anh vẫn được các nhà tu và sử gia Việt coi là tinh hoa của Thiên Việt Nam. Nhưng những học giả có uy

tín sau khi khảo sát và so sánh thì thấy toàn bộ sách là sao chép của Tàu và thô thảm hơn nữa là chấp nối đầu Ngô mình Sở vô cùng ngớ ngẩn. Tôi không tiện dẫn nơi đây về những khảo cứu này vì nó đi ngoài bài viết. Khi không có truyền thống được qui hoạch hóa, có nề nếp và nhất là quá trình chiến tranh loạn lạc liên miên trong suốt lịch sử Việt Nam khiến giáo hội Phật Giáo Việt Nam không thật sự có được một tổ chức có qui củ và một truyền thống được lưu truyền thế hệ này qua thế hệ khác như Trung Hoa và Nhật cùng một số các quốc gia theo Phật Giáo khác.

Nhìn lại kỹ thì thấy Phật Giáo Việt nổi nhất vẫn chỉ là Tịnh Độ Tông tức ăn chay niệm Phật. Nói như vậy không có nghĩa Tịnh Độ là xoàng là dở nhưng một nền Phật Giáo chỉ có Tịnh Độ thì có lẽ hơi hơi hợt. Cộng vào đó là lòng mê tín dị đoan và lòng sùng kính nhà tu khiến những nhà tu (tôi không dám vợ dũa cả nắm) trở nên tự phụ, tự cho mình có những thẩm quyền vượt khỏi vị trí nhà tu và lạm dụng bộ áo nhà tu. Chúng ta có quá nhiều thí dụ không cần dẫn chứng. Khi Phật Giáo Việt Nam có những tu sĩ may mắn được du học Nhật, họ không quên được những đặc quyền đặc lợi ở quê nhà và vì vậy đa số không kham nổi đời sống tu thật sự như những người tu hành đích thực trong những chùa chiền hoặc giáo phái Nhật. Thức dậy từ năm giờ sáng công phu cho đến bảy giờ thì lao động thật sự và còn biết bao nhiêu bổn phận khác đến tận nửa đêm may ra mới được nằm xuống. Tóm lại, đi tu học ở Nhật cực kỳ vất vả và đôi khi còn vất vả hơn nữa vì là người ngoại quốc tiếng tăm ú ớ. Thế tại sao một ông sư được ưu đãi như Sư ngay trong môn phái của ông tại Nhật, trụ trì trong ngôi bảo tự cao quý nhất giữa Đông Kinh lại khăng khăng phủ nhận thực tại và một lòng một dạ nhất định tuyên bố mình thuộc Tăng Già Bắc Việt Di Cư và thỉnh thoảng Sư lại khoác trên mình bộ áo nâu sồng như một nhắc nhở khôn nguôi Không hiểu có phải vì cách ăn nói khó chịu của tôi hay vì lẽ gì khác, khoảng hai ngày sau Sư lại đến thăm trại ty nạn và rủ tôi đi ra ngoài chơi. Không thể ngờ Sư lôi tôi ra quán rượu. Nhật có những quán rượu rất dễ thương chỉ bán sake và bia với một người bartender duy nhất và món nhậu là thịt gà hoặc thịt heo thái nhỏ sâu thành từng sâu nướng nhậu rất bắt. Thế là một buổi chiều Tháng Năm, một ông sư và một thuyền nhân ngồi khề khà trên hai chiếc đầu nâng sake nóng chén Sư chén tôi.

Khung cảnh như vậy chắc chắn không thể có ở Việt Nam. Sư hỏi tôi rất nhiều điều về tình trạng Việt Nam sau 75. Tửu lượng Sư không khá, chỉ chiêu cỡ hai ba ly hạt mít và ăn uống thì nhỏ nhẹ nhưng những câu hỏi thì chính xác và đi thẳng vào vấn đề. Tôi vì mới từ Việt Nam ra lòng đầy phấn khích và có thể vì cái khung cảnh là lạ, tôi trở nên ba hoa nói năng có phần bi phần về đủ mọi vấn đề. Sư nghe, hỏi nhiều hơn nói và rồi cuối cùng Sư bảo: “Tôi cũng nghe nhiều nhưng hôm nay mới biết thêm về những gì đang xảy ra ở Sài Gòn. Âu cũng là cái nghiệp mà dân mình phải gánh.”

Trời Tháng Năm ở Đông Kinh khá lạnh, nhất là đối với một kẻ mới từ xứ nhiệt đới như tôi. Trên con đường về và trong cái lạnh lạnh cuối Xuân, tôi hỏi một câu hết sức vô duyên: “Thế tu ở Nhật đi uống rượu ngoài quán không bị Phật tử mè nheo sao?” Sư bật cười bảo: “Nhật khác, Việt Nam khác, nhưng cái khác chỉ là bề ngoài. Đi tu có những ràng buộc nhưng cũng những thứ thật ra chẳng cần phải giữ. Quan trọng là ở cái tâm và định lực thôi. Phật có lúc ăn thịt trâu nhưng Phật vẫn là Phật phải không? Phật giáo Nhật phóng khoáng lắm nhưng cũng khát khe lắm, phải ở trong mới biết, nhất là không thể nhìn họ bằng con mắt Việt Nam được.”

Ngày một ngày hai tôi biết đại cương về Sư và cái chữ khát khe mà Sư đề cập đến một cách hững hờ trở nên một sự thật không chối cãi được. Khoảng vài tuần sau đó, Sư rủ tôi lên chùa nơi Sư trụ trì. Chùa nằm ngay giữa khu Shinjuku là nơi đô hội nhất của Tokyo, nơi một tấc đất có lẽ là chục nén vàng. Sư dẫn tôi vào và chỉ cho tôi coi những bảo vật trấn quốc được lưu trữ ngay trong chùa. Tôi đã rùng mình khi Sư vén màn lên và bên trong bàn thờ nhỏ sơn son thiếp vàng là một pho tượng xám đen của một cao tăng. Vị cao tăng đã ngồi thiền tự diệt bằng cách nhịn ăn từ từ cho đến lúc mỗi ngày chỉ ăn một hạt cơm. Đó là phép khô thiền dùng lửa tam muội đốt hết để tự diệt. Pho tượng không được sơn phết và dáng ngồi của vị thiền sư vẫn uy nghi tự tại sau bao nhiêu trăm năm mà không hề bị hủy hoại.



Biết tôi ham uống rượu, Sư dẫn vào một căn phòng nhỏ bảo tôi muốn uống chai nào thì cứ tự nhiên vì “cả chùa chỉ có hai thầy trò, Lão Sư thì năm thì mười họa mới uống” còn Sư thì gần như không đụng đến rượu.

Tôi ngỡ ngàng trước cả trăm chai rượu quý do Phật tử tặng, và như chớp, lôi xuống một chai Martell cổ lùn năm sao. Sư mò xuống bếp lục lọi và đem ra một lô đồ khô như mực xé nhỏ, cá cơm khô và rất nhiều loại hạt, như điều và những thứ linh kinh khác, rồi dẫn tôi vào phòng riêng của Sư. Căn phòng sáu chiếu bề ngang cỡ bốn thước bề dài cỡ sáu thước và trống trơn không có đồ đạc gì. Tôi và Sư ngồi bệt xuống và điều cho đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao hôm đó Sư uống như hũ chìm. Câu chuyện thì vẫn xoay quanh Việt Nam và vào khoảng hai giờ sáng thì chai rượu cạn. Tôi say mềm và tôi nghĩ Sư cũng say.

Tôi lẩn ra, thiếp đi chưa bao lâu thì nghe lịch kịch. Sư đã thức dậy. Tôi mắt cay sè hỏi và Sư bảo bốn giờ sáng phải dậy để công phu. Tò mò, tôi cố gượng nhất định theo Sư công phu buổi sáng. Khi lên đến chính điện thì thấy một vị sư già đã ngồi đó. Sư không nói năng gì, lui cui lo đốt đèn và nhang khói xong, quỳ phía sau. Hai vị sư bắt đầu tụng kinh. Âm thanh Nhật ngữ lạ lẫm nhưng chỉ một lúc sau tôi nghe danh hiệu các đức Phật có lẽ từ Hán tự, như Đại Thế Chí Bồ Tát, Địa Tạng Vương Bồ Tát & nhất là A Di Đà Phật và tôi cũng lẩm nhẩm đọc theo. Chắc vì thế, sau khi tụng xong nhà sư già quay xuống nhìn tôi gật gật có vẻ hài lòng. Sư nói với tôi: “Bây giờ ông về phòng nghỉ đi vì tôi với Lão Sư còn phải làm việc.” Cái mà Sư nói là phải làm việc giản dị lắm. Hai ông sư, một già lụ khụ, một cũng đã trung niên, còng lưng xuống lau sàn. Chùa rộng mênh mông và tôi cũng lẩn lụng cố theo. Hỡi ơi, sau một trận nhậu mờ người, khi cùng hai ông sư lau từ trong ra ngoài ngôi chùa, tôi thở dốc muốn gục ngay tại chỗ. Lúc đó trời bắt đầu hửng sáng, tôi tưởng xong nhưng chưa. Hai ông, mỗi người một cái cào thưa ra sau chùa bắt đầu cào vườn thiền.

Tôi đã đọc và hơi biết về vụ này nhưng không dám can dự. Hai thửa vườn toàn cát mịn trắng phau có lẽ đã được cào từ hôm trước vẫn còn những vết như những đợt sóng vòng từ trong ra ngoài lác đác có vài cái lá rụng đâu đó. Vị sư già chân trần bước vào vừa đi vừa khoa vừa hát khiến cái vườn cát như vừa bị tụi nhỏ chơi đùa tung tóe lên. Lão Sư và Sư nhẹ nhàng bước vào vườn cát. Tôi tò mò đứng nhìn. Vườn cát trắng phau lấp lánh phản chiếu ánh ban mai và hai thầy trò rất chậm rãi cào. Chắc cũng cả tiếng đồng hồ sau đó vườn bỗng có sắc thái khác hẳn. Những đợt sóng cát li ti mịn màng vây quanh những tảng đá và thật sự tôi thấy như lòng mình cũng dịu đi trước công trình giản dị nhưng đầy thiên tính. Công việc xem ra dễ nhưng là cả một dụng tâm vì cào cát sao cho cả một vườn như một quần thể hợp nhất không có gì có thể xen vào được. Tôi thấy hai thầy trò Sư mò hôi nhế nhại và chợt hiểu cái dụng tâm chuyên chú vào công việc khó khăn đến mức nào Lão Sư ung dung chậm rãi đến chiếc bàn đá cạnh đó và Sư ra hiệu. Tôi lẳng lặng ngồi đối diện với nhà sư già sau khi chấp tay bái. Lão Sư chỉ cười không nói năng gì. Đó là ông già đầu nhẵn thín hai hàng lông mi rủ xuống nhưng đầy vẻ quắc thước. Sư từ trong bếp đem ra một ấm trà rất lớn và ba cái ly bằng sành khá to. Sư nghiêng bình trà rót từ trên cao vào ly trà sủi bọt. Tôi vốn đọc và loáng thoáng hiểu về trà đạo, những tưởng sắp được thưởng thức nhưng không phải như vậy. Hai vị sư uống ừng ực rất nhanh. Tôi lạnh trí làm theo. Trà nhạt thếch có lẫn vị gạo rang. Và đến ly cuối thứ hai thì tôi thấy tỉnh hẳn, mọi mệt nhọc từ tinh mơ sáng như đứt hẳn. Mãi sau này khi đã sống ở Nhật đủ lâu, tôi mới hiểu cái gọi là trà đạo chỉ là một biểu tượng văn hóa và không phải người Nhật nào cũng có cơ hội để tham dự một buổi trà đạo. Người Nhật bình thường uống trà hàng ngày và trà được pha lẫn với gạo rang, uống vừa giải khát vừa giúp tiêu hóa.

Lão Sư nói gì đó và Sư cười hỏi tôi “Đói chưa.” Tôi gật và ba chúng tôi đi vào bếp. Một mâm cơm bày trên bàn và tôi quan sát. Ba bát cơm, ba chén miso và hai đĩa thức ăn gồm đậu phụ và cá cơm chiên giòn cùng với một thố rau luộc. Sư bảo tôi: “Chùa ăn hai bữa sáng và tối, không cao lương mỹ vị gì, ông mà phát Bồ Đề Tâm đi tu thì chỉ có thế này thôi.” Bụng đói như cào, tôi ngấu nghiến lùa một hơi hai bát cơm. Lão Sư nhìn tôi cười hài lòng. Vậy đó, tôi làm quen với nếp sống của Sư và dần dần tôi hiểu Sư hơn.

Giữa lúc đó, có tin Thứ Trưởng Ngoại Giao Phan Hiền của Cộng Sản thăm Nhật với ý đồ xin viện trợ. Anh em thuyền nhân ở trại Fuisawa bàn nhau toan tính biểu tình phản đối. Chúng tôi vừa đến Nhật chưa quá hai tháng, đường đi lối lại chưa thông, ngôn ngữ thì mù tịt, không hiểu gì về đất Nhật làm sao biểu tình. Một số anh em sinh viên Việt Nam còn hiện diện ở đây cho hay chưa hề có vụ người Việt Nam đi biểu tình và nếu lại là thuyền nhân thì e gặp nhiều trở ngại trong vấn đề định cư. Tôi liên lạc với nhóm anh em sinh viên Người Việt Tự Do và Ngô Chi Dũng đồng ý rằng rất khó khăn nhưng anh bảo tôi thử liên lạc với Sư Trí Hiền hỏi xem sao. Khi được tham khảo, Sư trầm ngâm và nhỏ nhẹ: “Nhật là quốc gia dân chủ, ai cũng có quyền bày tỏ ý kiến và nguyện vọng, miễn là không bạo động và vi phạm luật pháp thì không ai có quyền cấm cản. Nếu anh em định biểu tình thì tôi sẵn sàng tham dự.”

Khi được biết thuyền nhân toan tính biểu tình, Ma Seour trưởng trại và một viên chức của Liên Hiệp Quốc đặc trách ty nạn đã đến trại cảnh cáo thuyền nhân không được quyền làm chính trị. Chúng tôi ngờ ngẩn không lối thoát thì Sư cố vấn: “Anh em cứ thông báo cho họ rằng chúng ta không làm chính trị vì việc làm của anh em không xen vào nội bộ của chính trị Nhật. Anh em không ủng hộ hay chống đối một dẫn anh em đến tuyệt thực trước trụ sở LHQ.” Chúng tôi theo lời cố vấn của Sư và quả nhiên các viên chức này im tiếng. Ngạc nhiên thay, tất cả anh em sinh viên khi nghe có cụ Trí Hiền thì đều xả lưng giúp cho cuộc biểu tình, tình nguyện dẫn đường chỉ lối và lo những vụ bên lề như đồ ăn thức uống và cả dụng cụ cứu thương. Đây là cuộc xuống đường đầu tiên của thuyền nhân Việt Nam và phải ghi nhận đó là bước đầu để sinh hoạt của người Việt tại Nhật bùng nổ và tổ chức Người Việt Tự Do đã đóng vai trò tích cực nhất. Cuộc biểu tình chỉ với 48 người, kể cả trẻ con, nhưng chính cái gương cam đảm của Sư đã khiến ai nấy bỏ mọi sợ hãi lo lắng cho số phận ty nạn häng hái tham gia. Khi hai viên cảnh sát Nhật to lớn kẹp Sư vào giữa nhắc bổng Sư lên như một con nhái thì thuyền nhân la ó nằm vật ra, hò hét phản đối

Sau này Sư luôn luôn có mặt và sát cánh cùng mọi người trong mọi sinh hoạt chung và chính cái thái độ tự tại của một thiền sư đã chinh phục mọi người. Sư cho hay, vì thuộc Tăng Già Bắc Việt Di Cư, Sư đã quyết định tu theo Lâm Tế và tu học tại một thiền viện của Nhật ròng rã trong nhiều năm trời. Sư kể khá nhiều chuyện về thiền viện và lúc nào cũng băn khoăn về tương lai của Giáo Hội Việt Nam: “Khó lắm vì mình thiếu hẳn truyền thống và định chế được qui hoạch hóa và truyền từ đời này qua đời khác. Tôi nhớ khi từ trạm xe lửa xuống thì gặp một anh người Nhật cũng trọc đầu như tôi và được biết anh chàng cũng trên con đường nhập tu. Hai đứa hàn huyên vui vẻ và ngay khi đến trước cổng thiền viện chừng vài chục bước anh ta bỗng chạy thật nhanh và khi tôi bước vào cổng thì anh ta cười khi khi bảo theo qui luật thì kẻ nào vào chùa trước là sư huynh. Từ đó cho đến chết trong hoàn cảnh nào tôi vẫn phải coi vị sư đồng tu này là sư huynh. Câu chuyện có vẻ khôi hài này thực ra tiềm ẩn một điều quan trọng hơn là cái truyền thống được nâng niu bảo trì tuân thủ đời này qua đời khác mà Phật Giáo Việt Nam e còn thiếu.”

Phật Giáo Nhật đã có một biến chuyển trọng đại vào khoảng giữa thế kỷ 19 khi Nhật phải đương đầu với sức ép của Tây Phương và đòi hỏi của Thiên Chúa Giáo phải được quyền truyền đạo. Triều đình Nhật đã ra lệnh tất cả các gia đình Nhật phải đăng ký và trực thuộc vào một ngôi chùa, và bài vị tổ tiên cũng phải được thờ trong các chùa chiền. Biện pháp này cho thấy tại sao ngày nay ở Nhật, Thiên Chúa Giáo chiếm không quá 1% dân số. Biến chuyển thứ hai là các tu sĩ không cần theo lễ lối đại thừa Trung Hoa, họ ăn mặn và có quyền lập gia đình. Tu sĩ được các làng mạc hoặc giáo phái chu cấp để sống. Phải chăng chính vì thế đời sống của tu sĩ Nhật quân bằng hơn? Nhưng cũng có một vài biệt lệ như phái của Sư. Tôi hỏi tại sao các tu sĩ Nhật không cạo đầu và có gia đình trong khi Lão Sư và Sư lại trọc lóc sống độc thân, Sư nói đó là truyền thống của phái Thiền Tôn Lâm Tế, chi phái duy nhất vẫn giữ những qui luật tự xưakhuyh hướng chính trị nào của Nhật mà chỉ đấu tranh cho nhân quyền của Việt Nam. Hễ họ tìm cách ngăn thì tôi sẽ Sư ít khi đề cập đến đời sống riêng vì đã cạo đầu thì những chuyện

vụn vặt đó đâu có đáng phải bận tâm. Nhưng chấp nối trong câu chuyện thì Sư xuất gia từ nhỏ tại chùa Quảng Bá và tu học tại chùa Quán Sứ, Hà Nội. Hiệp Định Geneve chặt đôi Việt Nam và Sư được Hòa Thượng Tố Liên bảo phải đi Nam. Sư lúc đó mới 17 tuổi, tu và sống tại chùa Giác Minh cho đến 1963 với biến cố Phật Giáo làm thay đổi hẳn Miền Nam. Sư nói: Thật là cơ hội bằng vàng cho Phật Giáo Việt Nam nhưng các cụ nhà mình không biết nắm lấy. Nhìn lại thì có nhiều lý do như địa phương tính, nạn bè phái, như cái ngã quá to nhưng tổng quát hơn vẫn là thiếu tổ chức, thiếu truyền thống khiến lại chia năm xẻ bảy, thật đáng buồn.

Sư luôn luôn dùng chữ “Các Cụ Nhà Mình” một cách thân ái khi đề cập đến Phật Giáo Việt Nam. Sư được học bổng đi Nhật và: “Dù biết trước, vẫn không lường được những khó khăn phải vượt qua.” Sau một thời gian trau dồi tiếng Nhật, Sư vào tu tại thiền viện Tokai Ji, một thiền viện nổi tiếng khát khe. Đây là thời gian tu học vô cùng gay go khổ nhọc. Mỗi ngày, Sư phải hành cước khát thực, phải lao động đúng như lời “Bất Tác Bất Thực,” phải thiền, rồi còn phải học ở đại học bên ngoài đến nỗi mỗi ngày chỉ ngủ độ bốn tiếng. Có lần Sư hỏi tôi: “Ông có biết tại sao người tôi lạch không?” Tôi phì cười nghĩ đến kiếm hiệp và đùa: “Tẩu hỏa nhập ma.” Sư cũng cười nói: “Đúng. Tôi bị lạch người vì căn bản thiền của tôi tự mò mẫm khi còn trẻ ở Việt Nam khiến ra như vậy. Sang Nhật, dù có minh sư dìu dắt, cái cố tật vẫn không chữa được. Chính vì thế tôi phải cố gắng hơn các vị đồng tu để tiến kịp họ.”

Điều mà Sư không hay nói đến là Sư đã chiếm được lòng kính trọng của toàn bộ phái thiền Thiền Tôn của Nhật. Ngay tại thiền viện Rinzaï Di, Sư đảm nhiệm chức Tri Khách Tăng rồi Quản Trị Thiền Viện và đồng thời đắc cử vào Hội Đồng Nghị Viên của tăng đường Trúc Lâm. Sư là người ngoại quốc lại không có tăng tịch Nhật và đây là trường hợp duy nhất đã xảy ra và vinh dự này ít khi Sư đề cập đến.

Cái lần cần nhất của Sư có lẽ là vấn đề tăng tịch. Vị Lão Sư và hầu như toàn môn phái luôn luôn nhắc nhở và hối thúc Sư nhập tăng tịch Nhật với cái ý định để Sư kế thừa Lão Sư trông nom tổ đình Đông Hải, và sau đó có thể sẽ quán xuyên môn phái. Sư cứ lác và khát lần cho đến 1975. Sư tâm sự cho đến lúc đó Sư vẫn băn khoăn trước chọn lựa hoặc sống luôn ở Nhật hoặc trở về Việt Nam. Sư nói: “Ông biết đâu chả là đất Phật. Thăng Trí Hiền này là sư ở Nhật hay Việt Nam thì vẫn là thăng Trí Hiền chưa vượt qua cái ải lớn nhất của người tu thiền. Vẫn phải tu, vẫn phải học. Ở Nhật điều kiện tu học, sách vở đầy rẫy và nhất là có nhiều cao tăng để cầu đạo. Nhưng thăng Trí Hiền này còn nợ Việt Nam, còn các cụ nhà mình bên nhà đang lao đao cần đến nó. Thế ông bảo tôi tính sao bây giờ?”

Chính những gì xảy ra ở Việt Nam và phong trào vượt biên đã khiến Sư có chọn lựa dứt khoát. Sư từ chức, rời Shizuoka trở về Đông Kinh sống. Nhưng Lão Sư vẫn nuôi hy vọng Sư đổi ý, nhất là nay Sư không cách gì trở về Việt Nam nữa. Sư cười, kể: “Một hôm, Lão Sư cho hay nếu tôi đổi tăng tịch thì ngài sẽ tháo khoán tất cả ngân khoản trong ngân hàng trao lại cho tôi cũng như nội nhật trong ngày sẽ tán phong tôi thành Trụ Trì ngôi bảo tự này. Tôi không hề biết ngay khi bước vào cổng thiền viện Tokai là tôi đã được hưởng trợ cấp, hay gọi là lương cũng được. Số tiền đó họ bỏ vào ngân hàng có lời. Ông có biết sau hơn chục năm số tiền lãi mẹ đẻ lãi con lên đến bao nhiêu không? Hai trăm ngàn đô la chưa kể các tài khoản khác tổng cộng lên đến gần bốn trăm ngàn.”

Thật là một chuyện đáng ngạc nhiên đến độ tôi tròn tròn mắt la oai oái: “Trời đất. Sư nhận đi chứ. Tu thiền là phá chấp. Sư Nhật, sư Việt, Sư vẫn là Sư, nhưng là sư Việt thì khổ rách áo ôm. Với bốn trăm ngàn đô la làm được khối việc Sư ơi!”

Sư trầm ngâm, lác đầu:

- Đâu có thể thế được. Còn các cụ nhà mình nữa. Đâu có thể thế được.

Vốn hay tếu, tôi bàn:

- Sư cứ thay tăng tịch rồi ít lâu sau vân du sang Mỹ. Tôi sẽ bàn với sư Giang, sư Dục, mỗi người một bên làm hộ pháp. Hai ông này to con tốt tướng, nhiều oai nghi bề ngoài. Tôi sẽ là phát ngôn viên. Chỉ vài tháng thầy trò mình kiếm khối tiền. Có tiền mua tiên cũng được, mình dùng tiền đó lo Phật sự và Việt Nam có phải hay không.

Sư nhìn tôi như một quái vật và sau một lúc thờ dài:

- Đâu có thể thế được. Đâu có thể thế được.

Tôi rời khỏi trại tỵ nạn Fuisawa gần năm 1979 thì độ sáu tháng sau có điện thoại của Sư. Từ vùng New England, tôi tắt tưới xuống thăm Sư tại chùa đường 16 thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Tay bắt mặt mừng và khi thấy Sư quần lá tọa áo cánh màu xanh nhạt tôi cười ngất: “A ha, thế là Sư Trí Hiền nay lại thuộc Tăng Già Bắc Việt như mấy chục năm về trước ở Quán Sứ Hà Nội với Hòa Thượng Tố Liên.” Sư cười, dắt tay tôi vào phòng, chỉ một tấm ảnh đã cũ phóng lớn chụp chùa Quán Sứ và nói: “Đây là cụ Tố Liên, còn đây là tôi, ông có nhận ra không. Thế mà hơn ba chục năm rồi.”

Nợ áo cơm khiến tôi lang thang hết nơi này đến nơi khác và xa hẳn Sư. Tôi loáng thoáng biết Sư dựng chùa ở Dallas cho đến cách đây hơn một năm mới có cơ duyên gặp lại Sư. Ngôi chùa mộng mênh chính điện nguy nga và cây cỏ hoa lá tưng bừng nhưng Sư Trí Hiền của tôi thì xem ra nhỏ thó hơn xưa. Câu nói đầu tiên của Sư phần nào phản ánh nỗi cô đơn của Sư: “Ông về đây tôi giao hết chùa cho ông.” Tình trạng sức khỏe của Sư suy sụp thấy rõ và nhất là cổ tấy hút thuốc lá liên miên và ăn uống thất thường khiến Sư trông sạm hẳn đi. Tôi nhìn Sư và nghĩ cái gì đã xảy ra thì thế nào rồi cũng sẽ lặp lại. Khi Lão Sư muốn truyền thừa cho Sư để coi sóc Lâm Tế Thiên Tôn thì nay chắc Sư cũng thấp thỏm tìm người kế tục. Sư mất đi nhưng liệu có một Trí Hiền thứ hai dám từ khước gần nửa triệu đô la cùng chức chưởng môn một giáo phái lâu đời của Phật Giáo Nhật chỉ vì vẫn muốn là một ông sư của Tăng Già Bắc Việt Di Cư?

## Lương y bất đáo gia

Bán dạ tam bôi tửu

Bình minh sở trần trà

Nhất nhật đàm nhất độ

Lương y bất đáo gia.

Khi đọc bài thơ ông bạn Đào Trường Phúc vốn thâm nho đã giảng rõ “sở” là một vài, tức là mỗi sáng uống vài chung trà xanh để xả cái khí ô trọc đi, để tâm hồn thanh thản hơn.

- Thế nhất nhật thật à ?

- Ở cái vẻ thứ ba có nhiều cách đọc. Nhất nhật, cách nhật, thất nhật. Ngày một, hai ngày một hay hàng tuần là tùy theo cái toa rượu thuốc ông ngâm. Tôi thì cứ mười tiền ra tiệm thuốc bắc mua một gói “Thập Bổ Đại Toàn” trong gói có hai con tắc kè đem về đổ một chai Vodka vào đủ dùng cho cả tháng hơn. Ông cứ thử xem sao. Xem ra vừa rẻ lại vừa gọn đỡ lãng nhăng.

Trong trường hợp này rượu chỉ là để dẫn, cái quan trọng là những vị được ngâm trong rượu. Nổi tiếng nhất là toa Minh Mạng với lời tán tụng “lục giao sinh thất tử”. nói nôm na thì sáu lần sinh bảy bận, như vậy có nghĩa là có một lần sinh đôi. Ông vua thứ nhì của nhà Nguyễn được người đời ngưỡng vọng vì ông có tới 87 hoàng tử và 64 công chúa, tổng cộng 151 người con. Cứ theo huyền thoại thì ông vua nào cũng có tam cung lục viện, ngoài hoàng hậu và dăm bà thứ phi có lai lịch rõ ràng còn thì những cô gái được tiên cung có khi cả đời không có dịp sớ đến hoàng đế. Tần Thủy Hoảng có đến 3600 cung nữ.

Có nhiên con như vậy vua Minh Mạng sợ rằng sau này phân tán các đời không nhận ra nhau nên có bài thơ tứ tuyệt

Miên Hồng Ưng Bửu Vĩnh  
Bảo Quý Định Long Trường

Hiền Năng Kham Kế Thuật  
Thế Thoại Quốc Gia Xương

Xét thứ tự thì Hoàng Đế Bảo Đại tên thật là Vĩnh Thụy là cháu năm đời của vua Minh Mạng và Hoàng Tử Bảo Long là cháu sáu đời. Hiện nay giòng Minh Mạng đã có đến đời Trường. Nếu gặp ai có tên Nguyễn Phúc Trường... gì đó thì phải hiểu ông này là cháu mười đời của vua Minh Mạng.

Thế liệu có một cái toa Minh Mạng để ngâm rượu thật không ? Ngày xưa ở Sài Gòn có nhiều toa lưu truyền khác nhau và vị nào dùng xong cũng khen tám tắc và lớn tiếng cam đoan hữu hiệu một chăm phần chăm. Ông nào cũng cam đoan toa của mình là bản chính. Có lẽ thiên hạ thấy vua có tới 151 người con thì hẳn phải có một đời sống tình dục phong phú và từ đó nghĩ phải có thuốc trợ. Cứ mắm muối đưa hành thêm râu thêm ria chúng ta có toa Minh Mạng.

Một cái toa khác phát xuất từ Chợ Lớn là toa Càn Long với lời thiệu rất nôm na Việt Nam - đêm bảy ngày ba vào ra chưa kể - . Cái gì dính đến Tàu và nhất là Càn Long đều khó tin hay nói theo kiểu các ông chơi đồ cổ là đồ phục chế đồ ký hiệu tức không phải đồ thật. Ý lý đông phương bao phủ một màn bí truyền và cái quan niệm ăn gì bổ nấy rất phổ thông. Từ đó có những thứ rượu tắc kè bìm bịp hổ cốt vì tin rằng những con vật này có khả năng sinh lý cao. Đạo sau này thiên hạ về Việt Nam đem sang những chai rượu tam xà ngũ xà trông đến rợn cả người. Con rắn vốn được coi là tượng trưng cho sự dâm ô. Trước 1975 cả Sài Gòn chỉ có một tiệm Tri Kỷ bán thịt rắn nhưng hiện giờ nuôi rắn là cả một kỹ nghệ mà vẫn không đủ cung cấp cho thị trường nội địa lẫn xuất cảng sang các nước láng giềng nhất là Tàu. Con rắn – càng độc càng quý – khâu miệng lại còn sống nhả được đem ra bàn để thực khách chứng kiến. Sau đó ông đầu bếp cầm một lưỡi dao thật mỏng thật bén rạch nhẹ một đường , bóp cho chiếc mật lòi ra. Mật rắn được hòa với rượu chia cho mọi người uống để “tinh thần thư giãn”. Sau đó là rắn sào lẫn rắn xúc bánh tráng rắn bằm rắn chưng tương đen đủ kiểu.

Ai đi tù cải tạo không biết đến Hà Thủ Ô ? Truyện kiếm hiệp mô tả Hà Thủ Ô ngàn năm có năng lực cải tử hoàn sinh tăng cường công lực và từ đó ta có rượu Hà Thủ Ô uống đáng còn hơn thuốc bắc.

Sâm là một dược thảo rất được ưa chuộng trong vụ ngâm rượu thuốc. Nếu có dịp trên đường từ Việt Nam ra lại quốc gia định cứ ghé phi trường Hán Thành sẽ thấy sâm Cao Ly bán nhan nhản ở các Free Duty Shop. Sơn sâm tức sâm thiên nhiên mọc trong rừng sâu núi thẳm rất quý và rất hiếm. Đa số sâm trên thị trường là sâm trồng và được thu hoạch trong vòng năm năm. Chính phủ Đại Hàn có một luật lệ minh bạch kiểm soát các loại sâm quý đất để xuất cảng, loại quý nhất là hồng sâm giá cỡ 250 đô la 100 gram.

Như vậy cái bí quyết lượng y bắt đầu gia gồm ba vế, nhưng thiên hạ quên đi cái vế mỗi sáng uống dấm ba chung trà và nối kết về rượu và về tình dục vào với nhau. Bỗng đâu rượu mất đi cái khoái sáng của nó , và đóng vai trò của một dẫn dược tầm thường cho những đồ trọng sơn sâm hay hà thủ ô hoặc rắn rít bìm bịp lãng nhăng.

Không phải vậy đâu là không phải vậy đâu. Các cụ nhà mình ngày xưa không nhìn vấn đề sai lệch như vậy đâu . Cái đích cuối cùng là có được một đời sống quân bình khỏe mạnh. Trà các cụ uống vào sáng tinh sương với những nghi thức trang trọng, uống với cả cái tinh thần nhất thể, vạn phát qui về một. Sáng uống trà là để sửa soạn cho cả một ngày. Buổi tối ăn cơm chiều dấm ba ly rượu trắng để tiêu cơm để khí huyết lưu thông đều. Và đêm đêm nhất độ hoặc thất độ thì tùy nhưng cũng chẳng qua cũng chỉ là để điều hòa cái khí âm dương. Thế thôi.

Quá hơn nữa lo kiếm cho được những thứ trà đất, lụy vào cái ám Nghi Hưng hay cái chén Vân Phủ thì e rằng lại đi vào mê lộ như nhân vật của Nguyễn Tuân. Lại đem những của hiếm vật lạ

dìm vào rượu chỉ cốt để trợ lực cho cái cơ thể trác táng đang suy kiệt thì e có điều không phải chẳng ? Cái khoản điều hòa âm dương mà lạm dụng thì e lượng y tất đáo gia, tránh sao khỏi .

## Hoa đào

Tôi sinh ra ở một làng quê miền Bắc trong gia đình trung lưu. Ngôi nhà tôi lớn lên nơi góc sân có một cây bích đào cứ theo lời Thầy tôi thì do ông nội tôi trồng từ lâu lắm. cây đã già cổ gốc to xù xì và vào những ngày đông tháng giá da nó lên mốc những mảng vỏ có màu xanh bâng bạc. Mỗi độ đông về cây trơ trụi lá và khoảng Tết là nở hoa. Hồi tưởng lại tôi chỉ nhớ mong manh Thầy tôi vui vẻ sửa soạn chờ hoa nở lo kiếm chai rượu ngon và bày tiệc cùng bạn bè thưởng hoa ngay dưới gốc cây trong cái giá lạnh của mùa đông xứ Bắc. Tôi lúc đó chỉ độ bốn năm tuổi vẫn được Thầy tôi cho ngồi trong lòng và cũng được chia vài miếng bánh mứt trong khi người lớn ngâm thơ nói chuyện

Vì vận nước gia đình tôi sớm phải bỏ làng bỏ quê khi tôi còn nhỏ và tôi lớn lên ở Miền Nam. Khi hậu Niềm Nam nóng Tết chỉ có hoa mai vàng rực và cây hoa thùa nhỏ ở góc sân cũng mờ nhạt trong trí nhớ, thoáng lăm thì khi học Kiều đọc đến câu “Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông” thì đầu đó trong tâm tưởng cũng thoáng nhớ đến cảnh ngồi trong lòng Thầy tôi dưới gốc đào năm xưa.

Thủa hoa niên khi bước chân đến Đàlat nhìn những cây đào mọc trơ vơ không được chăm sóc ở ven hồ Xuân Hương và quanh vùng chợ Hòa Bình tôi vẫn chạnh nhớ và thương cây đào thùa nhỏ tự hồi không biết số phận cây đào ra sao có bị qui vào những thứ thuộc về bọn phong kiến và bị chặt đi để trồng những cây có năng xuất thay vào chẳng. Cái dặng mắc của tôi với Đàlat không chỉ là hoa đào và bằng hữu mà còn là một người con gái. Lần đầu tiên khi nhìn thấy nàng tôi bị xúc động vì chiếc áo dài cô mặc in lấm tẩm hoa đào màu hồng nhạt. Mỗi tình thiếu thời đầy hoa mộng đó tất nhiên không đi đến đâu, nhưng vẫn là những ám ảnh khôn nguôi giống như gốc đào ở góc sân nhà. Ngày xa xưa ấy - Chiến tranh chết chóc và cuối cùng là cảnh nhà tan và ly tán. Tôi trở thành kẻ lưu vong. Lọt vào nước Nhật tôi gặp lại hoa đào trong bối cảnh hoàn toàn khác. Không chỉ là một cây đào đầy ắp tuổi thơ hay những cây đào trơ trụi không được chăm sóc ở Đàlat, không chỉ là bích đào mà cả rừng đào với hằng trăm loại khác nhau được chăm sóc tỉ mỉ và nhất là hội hoa anh đào với rượu sake và hằng trăm ngàn người tham dự. Khó mà quên được cảnh ở Kamakura những người dân khoác tay nhau nhảy múa dưới những gốc anh đào trong cái không khí nồng ấm của rượu sake. Không hiểu sao khi cùng người bản xứ ê a hát những khúc dân ca trong lễ hội, thoáng nào đó đầu óc tôi vẫn nhớ cây bích đào ông nội tôi trồng và tà áo dài màu hoa đào ở trước tiệm Mekong Đàlat.

Đầy đưa của cuộc đời khiến nay tôi đã sống ở vùng Hoa Thịnh Đốn để có đến trên hai chục năm. Nơi này quanh vịnh và dọc bờ sông Potomac là cả một rừng vài ngàn cây hoa đào và cứ đến khoảng tháng tư là nở bùng đỏ hồng cả một góc trời. Lễ hội hoa anh đào nơi này thu hút cả triệu người đến ngắm hoa trong số đó có tôi. Tôi đã đi dưới những tàng cây đào rực rỡ vào trưa lúc có nắng vào chiều khi trời đã chạng vạng và có lần hăm hở đi từ lúc mặt trời chưa mọc để nhìn hoa khi ánh ban mai vừa ló dạng. Thú thật tôi vẫn thấy có cái gì khang khác khi nhớ đến cây bích đào thùa xưa và nhất là lần hơi ngà ngà trên bãi cỏ ở Kamakura. Cây đào ở góc sân là của riêng tôi và những cây đào ở Kamakura là của người Nhật trong bối cảnh hoàn toàn thân thuộc của những người có mặt hoặc dù là khách lạ như tôi nhưng cũng được đối xử như là người vẫn hàng năm đến đây ngất ngư cùng hoa cùng sake và nhất là cùng chia xẻ với những người chung quanh rằng hoa đang nở và mùa xuân thật sự đã đến. Ai gặp ai cũng chào. Ai gặp ai cũng cười và cũng sẵn sàng chia một tợp sake. Quên hôm qua, quên ngày mai chỉ có lúc này với hoa với người dù quen hay không trong tiếng cười tiếng hát rộn rã. Mỹ khác. Hội hoa anh đào đông nghịt người, đủ quốc tịch sắc dân và gần như tất cả là du khách. Những người bạn tôi sống ở vùng Hoa Thịnh Đốn rất ngại khi lái xe vào vùng hoa đào trong dịp này có khi loay

hoay cả nửa buổi vẫn không tìm ra chỗ đậu xe. Mà du khách thì không ai lý đến ai cho dù họ luôn lịch sự và tránh làm phiền người khác. Tôi vẫn có cái cảm tưởng như tất cả cái đám đông như kiến di động dưới những gốc đào im lìm ngó ngang ngó dọc và liên tu bất tận đưa máy hình lên chụp chí chặt, vâng cái đám đông đó chả một ai có một chút liên hệ dính dáng gì đến những đóa hoa đang nhẹ rung trong gió. Họ có mặt để chứng tỏ mình có mặt và để sau này nếu có thì cũng có thể khoe rằng họ đã thấy hoa đào.

Vậy thôi sau hơn ba chục năm trời tha phương vất vưởng năm vừa rồi tôi mới có cơ hội trở lại quê hương tất nhiên là miền Nam và gặp lại Nguyễn Quang Tuyền. Ông bạn thừa thiêu thời chờ tôi đi khắp chốn và cuối cùng là Đà Lạt. Mọi sự ở Việt Nam bây giờ lạ lẫm với tôi và những câu hỏi đưa ra bị coi là ngớ ngẩn kể cả câu hỏi sao bây giờ ở Đà Lạt không thấy cây đào nào nữa. Thiên hạ còn khối việc phải lo ai hơi đâu để ý đến cây đào dầm dớ. Ông Tuyền cười bảo tôi :” Mày về đây mà trồng đào cho Đà Lạt, Đà Lạt đã mất mát nhiều, nhiều lắm... trong đó có cả màu hoa đào năm xưa”

Bắt đầu chỉ là như vậy nhưng khi chiều dăm ba ly vào rồi ngồi nhắc đến Đà Lạt ngày xưa và những kỷ niệm của cả một thời hoa niên tôi bốc đồng và ông bạn Tuyền cũng bốc đồng. “Mày qua bên đó hỏi thử và gửi về cho tao vài chục gốc đào tao gây giống và đem trồng tứ tung ở Đà Lạt này cũng vui” Hai đũa này cũng ngoại lục tuần bỗng như hai đũa trẻ thơ bàn nhảm rằng biết đâu đến độ năm bảy năm sau với vài chục gốc có thể thành hàng trăm gốc mọc chung quanh bờ hồ và cũng biết đâu chả có lễ hội hoa anh đào Đà Lạt. Có thể lắm chứ. Hơn một trăm năm trước Nhật Bản đem hoa anh đào sang trồng ở Hoa Thịnh Đốn có ai nghĩ đến cảnh hôm nay đâu. Ông bạn còn nói đủ thứ đầy mộng mơ nữa và tôi thì cũng say sưa với giấc mơ hoa đào. Ủ ờn, Đà Lạt sẽ đẹp biết bao nếu một ngày nào đó ... hoa anh đào trắng, trắng ánh hồng soi bóng hồ Xuân Hương, nép bóng cạnh màu xanh sậm của rừng thông xanh, nhạt nhòa lẫn trong màu sương trắng báng lảng chiều hôm... Đất trời nơi đây sẽ rộng vòng tay đón cái đẹp tinh khôi nơi xứ lạ, cái đẹp thuần khiết không phải gán nhãn, gán tên, rêu rao cờ xí!!

Hà, thế mà tôi liều làm thật. Tôi về đến Mỹ loay hoay hỏi hết người này đến người khác và may thay cuối cùng tôi gặp được một ông chủ một vườn ươm cây ở North Carolina. Ông này cả vợ lẫn chồng đầy nghệ sĩ tính, sau khi nghe tôi ba hoa chích chòe về cái giấc mơ hoa đào thì cười ngất và cũng đâm lầy cái mộng vẫn vợ này. Ông Cường vốn là một sĩ quan ngày xưa nhưng khi qua Mỹ định cư ở một vùng quê hẻo lánh, cuộc đời đưa đẩy nay trở thành trại chủ. Ông bà Cường thuyết trình với tôi về đủ thứ liên quan đến kỹ thuật như phải trồng đào vào trước mùa đông, đẹp nhất là cỡ trước Giáng sinh vì lúc đó đào đang ngủ và khi mùa xuân đến nó thức dậy nở hoa. Rồi cỡ cây, giống cây, xuất xứ cây như đào Nhật khác đào Mỹ khác, giống này nở trước giống này nở sau, loại này cao cỡ bao nhiêu, cây loại khác lá rủ chỉ cao cỡ thước tây. Sau vài lần gặp gỡ cuối cùng chúng tôi đi đến kết luận là cứ thử xem sao.

Ba ngày trước Tết âm lịch tuyết khá nặng, trời lạnh buốt, tôi lái xe từ DC xuống trại của ông Cường và ngay khi đậu xe, ông bà Cường hớn hờ đón tôi chỉ hai hộp to đùng đã được đóng cẩn thận. Hai trăm ba mươi gốc đào gồm hơn hai chục chủng loại khác nhau nằm đó. Tôi phải lập tức chất lên xe lái trở ngược lại DC, vượt hơn bốn trăm dặm để kịp gửi ngay lập tức về Việt Nam vì ông bà Cường bảo gửi càng nhanh càng tốt.

Xem ra ông Tuyền còn hăm hờ và cẩn thận hơn tôi. Tôi gởi hoa anh đào giống về sớm mừng hai Tết, khuya mừng bốn Tết hoa đào về đến Tân Sơn Nhất. Ông Tuyền tự lái xe đi từ Đà Lạt xuống Saigon, ra tận phi trường để nhận hàng và tức tốc chạy về Đà Lạt.

Ông Tuyền viết email cho tôi ngày mừng 6 Tết ta năm Con Trâu :

“Ê, Tao tất tưởi lái xe đi đón hoa của mày và trên con đường về quốc lộ 20 xe hàng hàng lớp lớp giống như ngày 30 tháng 4 chỉ có điều khác là nay thiên hạ đổ về chứ không phải lơ lơ láo láo chạy ra khỏi Đà Lạt cố đi về phương Nam. Vất vả khi về đến là hai vợ chồng tao hì hục theo đúng lời chỉ dẫn của ông Cường lập tức cho cây vào chậu với phân bón và rơm ủ

“... Thiệp – Mai ơi, các bạn đã khởi đầu năm Trâu cho mình đúng lúc. Tết năm nay, Dalat rét căm căm, mình lái xe về Saigon từ chiều mừng 4 Tết để đón mấy trăm gốc hoa anh đào bạn gửi. Cái lạ của Dalat trong vòng mười năm qua là hàng ngàn xe khách, xe du lịch tuôn chạy về Dalat sau ngày mừng 2 Tết. Trên quốc lộ 20, xe hàng hàng lớp lớp như những ngày cuối tháng 03/1975, ào ào lơ lảo chạy như ma đuổi, cuộn cuộn trôi về phương Nam. Những ngày này Saigon vắng hoe, buổi chiều thênh thang phố xá, giống như Saigon ngày xưa. Nắng cũng êm ả, âm thanh cũng nhẹ nhàng, mấy chú chó nằm xoài bên gốc cây vào phi trường, ngái ngủ. Sáu giờ sáng ngày mừng 5 Tết, mình bởi hơi bởi hơi nhận hàng từ kho hàng không VN ở Tân Sơn Nhất, vác hai thùng hoa đào giống từ Mỹ mà Thiệp – Mai gửi về sao mà vui đến vậy!! Tức tốc bỏ lên xe chạy về căn nhà ở Saigon cho chúng uống nước. Chao ơi! Cây xanh, lá mơn mớn và rễ chính lấm tấm vài hạt đất và mấy chục bong búp nhỏ nhỏ đang ‘ngủ say như em bé’... Hơn 230 cây bó cẩn thận ghi 08 giống khác nhau trên từng bó mười cây. Mỗi giống đào được thắt từng loại dây màu để phân biệt. Ôm từng bó cây mà tư dương mình run, ngất ngây trong mơ ước : Nào là Peach, nào là Cherry,... sao mà đẹp!!...Thiệp ơi, niềm vui này lớn quá!!”

Hai vợ chồng ông theo lời chỉ dẫn của ông trại chủ Cường đã chuẩn bị sẵn chậu cùng phân bón và cỏ ủ trộn rơm và lập tức vào chậu toàn bộ hơn hai trăm gốc đào Qua email ông Tuyền cho hay vợ chồng ông đích thân lo cho đào vì không tin ai và than rằng sau khi vào chậu thì lưng mỗi như. Hơn thế nữa ngày Tết đâu biết tìm ai làm giúp. Hơi ơi quá sáu chục tuổi mà mỗi như thì có gì phải than. Hai tháng sau ông Tuyền hí hửng gửi hình hoa đào cho tôi và tuyên bố chỉ vài năm là hoa đào sẽ rực rỡ. Nguyên những gốc đào khi gửi về Đà Lạt tất cả đã có nụ và nếu ở Mỹ thì phải đầu đó đầu tháng tư dương lịch mới trở bông. Như vậy có lẽ vì khí hậu ở Đà Lạt khác nóng hơn ở vùng đông bắc Mỹ nên đào nở sớm chẳng.

Từ đó thỉnh thoảng qua điện thoại hoặc email tôi nhận được báo cáo đều đều. Chỉ có ba gốc đào bị chột sao đó lụi đi còn tất cả sống hùng sống mạnh. Tôi cũng hí hửng chờ. Nhưng xem ra cái ước mơ viễn vông của hai đứa chuyên đi trên mây tụi tôi không được trời chiều vì càng chờ càng không thấy hoa mà chỉ có lá. Mới đây ông bạn nhạc sĩ Nguyễn Đức Quang vốn cũng được tôi bá cáo vụ hoa đào khi về thăm quê Đà Lạt là tất tưởi chạy đến tham quan. Trở lại Mỹ ngay sau tết ông Quang gọi cho tôi bảo:”Hai đứa mày đúng là ngây thơ. Mày nhớ thổ ngại mỗi chỗ một khác. Quít Giang Nam ngọt đem sang Giang Bắc trồng thì chua. Đà Lạt chênh hai kinh tuyến so với Tokyo và Washington DC và lệch gần 6 vĩ tuyến về Bắc Bán cầu nên khí hậu đâu có đủ lạnh cho những loại đào mày gửi về cho thằng Tuyền. Tao tưởng tụi mày phải biết chuyện sơ đẳng này chứ. Còn khuya đào của mày mới có hoa”

Ông Tuyền email cho tôi vào dịp Tết con Cọp, sau một năm trồng đào :

“Thiệp – Mai ơi, Vườn tôi ở Dalat rộng, quanh vườn tôi trồng cả ngàn gốc đào Dalat và mimosa, hoa phù dung, hoa marguerite, hoa violet,... ngay cả những dây bìm bịp tím”u ả chiều tiền biệt”. Tôi gom hết những loài hoa quá khứ ở Dalat vào trong khu vườn trên năm mẫu đất, tôi gom hình ảnh hồ nước in bóng mây trắng, thông xanh, in bóng hàng liễu rủ trầm buồn trong tiếng thở dài của bóng hoàng hôn với nắng vàng màu mật ong... Tất cả mọi cây cỏ đều hữu tình với tôi trong khu vườn này... vậy mà mấy trăm gốc anh đào ông bà gửi về cho sao mà tội nghiệp quá!. Nó cứ ngủ hoài giấc ngủ đông chờ mùa Xuân

Tôi mới hiểu ra thế nào là giấc ngủ đông của ông Cường chủ trại cây giống ở North Carolina. Dalat mùa đông đến sớm hơn Mỹ, đông đến từ tháng 11 dương lịch, trong khi ở Mỹ cuối tháng 12 trời trở lạnh, nắng trong veo và gió xao xác lùa về trên nền trời xanh ngắt đùn đùn mây trắng... đêm đến lạnh tê buốt và gió vun vút khò khè qua khe cửa. Cái lạnh ban đêm đánh thức bản năng “ ngủ đông” của anh đào bản địa, nhưng chưa đủ mức lạnh “kết đông” của anh đào xứ người. Các giống đào Dalat, Nhật -Tân lá trở vàng đỏ và từ từ rơi rụng, những mắt chồi từ từ lú như lưỡi chim sẻ, như he hé chớp mắt mỉm cười tự sức chờ nắng xuân... Trong lúc ấy, mấy trăm cây đào giống ông bạn đưa về nay đã cao hơn một mét lá vẫn xanh, trên cọng lá mấy chấm trắng nhỏ như hạt tằm, phơ phớt chút lông tơ mịn màng nhưng vẫn nghiêm sắc mặt đợi chờ *”Mấy em đào bản địa cứ nhõn nhõn cười trước đi! Chờ xem chị, chị cần lạnh hơn một chút, đêm dài hơn và nếu có tuyết thì ... các em sẽ biết chị đẹp dường nào!”*



Dalat bây giờ không như xưa Thiệp - Mai ạ, Dalat không còn lạnh tê buốt và không còn mùa đông nắng rất trong mà da diết lạnh. Ban ngày Dalat nắng như Saigon, nóng ngoài trời trên 30 độ; các khách sạn đã có máy lạnh trang bị trong phòng. Bây giờ không còn thấy màu áo len duyên dáng một thời của các cô gái Dalat; không còn cảnh cả gia đình đêm đêm tụ quanh lò sưởi nghe gió vun vút hú ngoài trời... không còn những vì sao xanh xao, gầy guột lạnh lẽo, đợi chờ...

Nắng nóng như vậy nên tội nghiệp mấy trăm cây đào của tụi mình lắm ông bà Thiệp ạ. Cuối tháng 12, vào mùa Noel, hoa đào bản xứ đã tằm tằm đỏ một góc trời, tôi cứ mỗi ngày long công ngắm từng cành Peach, Cherry mới chuyển màu rụng lá. Rồi như bụng của các chú ong non đậu lên các cành bụi bậm, lớp lông tơ mượt mà trắng nhạt phủ quanh các mầm hoa như các hạt đậu xanh. Biết bao cơ man nào là hoa, hàng chuỗi dài hoa trên cành... Ra giêng, rồi nửa tháng giêng, rồi qua tháng hai đến Tết ta... hoa đào bản địa đã rơi rụng cả rồi; mà hơn hai trăm cây hoa đào của tụi mình vẫn trơ cành lấm tẩm mầm hoa mượt mà lớp lông tơ mịn màng!". Vẫn khư khư cầm nín!

Tội nghiệp đám hoa đào của tôi!! Tôi đọc báo : "Ở Nhật và Mỹ đang chuẩn bị cho hội hoa đào, đang tổ chức cho du khách khắp nơi đến..."

Trong bản năng sâu xa của sinh vật có chẳng đào của tôi đang nghe tiếng gọi của đông tàn xuân đến!! "Các em ơi, đào của tôi gọi các cành đào bản địa, xem này giờ đến phiên chị nở hoa đây!" Dalat nắng chang chang, nắng như xứ nóng, tôi lấy màn lưới che nắng cho hoa đào, tôi tưới phun sương, tôi quanh quẩn nâng từng chuỗi hoa lép! Nhưng rồi các mầm khô dần, khô dần, không đủ độ đông lạnh giá cho mầm hoa hút nhựa trưởng thành; không đủ độ lạnh, độ nắng hanh nhẹ nhẹ lạnh cỡ 16-20 độ cho hoa hàm tiếu, mãn khai. Nhìn những mầm mơn mớn khô cứng, khô đanh lại, không một chút màu hồng của cánh hoa mơ ước, tôi buồn quá ông bà ạ!

Thiệp ạ! Có bao giấc mơ không thành, nhưng giấc mơ hoa đào của ông và tôi làm tôi suy nghĩ thật nhiều về thân phận sinh vật trong môi trường thiên nhiên chẳng khác gì thân phận con người trong môi trường xã hội.

Chắc rồi phải chờ thôi, phải tin rằng từ từ, có nhiều năm, nhiều thế hệ, giống hoa này nó quen với khí hậu và thổ nhưỡng, quen với mùa đông bản địa, quen với môi trường chung quanh. Rồi nó phải tập quen dần để tồn tại phải không ông?

"Chắc rồi sẽ có một thứ hoa đào khác sẽ nở trên mấy trăm gốc đào chúng mình ước mơ! Chắc sẽ phải điều chỉnh giấc mơ của chúng mình cho phù hợp với thực tại hoặc hãy vui khi giấc mơ mãi là giấc mơ Thiệp – Mai nhé!"

Nhưng tôi và ông Tuyền vẫn chờ vẫn hi vọng. Biết đâu. Những người Việt ở xứ nhiệt đới nay sông ở Na Uy Thụy Điển thiếu gì. Họ không tàn lụi mà chỉ vài năm sau sống hùng sống mạnh nữa là khác. Cây cỏ cũng như người sẽ có bản năng sinh tồn và thích nghi với môi trường sống. Nếu quả như vậy thì sang năm hay sang năm nữa hoặc xa hơn trong một ngày nào đó không biết những gốc đào của tụi tôi chẳng nở hoa Giấc mơ hình như càng đẹp hơn nếu nó không trở thành sự thực và giấc mơ hoa đào của chúng tôi e sẽ như vậy chẳng. Cũng chẳng sao vì tất cả chung qui lại là tấm lòng với hoa.

Thế thôi.

## Mưa ở Mộc Hóa

Năm nay nước muện nên lên nhanh, chỉ có vài ngày mà nhìn đâu cũng thấy nước. Những thửa lúa mênh mông bên kia sông như có phép lạ, nước dâng tới đâu, ngọn lúa ngoi tới đó. Từ cửa sổ lầu hai nhìn ra cả một vùng bát ngát như chìm trong màu mưa mờ đục. Thiếu tá Soạn thăm nhớ đến ruộng chiêm ở Sơn Tây. Đến mùa tháng mười những thửa ruộng chiêm cũng ngập

mưa nhưng không được thênh thang như ở Mộc Hóa. Nơi đây trên là trời dưới là ruộng nhìn ngút con mắt. Bà cụ mẹ vợ có lần xuống chơi, thấy cảnh cày cấy ở đây chép miệng than: “Đúng là làm bõn ăn thật, chả bù với quê miền Bắc nhà mình.” Có tiếng lịch kịch ở sau, ông quay lại. Người hạ sĩ nhất bước vào từ hồi nào đang dọn dẹp, ngẩng lên hỏi:

- Thiếu tá về nhà ăn sáng hay ra phố? Đêm qua Thiếu tá thức khuya quá.

- Tôi đã nói cứ đi ngủ trước, tôi còn phải đọc mở hồ sơ mới đến. Anh thức làm gì cho mệt. Chắc không về nhà được, anh chạy ra phố mua cái gì về cùng ăn.

- Em ăn rồi, mì gói. Thiếu tá ăn gì để bảo tụi nó ra mua.

- Thôi mất công, có mì làm tôi hai gói cho gọn. Đói rồi. Tám giờ tôi phải họp ở Trung Tâm Hành Quân rồi phải sang gặp ông Tỉnh nữa. À, hể thấy ông Trung úy Tiến về thì bảo gặp tôi ngay.

- Trung úy Tiến còn hành quân ở dưới mấy ấp, hồi sớm em qua Tiểu Khu chưa thấy ai.

Cái chức Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu đúng là thứ đầu sai, cái gì bên Tỉnh đẩy sang được là đẩy. Lại còn phải kiêm thêm vụ phòng nhì an ninh tình báo vì ông Đại Tá đã thân mật bảo “Thiếu tá coi luôn ban hai, tôi không tin mấy ông kia. Nó té nhị lắm, biết ông bận nhưng không dám giao cho ai.”

Tế nhị là chữ của ông Tỉnh Trưởng là để ám chỉ đến những vụ bê bối lem nhem đã xảy ra. Dọa một ông Ba Tàu trốn lính khéo léo thì có một khoản. Vật vãnh như chặn ghe chờ lúa, khám xét nhà máy xay gạo đều có thể moi được chút đỉnh, chưa kể đến những vụ lớn hơn như bắt giam về đủ tội dấm dớ. Vào đến an ninh quân đội thì ai mà không sợ?

Khi Thiếu tá Soạn bước ra khỏi cuộc thuyết trình an ninh lãnh thổ hàng ngày, trời vẫn mưa, và đầu đầu thoáng cái lạnh dịu dàng có mùi ẩm ướt. Từ đây sang phía dinh tỉnh trưởng chỉ độ vài trăm thước, băng qua con lộ là tới, bình thường ông vẫn ôm hồ sơ lội bộ. Nhưng trời mưa thế này. Chiếc xe jeep đậu chờ ngay cửa nhưng ông bỗng thấy muốn đi dưới mưa nên vẫy tay gọi người tài xế:

- Anh cho tôi mượn cái poncho. Còn xấp hồ sơ này đem về văn phòng cho tôi.

Vốn quen tính, người tài xế lẳng lặng cởi chiếc poncho ướt át đưa cho ông xếp. Trời mưa không to nhưng đều hạt, những giọt mưa bay xéo đan vào nhau như một màn mỏng. Vừa đến giữa sân cờ thì bốn chiếc GMC ị ạch queo vào. Trung đội thám báo tỉnh. Ông đứng giữa sân nhìn đám lính ướt như chuột lột, súng ống kèn cồng nhẩy khỏi xe, tụ cả vào hiên nhà gạch, cười nói âm ỉ. Ông nhận ra ngay Trung úy Tiến và lưỡng lưỡng đi tới. Công việc của Tham mưu trưởng ngập đầu nên vụ phòng nhì ông dựa nhiều vào viên sĩ quan trẻ tuổi này. Có lẽ vì mưa, có thể vì ông trùm poncho nên không ai chú ý cho đến khi ông đến sát hiên nhà.

- Sao, ông Trung úy, chộp được nó không?

Ngạc nhiên thấy ông xếp đội mưa ở sân cờ, viên trung úy thảy khẩu M16 cầm trên tay cho một người lính và quay sang:

- Tin hoảng ông thầy ơi. Thằng đó ranh như ma nhưng thế nào tôi cũng tóm được.

Thiếu tá Soạn gật đầu. Tin tình báo mười cái thì gần như cả mười mơ hồ, láo khoét nhưng không thể không theo dõi. Nguồn tin A3 cho hay Ba Thành đang lẩn quất ở quanh xã Hiệp Hòa từ cả nửa tháng nay và chính ông Trung úy Tiến đã thân chinh nhiều lần đem thám báo tình hình mò, phục kích. Đang toan quay đi thì Trung úy Tiến nói:

- Ông Thầy, tôi cho giữ bà mẹ rồi.

Thiếu tá Soạn khựng lại:

- Bộ bà cụ liên lạc với nó à? Có chứng cứ gì không? Nó tính bỏ về nhà à?

- Không có chứng cứ gì nhưng mình giữ bà cụ thế nào nó cũng phải lộ mặt ra. Ông thầy nhớ vụ Tào Tháo giam mẹ Từ Thử không?

Thiếu tá Soạn đứng chết lặng trong cơn mưa. Trên sân cờ những người lính trùm Poncho đi động như những khối xám nhạt nhòa. Ông có cảm tưởng như bà cụ đang đứng ngay trước mặt nhìn ông:

- Trung úy, tôi đã nói rõ nhiều lần không ai được quấy rầy bà cụ. Tôi lặp lại, không ai được sờ đến chéo áo của bà cụ nếu không có bằng chứng rõ rệt. Tôi nói Trung úy hay, bà cụ có thể là bà mẹ Từ Thử nhưng tôi không là Tào Tháo và nhất là thằng Ba Thành không bao giờ là Từ

Thứ cả. Bây giờ là thế kỷ 20, không phải là Tam Quốc Chí, đừng dở võ Tàu của Trung úy ra. Trung úy cho người đưa bà cụ lên văn phòng gặp tôi ngay. Thiếu tá Soạn nện gót giày saut xoay người đi về phía bên kia sân, miệng lầm nhảm: “Ba Thành. Trần Ngọc Thành. Trần Chiến. Nguyễn văn Lâm.” và cái hồ sơ của viên bí thư tỉnh ủy Mộc Hóa với cả chục bí danh hiện ra rõ mồn một.

\*\*\*

Khi Thiếu tá Vũ Soạn vừa bước lên cầu thang, viên hạ sĩ đã đứng ở đó tự bao giờ:

- Trung úy Tiến cho người dẫn bà cụ lên, tôi để ngồi ở phòng ngoài. Thiếu tá có muốn gặp ngay không?

- Ừ, đưa vào ngay đi rồi còn phải đưa bà cụ về nữa. Từ đây xuống Hiệp Hòa lúc này chắc phải đi xuống. Anh pha cho tôi ấm trà nóng.

Bà cụ trông y như lần gặp trước, vẫn dáng dấp đờ đờ trong chiếc quần lãnh đen, bà ba màu trắng ngà. Miệng hơi mom mém, răng cửa chỉ còn hai ba chiếc nhưng tiếng nói vẫn rõ ràng. Thiếu tá Soạn đưa cả hai tay nắm lấy tay bà cụ dẫn vào, vừa đi vừa hỏi:

- Má khỏe không. Con xin lỗi làm phiền má vì mấy đứa nhỏ nó lộn xộn quá, đưa mà lên tận đây.

- Cảm ơn Thiếu tá, tui khỏe.

- Một chút xíu nữa con bảo tụi nó đưa má về nhà. Từ nay trở đi hễ đứa nào lộn xộn, má cứ nói má là má của Thiếu tá Soạn. Thiếu tá Vũ Soạn, Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu má nhớ chưa?

- Lần trước nhờ có Thiếu tá, bằng đi mấy tháng yên yên, tui qua mấy ông lính ở tỉnh, cái ông trung úy gì đó, lại bắt tui.

- Trung úy Tiến. Ông ấy hiểu nhầm nhưng má yên trí. Con chỉ muốn má đừng liên lạc gì với thằng Ba Thành là không có chuyện gì xảy ra hết.

- Nó đi mất biệt có biết ở đâu mà liên lạc. Thiếu tá biết hết mà. Nó đi tập kết từ hồi 54 lận.

- Con biết. Con còn biết, chắc má cũng biết. Nó bây giờ là Tỉnh Ủy Mộc Hóa, đang lên lút hoạt động quanh quần ở đây.

- Tui già cả biết đâu mấy chuyện đó.

- Con nói lại với má lần nữa. Chuyện là chuyện của tui con. Của con với thằng Ba Thành. Má già rồi, đừng dính vào. Con nói thật, nó bắn được con thì nó bắn liền. Con mà bắt được nó, con đưa nó ra tòa án quân sự. Nhưng chuyện là chuyện của tui con, má đừng có dính vào. Hễ nó liên lạc về, má nhấn làm gì thì làm, đừng có thể liên lụy tới má.

- Thiếu tá nói vậy tui hay vậy. Tui già cỡ tuổi này, chết giờ nào đâu hay, nhưng thấy sao bên này, bên kia cứ bắn giết nhau hoài. Buồn lắm Thiếu tá ơi.

Bà cụ nói xong, ngồi thu mình trên ghế. Thiếu tá Soạn im lặng ngắm bà cụ, rồi chậm rãi:

- Má ơi, mẹ con cũng cỡ tuổi má, không biết còn sống hay chết. Địa chủ, cường hào ác bá, con đi Nam, đấu tố đủ thứ...

- Thiếu tá nói gì vậy? Bộ Thiếu tá không biết mẹ Thiếu tá sống hay chết à?

- Hai mươi năm rồi má. Không tin tức gì. Thôi, để con sai tụi nó đưa má về. Nhớ hễ thằng Ba Thành nó liên lạc gì, má bảo nó đừng có để má bị liên lụy. Đây là chuyện của tui con, má già rồi đừng dính vô.

- Tui không hiểu sao nhưng giá đừng đánh nhau nữa có phải hơn không.

Thiếu tá Soạn đứng lên, vung qua bàn, đi tới mở chiếc tủ nhỏ, lấy ra một hộp mè xừng, miệng lầm bầm như nói với chính mình “Đừng đánh nhau nữa có phải hơn không. Có phải hơn không.”

Đỡ bà cụ dậy, Thiếu tá Soạn nhét hộp kẹo vào trong cái bị bằng vải của bà cụ, nói:

- Con đã gọi xuống rồi. Để con đưa má về. Má cầm hộp kẹo chia cho lũ nhỏ ở nhà. Nói tui nó đây là của bà ngoại mua ở trên tỉnh.

Ngoài kia trời vẫn mưa đều hạt.

\*\*\*

- Anh kia, lên đây.

Người tù cải tạo số 1715 khẽ nhại đang cầm chiếc mai sấn bùn ngẩng lên:

- Tôi nói anh kia lên đây.

Người bộ đội miền Bắc đầu đội chiếc mũ tai bèo, vai khoác AK47 trễ bên vai, đưa tay chỉ. Người tù hơi ngạc nhiên nhưng bị bõm lợi lên bờ trong khi cả đám tù cải tạo ngưng tay ngắm cổ nhìn.

- Bỏ đấy đi về trại có việc.

Người lính Bắc Việt chỉ chiếc vỏ lãi đang nổ máy, người lái cũng là một bộ đội đang ngồi. Từ sáu tháng nay, đã quen với cách cư xử của trại nên lẳng lặng leo lên chẳng nói chẳng rằng. Dáng ông to cao ngồi phía sau khiến người lính Bắc Việt như tụt xuống, như bị lép đi. Chuyện gì đây? Đâu phải khơi khơi, đang lao động mà được vỏ lãi ra tận nơi đón? Thắc mắc nhưng biết hỏi cũng không có câu trả lời, ông nghĩ hay nhất là im lặng.

Trại Cải Tạo ở Cà Mau nằm biệt lập, khuất sau những cây dừa nước dừa lửa, từ xa chỉ thấy những rặng màu xanh. Khi chiếc vỏ lãi ngừng, người lính Bắc Việt hát hàm:

- Vào đó, ngồi chờ.

Trong phòng khách của trại – không phải của tù mà là của quản giáo – mấy chiếc ghế sa lông không cùng bộ, cùng màu bày quanh một chiếc bàn mica ca thấp, có để một bó hoa ni lông. Ông định ngồi nhưng khựng lại vì quần áo vẫn còn nhơm nhếch bùn và mồ hôi vẫn còn rịn trên đầu.

Từ bên ngoài cửa có tiếng nói:

- Để tao dô một mình.

Cụu Thiếu tá Vũ Soạn, Tham Mưu Trưởng Tiểu Khu Mộc Hóa sững người. Giọng bà cụ.

Bà cụ trông hơi gầy so với lần trước nhưng y phục vẫn vậy, quần đen áo trắng ngà, chiếc khăn buộc thong quanh cổ.

- Tui tới thăm Thiếu tá.

- Má. Má đừng gọi vậy nữa. Bây giờ con là học viên cải tạo. Má khỏe không? Sao má biết mà cất công xuống đây làm chi.

Ông vẫn đứng đó giữa phòng khách. Bà cụ cũng đứng đó và bỗng đưa hai tay ra phía trước. Cụu Thiếu tá Soạn đưa hai tay ra đỡ.

- Má đến để cảm ơn con đã che chở cho má - Bà cụ rưng rưng nước mắt nhưng giọng nói rõ ràng - Má nhớ lời con hỏi đó. Thành Thành cũng nói như con. Đây là chuyện của nó với con. Nhưng nó bảo không giúp gì cho con được. Nó nói những gì lung tung má không hiểu. Nó cảm ơn con đã không bắt giữ má nhưng nó bảo cách mạng không lý gì đến chuyện riêng, chuyện tình cảm vụn vặt.

- Con hiểu.

- Má không hiểu. Má làm dữ, bắt nó đưa má xuống đây thăm con vì hôm rồi nó cho hay mấy người cải tạo sắp phải đi ra Bắc. Má e không có dịp nhìn thấy con nữa.

- Con hiểu.

- Má không hiểu. Buồn lắm, con ơi.

- Rồi má sẽ hiểu. Con cảm ơn má đã coi con như con. Con nói với má điều này. Má gọi con là con, xưng má như vậy mình là má con. Má đồng ý không?

Có tiếng húng hắng ho, và viên quản giáo bước vào:

- Hết giờ thăm rồi thưa bác. Anh Ba đợi bác từ nãy tới giờ, con nước sắp xuống, còn phải đi ghe ra chợ, không đi sớm e về Mộc Hóa không kịp.

Bà cụ nhìn viên quản giáo và quay lại, nhìn người tù. Bà lắc đầu, rồi co tay dụi nước mắt, từ từ đi ra, không nói thêm gì. Cụu Thiếu tá Soạn vẫn đứng đó nhìn theo ra cửa. Bỗng ông nhớ lại lần gặp trước. Hôm đó ở Mộc Hóa trời mưa suốt ngày.

